

NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 1965

BACH KHOA

năm thứ tám

ĐOÀN - THÊM chương trình hoạt động của các
chính phủ • NGUYỄN - HIỂN - LÊ thử tìm một
giải pháp cho các xứ kém phát triển • VŨ - BẢO
khủng hoảng mới trong tổ chức Bắc Đại-Tây-
Dương • VÕ - QUANG - YẾN Nobel khoa học
1965 • DOHAMIDE Hồi-giáo ở nước ngoài và
ở Việt - Nam • NGUYỄN - NGU - Í sống và viết
với Doãn - Quốc - Sỹ • HOÀNG - ĐÔNG -
PHƯƠNG vòng tay học trò • TRẦN - ĐẠI -
NGUYỄN - NHO - NHƯỢNG — ĐÌNH - TRẦN - CA
thơ • NGHIÊU - ĐỀ giấc ngủ của nàng •
ĐOÀN - THÊM thủy triều XXI • HOÀNG -
LỘC — LUÂN - HOÁN
thơ • TRẦN - THIÊN
vụ án Yosip Brodski •

192

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 181 ĐẾN 192





Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO
EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^E F^M DES DISTILLERIES DE L. I. C. **DiC**

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên để đặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vặn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

BÁCH

KHOA trong số này

Số 192 ngày 1 - 1 - 65

ĐOÀN-THÊM	chương trình hoạt động của các chính phủ	3
NGUYỄN-HIỂN-LÊ	thử tìm một giải pháp cho các xứ kém phát triển	9
VŨ-BẢO	khủng hoảng mới trong tổ chức Bắc Đại Tây Dương	19
VÕ-QUANG-YẾN	Nobel khoa học 1965	26
DOHAMIDE	Hồi-Giáo ở nước ngoài và ở Việt Nam	31
ĐOÀN-THÊM	thủy triều XXI	36
NGUYỄN-NGU-Í	sống và viết với Doãn-Quốc-Sỹ	37
TRẦN-ĐẠI	khi lửa đau khổ cháy lên — Cung thu giữa mùa xuân (thơ)	46
HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG	vòng tay học trò (truyện dài)	47
LUÂN-HOÁN	chân cầu thanh xuân — di cư trên sông — gốc cây núp dạn (thơ)	59
NGUYỄN-NHO-NHƯỞNG	vết buồn thời đại (thơ)	60
NGHIÊU-ĐỀ	Giấc ngủ của nàng (truyện ngắn)	1
	Những sai lầm trong truyện ngắn «Vết thương dậy thì»	70
HOÀNG-LỘC	về quê nội — vời xa (thơ)	72
SINH-HOẠT		
THU-THỦY	vụ án Yosip Brodski	73

BACH KHOA

sổ kỷ niệm 8 năm

- Những bài tổng-kết về tình hình quốc tế, quốc nội, văn học khoa học . . . trong năm qua.

- Vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt-Nam đã làm tổn hao bao nhiêu giấy mực từ mấy chục năm nay sẽ được đem ra xét lại.

- Thiên tài hay chỉ là vận may ? tiểu sử một danh nhân mà từ địa vị thư ký cho một hãng tàu biển trở thành một nhà nghiên cứu khoa học với phát minh nổi tiếng trên thế giới, có phải là nhờ ở những dịp may đã biến cải cuộc đời ?

- Chuyện 6 vị thuyền sư : kể lại phương pháp truyền đạo hoặc trường hợp ngộ đạo ngày xưa của mấy vị thuyền sư có dẫn giải và bình luận.

- Một năm báo chí của Vũ-Hạnh và những vui buồn của một nhà văn ký giả của Sơn-Nam. v.v. . .

BÁCH-KHOA SỔ KỶ NIỆM 8 NĂM

cũng là SỔ TẾT ẤT-TY

Sẽ làm bạn đọc vui thích với :

- Một bó hoa Xuân gồm 10 chuyện Tết đặc sắc nhất của 10 nhà văn trong các thế hệ khác nhau mà bạn đọc hằng ưa thích.

- *Đồng cỏ trong sương* của Lê-Tất-Điều, *Dấu chân sa mạc* của Võ-Hồng, *Vừa đi vừa ngược nhìn* của Trùng-Dương, *Hành động* của Võ-Phiến, *Cát lầy* truyện dài mới nhất của Thanh-Tâm-Tuyền v.v...

- Một phóng sự đặc biệt về « Đời công chức » của Thu-Thủy

- *Sống và viết với Đông-Hồ* của Ngu-Í.

BÁCH-KHOA SỔ ẤT-TY

và KỶ NIỆM 8 NĂM

sẽ đến tay bạn đọc ngày 15-1-1965

chương-trình hoạt-động

đoàn-thêm

của các chánh-phủ

SỰ chọn người cầm quyền trị nước, ít nhất là trên giấy tờ, thường căn cứ vào

— tài-năng, đức-độ, thành-tích của nhân-vật được mời ra lập Chánh-Phủ.

— Phương-lược cứu quốc hay kiến quốc mà vị đó muốn áp dụng.

Nói một cách khác, cả hai yếu-tố cá-nhân và chương-trình hiệu theo nghĩa rộng, đều cần-thiết bất-cứ trong chánh-thề nào, dù người điều-khiển guồng máy quốc-gia do Quốc-Trưởng chỉ định, hoặc do dân-chúng bầu cử (1)

Yếu-tố nào cần hơn, chưa ai có thể quả quyết. Song nếu dựa vào một số trường-hợp lịch-sử, thì thấy như sau :

Khi Quốc-Gia lâm nguy, vấn-đề thu phục nhân-tâm và huy động quần-chúng, có tính-cách tối-yếu

và đòi hỏi trước hết một bậc lãnh đạo có nhiều uy-tín.

Năm 1934, Pháp gặp khủng-hoảng trầm-trọng vì nạn xung-đột đảng phái. Nền Tổng-Thống Lebrun phải vờl cựa Tổng-Thống Doumergue ra lập Chánh-Phủ đoàn-kết quốc-gia, không phải vì ông có kế-sách gì mẫu nhiệm, nhưng vì ông được mọi đảng kính nể.

Sau khi Pháp bị Đức tràn ngập và chiếm đóng, 1940, Anh bị đe dọa xâm lăng, dân-chúng rất hoang mang nên các giới tự động yêu cầu ra chấp chính, một yếu-nhân mà nghị-lực phi-thường có thể gây tin-

(1) do Quốc-Trưởng chỉ định (như ở Pháp, Ý, Ấn-Độ...) do dân-chúng bầu trực-tiếp (như ở Hoa-Kỳ, Tổng-Thống kiêm Thủ-Tướng) hoặc gián-tiếp (như ở Anh, lãnh-tự đảng nào thắng trong cuộc tuyển-cử vào Hạ-Nghị-Viện, sẽ được Anh-Hoàng mời lập Nội-Các)

tướng mạnh vào sự chiến-thắng :
ô, Winston Churchill.

Nhưng khi Thế-chiến II vừa kết
lưu, mặc dầu đã thành công cứu
quốc, ông cũng bị đa-số cử-tri mời
về nghỉ, vì những biện-pháp trùng-
tu và cải-tiến sinh-hoạt của đảng
Lao-Động thích hợp gấp bội của
đảng Bảo-Thủ do ông dlu dắt. Như
thế, khi cục-diện cho phép đời
sống chính-trị trở lại mức bình
thường, thì các dự-án và các giải-
pháp được đem ra xét kỹ, nên
vấn-đề chương-trình lại thành ra
quan-trọng hơn cả.

..

Bởi vậy, ở vài nước, Hiến-Pháp
đã coi chương-trình là điều-kiện
căn-bản của sự thành-lập Chánh-
phủ ; Chính-Phủ chỉ được Quốc-
Hội thừa nhận nếu chương-trình
hoạt-động được chấp thuận (Hiến-
Pháp Ý 27-12-47, điều 94 — Hiến
Pháp đệ-tứ Cộng-Hòa Pháp 27-10-
46 và Hiến-Luật 7-12-54, điều 45).

Hiến-Chương Lâm-Thời 20-10-
64 của Việt-Nam, cũng định ở
điều XI : Quốc-Trưởng chọn Thủ-
Tướng, Thủ-Tướng trình bày
trước Quốc-Dân Đại-Hội một
chương-trình hành động. Quốc-
Trưởng sẽ bổ nhiệm Thủ-Tướng
nếu được Quốc-dân Đại-Hội chấp
thuận.

Theo các văn-kiến kể trên, phải
đủ những hai điều-kiện mới có thể
ra cầm quyền : Có tài-đức để
được chọn, có chương-trình thích-
ứng. Cả Hành-Pháp lẫn Lập-Pháp

tham gia việc khai sinh Chánh-
Phủ. Về lý-thuyết, càng nhiều đảm-
bảo khách-quan, càng hợp tinh-
thần dân-chủ.

Nhưng trong thực-tế, sự bắt buộc
đưa ra ngay một chương-trình
hành-động, có gây hậu-quả gì bất-
lợi không ? Và nếu có, thì liệu
tránh như thế nào ?

Ở nhiều nước Tây - Âu mỗi
chính-đảng lớn đều có những cơ-
quan cũng những đảng-viên theo
dõi và cứu xét các vấn-đề quan-
trọng trong mọi lãnh-vực : họ chuẩn
bị lập-trường và chánh-sách, lại
phổ biến trên báo chí đề cõ động,
đả kích, bênh vực, tranh thủ cử-tri.
Nên khi phải chọn một Thủ-Tướng
hợp-thời, Quốc-Trưởng dễ biết cần
mời ai. Vị lãnh-tự được chỉ định,
sẵn có chương-trình trong ô kéo,
chẳng hoặc nếu cần thảo lại, cũng
tốn nhiều thời-giờ suy nghĩ.

Nếu không như vậy, làm sao ô.
Harold Wilson vừa đắc-cử và bắt
tay lần đầu tiên vào việc chánh-
quyền, đã nêu luôn ra những vấn-
đề trọng-đại với những giải-pháp
mà Chính-phủ của Ông cho áp dụng
liền : tăng thuế nhập-cảng 15%,
không gia nhập lực lượng nguyên-
tử đa-phương, thỏa-hiệp với Hoa-
Kỳ trên nhiều địa-hạt, vv...

Nhưng ở một xứ chưa có những
tổ-chức chính-đảng tương-tự, khi
những chính-khách có tên tuổi
cũug chẳng mấy khi cho biết đã nghĩ
gì về vấn-đề này hay vấn-đề khác
của quốc-gia, thì làm sao áp dụng
được dễ-dàng điều-khoản « trình

bày chương-trình ». ? Nhiệm-vụ của người lựa chọn, của người phải xét đề thuận hay không, và nhất là của người được mời hay bị mời, quả thật nặng-nề và khó-khăn : việc lại gấp, dân-chúng chờ đợi, nhiều giới lăm le chỉ trích... Cho nên cần tìm một lối thoát chung.

**

Một bác-sĩ, một thương-gia, hay một giáo-sư... rồi ra có thể được mời lập Chánh-phủ.

Đã làm chánh-trị, ông đó tất-nhiên am hiểu tình-hình một cách tổng-quát ; nhưng nếu chưa từng lăn lộn trong chánh - quyền, ông không thể nào đủ tài-liệu để cứu xét và dự tính những biện-pháp cần-thiết. Nên trước hết, xin đừng đòi hỏi ông một chương-trình cụ-thể với những công-tác phải thi-hành, mà ông chỉ có thể ấn định sau khi nhậm chức, với sự giúp đỡ của nhiều chuyên-viên.

Vì thế, chỉ nên buộc ông công bố một chánh-sách đại-cương để đáp ứng nhu-cầu của tình-thế.

Khi cựu Tổng-Thống Poincarre được mời ra lập Chánh-Phủ (1928) không ai hỏi ông sẽ xây bao nhiêu trường học hay tuyển thêm bao nhiêu cảnh-binh : dân chúng Pháp và Quốc-hội Pháp chỉ đòi ông vền vền một điều : cứu vãn đồng phật-lãng đương bị phá giá (sau-ver le Franc)

Phải đợi thời-kỳ thái-bình thịnh-vượng, với một chánh-phủ vững

bền như của De Gaulle hiện nay, người ta mới yêu sách cải thiện giao-thông để chống nạn bế tắc vi xe cộ, và Bộ-Trưởng Văn-Hóa André Malraux mới ghi được vào chương trình hoạt-động, một dự án an-ninh xã-hội cho giới họa-sĩ.

Dẫu sao, chương-trình không nên ghi những điều dĩ-nhiên nằm sẵn trong nhiệm-vụ của chánh-quyền, mà bất-cứ Chánh-phủ nào cũng phải thực hiện :

— Nâng cao mức sống toàn-dân, giúp đỡ giới lao-động, tăng gia sản xuất, khuyến khích xuất-cảng, chống nạn đầu-cơ hối-lộ, cải thiện guồng máy hành-chánh, kích thích tinh-thần phục-vụ, bài trừ cường hào ác bá vv... Tất cả vấn-đề, là làm thế nào để đạt các mục-tiêu kia ?

— Tiếp tục thi hành những công-tác lớn theo những dự-án sẵn có. Ở Việt-Nam, thì như sự trang-bị kinh-tế, xây dựng các khu-vực kỹ-nghệ, thủy-điện Danhim, nước sông Đồng-Nai, Xi-măng Hà-Tiên, mỏ than Nông-Sơn... Nhưng nếu những việc cũ được nhắc lại trong chương-trình mới, cũng xin đừng ai chê trách, vì những công-cuộc lâu dài là của Quốc-Gia, chứ không phải của một chế-độ hay một Chánh-phủ nào. Tuy-nhiên, chỉ nên kể những gì chứng tỏ sáng-kiến của Chánh-phủ mới, như phần bổ-khuyết dự-án cũ, sự sửa đổi phương-pháp tiến-hành. . .

— Sau hết, xin miễn ghi những việc chỉ có tính-cách thông-thường

hoặc tầm-thường, như phân phát hom khoai lang, giúp vốn nuôi heo, phòng ngừa bệnh lao phổi, chống nạn mù chữ, tổ chức các cuộc đua thề-thao, vv... Hàng ngàn việc như trên, dù dân không đòi, các cơ-quan chánh-quyền cũng vẫn làm hàng ngày. Nếu Chánh-phủ phải nói ra, tất nhiều người lại ngộ tưởng rằng tiểu-tiết được chú trọng và đại-sự bị sao lãng.

..

Ngoài ra, còn sự khó-khăn nữa do thời-hạn trình bày chương-trình.

Một nhân-vật được Quốc-Trưởng mời ra lập chánh-phủ, sau khi tạm nhận lời, sẽ phải lo

- tìm những người cộng-sự
- lập chương-trình đưa ra Quốc-Dân đại-hội chấp thuận.

Việc nào cần làm trước ?

— Nếu vội đi mời các chánh-khách tham gia Chánh-phủ, các vị này sẽ đặt điều-kiện này khác : như đòi thực hiện một vài dự-án Thỏa-hiệp xong, đưa chương-trình ra Quốc-Dân Đại-Hội : ở trường-hợp Đại-Hội không đồng ý, tất Thủ-Tướng không thể được Quốc-Trưởng bổ-nhiệm, và bao nhiêu nỗ-lực tiếp xúc điều đình, đều hóa ra vô ích.

— Hoặc ngược lại, chương trình đã sẵn có, hay soạn thảo mau lẹ, được sớm đưa ra cho Đại-Hội xét. Đại-Hội tán thành, Thủ-Tướng được sắc-lệnh bổ nhiệm, rồi mới đi

tìm chừng 10 hay 15 Tổng-Trưởng. Người nhận, kẻ chối, hoặc nhận xong lại từ, nhân-tài không nhiều, các quyền-lợi và ý-kiến dễ xung đột : có thể một số người đòi thay đổi chương - trình đã được chấp thuận rồi.

Tóm lại, ở trường-hợp nào, sự thành-lập Chánh-phủ cũng gặp nhiều trở-ngại, nếu phải lệ-thuộc điều-kiện chương-trình một cách quá chặt-chẽ.

Bởi vậy, cần quan-niệm lại Chương-trình cho rộng rãi :

Ở Pháp, theo Hiến-Pháp 27-10-46, thì Thủ-Tướng phải đưa ra Hạ-Nghị-Viện chấp thuận cả *chương trình lẫn chánh sách* (obtenir la confiance de l'Assemblée Nationale sur le programme et la politique qu'il compte poursuivre ... article 45).

Song ở Việt-Nam, trong giai-đoạn này, khi giới chánh-trị của ta chưa đủ những điều-kiện tổ-chức như ở Âu-Châu, xin đề các vị sắp lên cầm quyền cho biết đường lối muốn theo, và lập-trường đối với dăm bảy vấn-đề chính-yếu mà thôi, chứ đừng bắt xác định ngay những biện-pháp sẽ thi hành.

Hơn nữa, thiết tưởng nên xét lại thủ-tục đã định trong Hiến-Chương.

Theo Hiến-Chương, Thủ-Tướng phải được Đại-Hội chấp nhận đã, rồi Quốc-Trưởng mới bổ nhiệm.

Nhưng sao không đề Quốc-Trưởng ký sắc-lệnh bổ nhiệm ngay

Thủ-Tướng cùng các Tổng-Trưởng ? các vị này sẽ trao đổi ý-kiến và cùng nhau hoàn bị một chánh-sách chung, rồi Chánh-Phủ sẽ trình diện Đại-Hội : ở các nước tiền-tiến, cũng còn như vậy (Pháp 1946-1958, và Ý từ 1947 tới nay ; theo điều 94 Hiến-Pháp Ý, 10 ngày sau khi chánh-thức thành-lập, tân Chánh-Phủ mới phải ra trước Quốc-Hội.

Lại còn một điểm quan-trọng chưa được chú ý : dù cứ theo đúng Hiến-Chương, Đại-Hội cũng có thể quyết định một cách linh động.

Vì nếu đọc kỹ điều XI, thì tuy Thủ-Tướng phải trình bày chương-trình, Hiến-Chương không đòi hỏi rằng chương-trình đó phải được chấp thuận, nhưng chỉ nói : « Thủ-Tướng trình bày trước Quốc Dân Đại-Hội một chương-trình hành-động. Quốc-Trưởng sẽ bổ nhiệm Thủ-Tướng nếu được Quốc-Dân Đại-Hội chấp thuận. »

Vậy khi chấp thuận hay không, Đại-Hội có thể chỉ căn cứ vào cá-nhân Thủ-Tướng, dấu chương-trình có khuyết-điểm ?

Đ. T.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ
của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi ngành : PARIS TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIÉNTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plaplachat, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E.C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala Lumpur : *14 Ampang Street.*

thử tìm một giải pháp cho các xứ kém phát triển

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Đừng đua đòi Âu-Mỹ

CƠ quan thống kê của Liên-Hiệp-Quốc tính rằng lợi tức quốc-gia của ta năm 1955 là 54.435 triệu bạc Việt-Nam, trung bình mỗi đầu người là 4.500 đ. mỗi năm. Khoảng 70 Mỹ-kim theo hối xuất 70 đồng ăn một Mỹ-kim; như vậy trong bảng lợi tức của thế giới, ta đứng vào hạng áp chót, chỉ hơn có hạng dưới 50 Mỹ-kim mỗi năm. Mà lợi tức tính theo đầu người

ở Huê-Kỳ là 1900 Mỹ-kim

ở Anh là non 800 —

ở Pháp là trên 700 —

ở Nhật là trên 200 —

Tăng lợi tức được 3% mỗi năm đã là khá rồi; giả thử ta có tăng được như Nhật hiện (nay là 7% đi nữa — họ đạt con số cao nhất thế giới đó vì họ cần; kiem có nhiều kỹ thuật

gia, có nhiều thợ chuyên môn, được Huê-Kỳ giúp vốn, lại có tinh thần chiến đấu ghê gớm, không chiến đấu thì chết đói dù được như vậy thì ít nhất cũng phải ba bốn chục năm nữa ta mới bằng được Nhật hiện nay (lúc đó họ đã bỏ xa ta); còn cái chuyện đuổi kịp được Âu, Mỹ thì ôi thôi, phải đợi tới khi nào nhân loại có một tổ chức mới đã.

Vì vậy ta phải bỏ cái ý đua đòi Âu Mỹ đi. Các nước kém phát triển tiến sau họ hơn một thế kỷ, nên rút kinh nghiệm của họ chứ không nên theo đúng con đường của họ.

Ta phải tùy hoàn cảnh, tài nguyên thiên nhiên, mức tiến hóa của xã hội, khu vực ảnh hưởng của nước mình... mà tạo lập một nền kinh tế thích hợp với mình, chứ không nên bắt chước Âu, Mỹ. Tôi lấy thí dụ: tại Anh có 7% số người hoạt động

làm trong canh nông, tại Huê-Kỳ số đó trên dưới 10%. Ta không nên lấy những số đó làm mục tiêu phải đạt được trong một tương lai gần đây vì ta không như Anh, có một nền kỹ nghệ lâu đời rồi, chuyên xuất cảng sản phẩm kỹ nghệ để nhập cảng thực phẩm (như vậy có lợi cho họ); mà ta cũng không như Huê-Kỳ có được những thửa ruộng lớn có thể dùng những máy tối tân trong canh nông được. Sự di chuyển công nhân từ khu vực sơ đẳng qua khu vực nhị đẳng và tam đẳng phải tự nhiên và đều đều. Không thể vượt giai đoạn về phương diện đó được. Nếu kỹ nghệ hóa cho thật mạnh, dùng rất nhiều công nhân về kỹ nghệ thì số người làm ruộng sẽ thiếu, hậu quả là sẽ thiếu ăn, hoặc giá thực phẩm sẽ lên cao quá mà giá sinh hoạt sẽ đắt đỏ, dân nghèo sẽ chịu ảnh hưởng trước hết và nặng nhất.

Không theo đòi Âu, Mỹ còn có nghĩa là dân tộc mình nghèo thì sống theo lối nghèo, không cần có đủ những xa xỉ phẩm của Âu, Mỹ. Trong giai đoạn hiện tại chúng ta chỉ nên nhắm mục tiêu này: làm sao cho dân chúng đừng đói rét, đau có đủ thuốc uống, và đồng thời làm sao giảm lần lần được sự bất quân trong xã hội. Muốn vậy, phải rút bớt mọi sự tiêu pha không cần thiết. Cần có xe hơi để đi cho mau thì mua thứ xe nào rẻ tiền bền bỉ mà đỡ tốn xăng. Mà tại sao phải uống những thứ rượu của Âu, Mỹ, ăn trái cây Âu, Mỹ . . .

Những người giàu cũng không nên xài phí quá. Chính phủ có thể cấm nhập cảng những sản phẩm vô ích,

Ông Alfred Sauvy đã nói: tại một xứ có nạn nhân mãn, kẻ nào ăn thịt là kẻ ấy ăn thịt người. Chúng ta cũng có thể nói: Tại một xứ kém phát triển, kẻ nào xài những ngoại hóa quá xa xỉ là cướp miếng ăn của dân nghèo. Họ có dư tiền, không cho họ xài vô lí mà cũng cấm ngặt họ gửi vốn ra ngoại quốc thì họ sẽ tìm cách dùng tiền vào những việc khác có lợi cho quốc dân, chẳng hạn đầu tư để kinh doanh, nếu ta biết khuyến khích họ. Dân tộc Do Thái có nhiều đại phú gia bỏ vốn vào công việc dẫn thủy nhập điền tại sa mạc Néguev để năm sáu năm sau mới được hưởng một số lợi nhỏ; họ đã có công tạo một nguồn lợi lớn cho quốc gia vì nhờ họ một phần mà dân tộc đỡ phải lệ thuộc ngoại quốc về thực phẩm. Họ đã biến sa mạc thành đồng ruộng xanh tươi mơn mớn và ruộng ở sa mạc của họ sản xuất còn mạnh hơn ruộng ở Pháp. Người ngoại quốc nào đi thăm xứ họ cũng phải thán phục rằng họ đã thực hiện được một phép màu.

Tóm lại nhà cầm quyền các xứ kém phát triển không bao giờ được quên rằng:

Đặc biệt là các nhà cầm quyền và giới trí thức thượng lưu càng phải có một lối sống giản dị để làm gương cho đại chúng. Ben Gourion một trong những nhà thành lập quốc gia Israel và làm Tổng Thống đầu tiên của quốc gia đó sống y như một hiền triết thời cổ: khi ông còn cầm quyền mà trong nhà chỉ có mỗi một người ở gái; buổi tối ông bà phải pha cà phê lấy để đãi

khách và khi khách về thì dọn dẹp, rửa chén lấy.

Có sống giản dị thì mới dễ giữ được tư cách; có biết tri túc thì mới gây được hạnh phúc. Có thể rằng tinh thần tri túc của cổ nhân cản trở một phần nào sự tiến hóa về kinh tế, nhưng trong hoàn cảnh hiện tại của chúng ta, tinh thần đó cần thiết vì chúng ta nghèo. Chúng tôi còn nghĩ rằng phải làm sao tạo được một nếp sống riêng cho dân tộc mình, một nếp sống giản dị, không xa hoa như Âu, Mỹ, nhưng không thiếu thốn; không khinh vật chất nhưng cũng biết trọng tinh thần. Biết phân biệt cái gì quan trọng và cái gì phù phiếm, đó là bước đầu của sự minh trí.

- dân tộc mình nghèo
- mình phải lo cho dân đủ ăn trước đã,
- giảm mọi sự xa xỉ để có vốn kinh doanh mà cũng để cho lối sống giữa người giàu và kẻ nghèo đừng cách biệt nhau quá.

..

Sự cải cách điền địa

Một giải pháp mà chính quyền nào ở các xứ kém phát triển cũng nghĩ tới liền khi mới thu hồi lại được nền độc lập là chia lại ruộng đất, để giảm bớt sự bất công và nâng cao mức sống của giới cần lao nông thôn, giới này chiếm 70—80% dân số trong nước.

Giải pháp đó rất hợp lí và từ xưa ở Trung-Hoa đã có nhiều người nghĩ tới, Hán Võ-Đế và Vương-Mãng có

chương trình cải cách điền địa, lấy đất của địa chủ lớn chia cho dân nghèo theo pháp tính điền; tới đời Lục Triều, nhà Tần cũng hạn chế số ruộng của hạng vương tôn và phát cho dân nghèo mỗi người 70 mẫu; đời Tống, Vương An-Thạch cũng chủ trương nhiều cải cách xã hội, mục đích là cho tình trạng bất quân bình đi được phần nào, nhưng phải thủ cựu phản đối ông kịch liệt, nên chương trình không thực hiện được. Rồi Đường Châu đời Minh, Nhan Tập Trai đời Thanh đều bàn đi bàn lại về phép tính điền, nhưng triều đình nhà Thanh cũng chẳng thi hành được gì cả.

Từ sau thế chiến, chính sách cải cách điền địa thành một quốc sách tại các nước kém phát triển. Người ta hạn chế số ruộng đất của người giàu bằng cách truất hữu hoặc mua lại rồi trả tiền trong một thời hạn là bao lâu; người ta lấy đất đó hoặc chia không cho người nghèo hoặc bắt trả góp một cách dễ dãi trong một thời hạn nào đó. Người ta lại hạ số lúa ruộng xuống, thành thử đời sống của nông dân có phần dễ chịu hơn, nhiều hay ít tùy theo sự cải cách được áp dụng triệt để hay không, mà nhất là cũng tùy mức sống của nông dân khi bắt đầu có sự cải cách. Vì nếu mức sống đó rất thấp thì sự cải cách có lợi rất ít, có khi còn có hại là khác. Về điểm đó, nhà xã hội học A. Sauvy và nhà hình tế học J. Fourastié đều đồng ý với nhau.

Trong cuốn «Théorie générale de la population, trang 247, A. Sauvy viết đại ý như sau: Sự chia đất nếu áp dụng không khéo, có thể gây một nạn đói giết người vì nó tạo ra sớm quá

một giới trung lưu trước khi có sự gia tăng sản xuất về thực phẩm. Ở Nga, hồi đầu cuộc cách mạng dân chúng đô thị đói, người ta đổ cho nông dân muốn phá hoại mà giấu thực phẩm đi, hoặc muốn bán chợ đen để kiếm được nhiều tiền. Nhưng sự thực không hẳn là như vậy, Dân quê trước kia thiếu ăn, bây giờ (sau khi chia đất) có thể ăn được nhiều hơn thì họ ăn nhiều hơn, khi nào có dư mới đem bán cho thành thị mà làm sao có dư nhiều được khi mà sản xuất còn kém — vì vậy dân thành thị thiếu lúa ăn.

Trung-Hoa hiểu hậu quả tai hại đó, nên chia đất rồi, họ liền đánh thuế nặng để nông dân không thể ăn nhiều được mà phải dành một số lúa lại đủ để nuôi dân thành thị; mặc dầu vậy, theo ông Raymond Aron trong cuốn « 18 leçons sur la société industrielle » năm 1962, dân Trung-Hoa cũng vẫn đói. (1) Rút cục, nông dân chẳng được lợi gì thiết thực cả. Chỉ tại mức sản xuất vẫn còn thấp; nó chưa đủ nuôi mọi người cho nên mọi người phải bị hạn chế ít nhiều về thực phẩm.

Ông Fourastié trong cuốn « Machinisme et bien être » xét trường hợp của Ấn-Độ, đưa thí dụ rằng một lãnh chúa Ấn-Độ có 100.000 nông dân, mỗi nông dân sản xuất trung bình được 500 gam gạo một ngày. Nếu bây giờ truất hữu tài sản của lãnh chúa đó, chia đều lợi tức của lãnh chúa cho 100.000 nông dân thì lợi tức của mỗi nông dân tăng lên thật, nhưng sức sản xuất lúa thì cũng vẫn như cũ, mỗi người vẫn chỉ được ăn 500 gam gạo kết quả chỉ là giá gạo tăng lên thôi.

Trong cuốn « Pourquoi nous travaillons » trang 50, ông còn nói ngay ở Pháp năm 1954 nếu người ta quốc hữu hóa tất cả các xí nghiệp mà trả cho mỗi chủ xí nghiệp một số lương trung bình bằng lương một người làm công hạng trung thì kết quả như vậy : $6.960.000$ chủ xí nghiệp sẽ được lãnh $6.960.000 \times 550.000 = 3.850$ tỉ quan (năm 1954), vì lương của mỗi người làm công hạng trung là 550.000 quan một năm. Mà sự thật, năm đó 6.960.000 chủ xí nghiệp ở Pháp kiếm được một số lợi tức tổng cộng là 4.340 tỉ quan. Như vậy lợi cho quốc gia không bao nhiêu : $4.340 - 3.850 = 490$ tỉ quan ; số lợi này nếu chia đều cho thợ thuyền thì mỗi người chỉ được hưởng thêm độ 5% số lương thôi. Vậy ngay trong kỹ nghệ, sự quân phân cũng chỉ nâng cao mức sống của giới lao động được một chút thôi. (2)

Nói vậy, ông Fourastié không có ý khen chính sách tư bản là hoàn hảo, nó thường bắt công tào nhân nữa, ông chỉ muốn cho ta thấy rằng : quân phân là điều kiện tốt nhưng chưa đủ, điều kiện cần thiết vẫn là sản xuất cho mạnh.

Riêng về điền địa, sự quân phân còn có hại này nữa, theo ông Yves Lacoste (Les pays sous développés) : nó làm cho ruộng đất chia thành nhiều mảnh nhỏ

(1) Edgar Snow trong La Chine en marche (Stock-1963) cho rằng tại họ hy sinh canh nông cho kỹ nghệ.

(2) Ông Raymond Aron trong sách đã dẫn cũng bảo tại các nước tiên tiến, số lợi của các cổ phần rất nhỏ : Huê-Kỳ là 5,5 0/0 một năm, Pháp là 70/0 hồi 1953.

quá, khó áp dụng những phương pháp mới để nâng cao năng xuất lên được; tức như trường hợp Mexique và các nước Đông Âu. Tại Ấn-Độ chính sách bắt dân mua lại ruộng đất của địa chủ đã gặp nhiều khó khăn vì dân nghèo quá, không mua nổi, (2) dù là giá rẻ và được trả góp; mà chính phủ phải ứng tiền ra trả trước cho địa chủ (rồi sau thu lại của dân,) thành thử thiếu vốn để khuếch trương kinh tế. Theo ông, tốt hơn hết là truất hữu mà chẳng cần bồi thường gì cả, muốn vậy chính phủ phải mạnh, nhà lãnh đạo phải rất có uy tín, nếu không sẽ gây nhiều xáo trộn trong xã hội.

Tôi nghĩ còn có giải pháp dung hòa là truất hữu nhưng bồi thường bằng phiếu quốc trái lời 2,5-3% mỗi năm, như vậy chính phủ vẫn có tiền để kiến thiết. Chính sách đó cũng như ép các điền chủ bỏ vốn vào công việc kinh doanh của quốc gia.

Có điều đáng ngạc nhiên là sao về đất thổ cư, không tác giả nào bàn tới cả. Đất thổ cư diện tích thường nhỏ, nhưng giá trị rất lớn. Một người làm chủ 50.000 thước vuông tại một đô thị lớn mà mỗi thước vuông giá 1000đ thì tổng số trị giá tới 50.000.000 đồng. Tại sao các chính quyền không truất hữu của họ một phần nào mà chỉ truất hữu những chủ điền có trên trăm mẫu, mà giá có khi không quá 5.000đ. 10.000đ một mẫu? Theo tôi đó là một điều bất công có thể hại cho nền kinh tế vì đất thổ cư ở đô thị hiện nay hiếm hoi, gây rất nhiều cuộc đầu cơ làm cho giá đất càng ngày càng vọt lên. Mười lăm năm

trước, giá đất tại một châu thành nhỏ là 10đ. một thước vuông thì bây giờ tới 100đ. (một gấp mười) trong khi giá gạo chỉ tăng lên một gấp rưỡi, giá vàng chỉ tăng lên một gấp hai.

Ở nước ta chính sách cải cách điền địa đã thực hiện được đến đâu, chính phủ cũng nên soát lại. Sau này khi bình yên trở lại, vấn đề còn phải đem ra xét nữa, lúc đó ta nên xét luôn cả vấn đề đất thổ cư, và áp dụng chính sách bồi thường bằng phiếu quốc trái như chúng tôi đã đề nghị ở trên.

..

Theo chính sách kinh tế nào?

Như tôi đã nói, truất hữu để quân phân chưa đủ, cần nhất vẫn là phải sản xuất cho nhiều. Có kiếm được nhiều thì mới hưởng được nhiều, Muốn vậy phải theo chính sách kinh tế nào?

Trước hết, ta không thể rập đúng chính sách hồi xưa của Âu, Mỹ mà cũng không thể theo hần đường lối của một nước Á, Phi nào. Vì mỗi xứ có một hoàn cảnh khác nhau về phong tục, xã hội, dân trí, chính trị, tài nguyên...; một chính sách thành công ở nước này có thể thất bại ở một nước khác. Ví dụ Nhật-Bản sau thế chiến vừa rồi đã hạn chế sinh dục và thành công vì dân trí họ mở mang, Ấn-Độ cũng áp dụng chính sách đó mà không có kết quả vì họ còn nhiều tục lệ trái với sự hạn chế đó, vì nông dân, của họ vẫn còn muốn có nhiều con để chúng giúp đỡ trong nhà, ngoài ruộng...

(2) Nước ta không gặp trở ngại này.

Nhưng chúng ta có thể rút kinh nghiệm của những xứ cùng ở trong hoàn cảnh với ta: ví dụ chính sách mở mang kỹ nghệ nặng ở Ấn-Độ hiện nay chưa thấy lợi gì cả vì họ tiến vội quá, không đợi cho kỹ nghệ nhẹ phát triển tới một mức khá khá để có thể tiêu thụ được hết sản phẩm của kỹ nghệ nặng.

Các nhà kinh tế học còn xung đột nhau về đường lối nên lựa để phát triển kinh tế tại những quốc gia chậm tiến. Theo ông André Piatier trong cuốn «La vie internationale — Conflits» (Larousse) thì có hai thuyết:

Thuyết thứ nhất có thể tóm tắt như sau «Cái xứ kém phát triển có đặc điểm này là thiếu vốn và dư người, cho nên cần đầu tư vào những việc không đòi nhiều vốn, nghĩa là vào nông nghiệp hay kỹ nghệ nhẹ, tiểu công nghệ hơn là vào kỹ nghệ nặng»

Thuyết thứ nhì chủ trương rằng phát triển ngay kỹ nghệ nặng không những vô hại mà còn có lợi; nó giúp cho kinh tế phát triển mạnh, cho mãi lực tăng lên mau vì nó sản xuất được nhiều hơn, rẻ hơn tiểu công nghệ và kỹ nghệ nhẹ.

Theo tôi, thuyết thứ nhì có thể rất lợi ở một nước mà hạng trung lưu khá đông, có óc kinh doanh, mạo hiểm như Israel, còn ở Ấn-Độ thì nó không công hiệu gì mấy. Vả lại còn tùy dân số trong nước đông hay không, tài nguyên thiên nhiên nhiều hay ít nữa.

Ông Yves Lacoste bảo kinh nghiệm cho ta thấy rằng quá chú trọng vào một ngành nào: nông nghiệp, kiến

thiết hạ tầng cơ sở (đường xá, đập nước, hải cảng, trường học...), kỹ nghệ nhẹ, kỹ nghệ nặng, đều là nguy hiểm. Nhất là nếu chuyên hẳn về một ngành thì càng tai hại hơn nữa. Gần đây có một số nhà kinh tế khuyên các nước Đông Nam Á nên chuyên vào nông nghiệp, viện lẽ rằng thế giới còn đói, còn cần nhiều thực phẩm mà về kỹ nghệ nặng hay nhẹ cả nước đó không sao cạnh tranh với Âu Mỹ được. Ở nước ta cũng có người muốn theo đường lối đó, nhưng trong khi trên thế giới chưa có sự phân công về sản xuất thì chính sách ấy rất nguy hiểm: thực phẩm là thứ để lâu không được nếu một nước lớn nào bỗng nhiên thay đổi chính sách ngoại giao, thương mại thì ảnh hưởng sẽ tai hại tới sự xuất cảng thực phẩm của ta và ta sẽ phải chịu cái cảnh bị đất này, lúa phải đổ xuống biển hay đốt trong lò thay than.

Josué de Castro ở Brésil (xin đừng lầm với Fidel Castro ở Cuba), Chủ tịch hội «Chống nạn đói trên thế giới», trong cuốn *Quel avenir attend l'homme* đã lớn tiếng mạt sát chính sách ích kỷ của các nước tư bản thực dân chỉ muốn cho các nước kém phát triển chuyên sản xuất một món nào để họ dễ bề thao túng nền kinh tế. Chẳng hạn Cuba chuyên sản xuất đường, Vénézuéla chuyên sản xuất dầu lửa, Bolivie chuyên sản xuất thiếc (những món đó tại mỗi nước đều chiếm 70% tổng số sản xuất) nên luôn luôn phải lệ thuộc Huê-Kỳ. Ông lại còn bảo: «Chỉ những nước kỹ nghệ mới đủ ăn, các nông nghiệp phải chịu đói», mới nghe tưởng như vô lý mà thực ra rất đúng; hễ

còn tùy thuộc người về cả ngàn cả vạn sản phẩm kỹ nghệ nặng hay nhẹ thì không thể đứng ngang hàng mà nói chuyện với người được.

Cho nên tôi nghĩ nên phát triển đều đều về mọi ngành thì hơn. Như nước ta, nên phát triển về nông nghiệp và tiểu công nghệ, nhưng đồng thời cũng phải lo phát triển lần lần về kỹ nghệ nhẹ, rồi sau về kỹ nghệ nặng để khi số nông dân thừa thãi (vì năng suất tăng thì dùng ít người đi) ta có thể chuyển họ qua kỹ nghệ được và cũng để có phương tiện cung cấp dụng cụ một cách rẻ tiền cho ba ngành kia.

Tất nhiên sự phát triển kỹ nghệ nặng còn phải tùy tài nguyên thiên nhiên trong nước : nước ta hiện nay

ngoài mỏ than nghèo nàn ở Nông-Sơn, không còn khoáng sản nào khác mà lại muốn phát triển về kỹ nghệ nặng thì không được,

Sau cùng hiện nay trên thế giới có khuynh hướng tự túc về kinh tế. Mỗi quốc gia lớn hoặc nhiều quốc gia nhỏ liên kết với nhau để sản xuất đủ một số sản phẩm cần thiết. Ở Tây-Âu đã có thị trường chung, ở Đông-Âu cũng vậy, tôi nghĩ rằng sau này miền Đông Nam Á chúng ta cũng nên có một thị trường chung, như vậy sự phát triển mới điều hòa được.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

(Các bài của ông Nguyễn-Hiển-Lê đăng trên Bách-Khoa từ số 183 đến số 192 này đều trích trong cuốn « Thế Giới trong tương lai, Việt-Nam trong hiện tại » sắp xuất bản)

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone 20.821 — SAIGON

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.

Siège social : 16 Bd des Italiens-Paris 9^e

SAIGON

36 Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135 Đại-lộ Nguyễn - Huệ
(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N^o E-5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n^o 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F. A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la union, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos : Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

một khủng - hoảng mới

trong Tò-Chức

Bắc Đại - Tây - Dương

TỰ điền những chữ viết tắt vừa thêm một tiếng mới : M.L.F. Không có tiếng nào mới ra đời mà đã gây nên nhiều sóng gió như tiếng M.L.F.

Ngoại trưởng Anh Gordon Walker vừa mới tựu chức đã bay vội sang Bonn thảo luận về M.L.F. Walker vừa ở Bonn về thì thứ trưởng ngoại giao Hoa-Kỳ George Ball đã tới, cũng lại về chuyện M. L. F. Tổng Thống De Gaulle dọa sẽ đề Pháp rút ra khỏi Tò chức Bắc Đại-Tây-Dương, lý do là Pháp không thỏa mãn về M.L.F. Cũng vì M.L.F. ngoại trưởng Đức Schroeder đã phải đi Hoa-Thịnh-Đốn rồi đi sang Ý, Pháp và Anh. Thủ Tướng Nga Kossyguine viết thư cho Thủ Tướng Anh Harold Wilson về

M.L.F. Manlo Brosio tổng thư ký tổ chức Bắc Đại Tây Dương lên tiếng ở Paris về M.L.F., tờ Pravda chỉ trích Tây Phương cũng vẫn tại M.L.F. Ngày mồng 7 và mồng 8 tháng chạp vừa qua, chính Thủ tướng Anh Harold Wilson đã sang gặp Tổng Thống Johnson về M. L.F. và thủ tướng Anh đã mang theo một phái đoàn hùng hậu gồm 30 cố vấn trong đó có những tay thượng thặng như bộ trưởng Ngoại giao Walker, bộ trưởng quốc phòng Healey và tổng tham mưu trưởng Lord Mounbatten. Tất cả là vì M.L.F.

Ngày 15 tháng chạp, Hội-Đồng Tổng Trưởng 15 nước có chân trong tổ chức Bắc Đại-Tây-

Dương (1) cũng nhóm họp để tìm một lối thoát cho M.L.F. và nhân dịp này ngoại trưởng Hoa-Kỳ Dean Rusk đã 2 lần gặp Tổng-Thống De Gaulle.

Chắc chắn M.L.F. sẽ là một trong những vấn đề then chốt ảnh hưởng đến cả bộ mặt của năm 1965 vừa mới bắt đầu.

Vậy M.L.F. là gì mà gây nên nhiều sôi nổi như vậy ?

Khi một giáo sư Đại học Harvard nảy ra ý kiến mới

M.L.F. là những chữ đầu của danh từ Multi Lateral Force (tiếng Pháp Force multilaterale) tức là Lực Lượng Nguyên Tử Đa-Phương.

Đứng trước sự bành trướng về tiềm lực nguyên tử của Nga-Sô, Bộ chỉ huy Tò Chức Bắc Đại-Tây-Dương mỗi ngày một quan tâm đến việc thiết lập một lực lượng nguyên tử đủ sức trả đũa những cuộc tấn công của Nga-Sô. Lúc đầu Bộ Chỉ Huy đã lo đặt các hỏa tiễn tại các nước Anh, Ý và Thổ. Những hỏa tiễn này có thể phóng tới đất Nga được nhưng lại có những bất tiện sau đây :

— Mất nhiều thì giờ để phóng đi trong khi việc trả đũa nguyên tử cần phải làm ngay tức khắc ;

— Dễ hư hỏng ;

— Đặt ở những căn cứ cố định dễ khám phá.

(1) 15 nước này là : Bỉ, Đan-Mạch, Pháp, Tây-Đức, Anh, Hi-Lạp, Islande, Ý, Lục-Xâm-Bảo, Hòa-Lan, Na-Uy, Bồ-Đào-Nha, Thổ-Nhĩ-Kỳ, Gia-Nã-Đại và Huê-Kỳ.

— Nếu những căn cứ này đặt tại những nước đồng dân cư, thì phe địch có thể gây nhiều tổn thất cho dân chúng.

— Do đó người ta mới có ý nghĩ thay thế các hỏa tiễn trên mặt đất này bằng các hỏa tiễn Polaris có thể bắn đi từ những căn cứ lưu động trên đại-dương bao la.

Ý kiến thành lập M. L. F. này ra từ đó. Trong quan niệm của Hoa-Kỳ Lực lượng nguyên-tử đa-phương M. L. F. sẽ là một đoàn tàu gồm 25 chiếc tàu chở hàng. Nhìn bề ngoài thì các tàu này cũng chẳng khác gì các tàu chở hàng thường gặp trên mặt biển. Nhưng thay vì chở lúa, chở than, chở đường chở vải, thì 25 chiếc tàu này mỗi chiếc chở 8 hỏa tiễn nguyên tử Polaris. Mỗi một hỏa tiễn có sức tàn phá mạnh gấp 35 lần trái bom đã tiêu hủy Hiroshima năm 1945.

Mỗi hỏa tiễn đó có thể đi xa được 4.500 cây số, nghĩa là một chiếc tàu còn lảng vảng ở Đại-Tây-Dương cách bờ biển nước Pháp chừng 1.700 cây số, nếu cần có thể phóng hỏa tiễn Polaris vào tới Mạc-Tư-Khoa.

Thủy thủ và sĩ quan dưới các tàu đó sẽ gồm người các nước hội viên của Tổ Chức Bắc Đại-Tây-Dương. Muốn quyết định có dùng hỏa tiễn hay không thì phải có đa số 2/3 phiếu. Hoa-Kỳ sẽ đóng góp 35% kinh phí và sẽ có 35% số phiếu. Các nước khác đóng góp vào

bao nhiêu tiền thì sẽ được hưởng một tỷ lệ tương xứng về số phiếu. Thật là «dân-chủ» trong việc xử dụng hỏa tiễn nguyên tử ! M.L.F. đã được quan niệm như một Công ty thương mại nặc danh mà cổ đông càng hùn vốn nhiều, càng có nhiều phiếu bầu !

Công ty nguyên tử này có một quy chế riêng biệt và đại diện của Công ty M.L.F. cũng có một ghế ngồi riêng biệt ở Tổ chức Bắc Đại-Tây-Dương y như là đại biểu của một quốc gia hội viên thứ 16 vậy.

Ngoài ra Tổng Thống Hoa-Kỳ có quyền phủ quyết về quyết định xử dụng M.L.F.

Đó là tóm tắt dự án M.L.F. Người thì cho đó là một dự án tân kỳ, kẻ thì lại cho dự án đó thật là rắc rối. Nó nảy ra từ đầu óc của một giáo sư đại-học Harvard ông Robert Bowie, giám đốc trung tâm nghiên cứu chánh sách đối ngoại của trường này. Nhóm của ông ta còn gồm có Walt Rostow, chủ tịch ủy Ban kế hoạch Bộ Ngoại - Giao, Robert Schaetzel nguyên giám đốc Âu-Châu sự-vụ, Georges Ball một chuyên viên nũa về vấn đề Âu-Châu. Họ đã bỏ ra 4 năm để thai nghén và cho ra đời dự án M.L.F.

Một dự án chính trị

Người ta tự hỏi tại sao cần có 8 cái tàu buôn mỗi cái trọng tải 18.000 tấn để chở 200 hỏa tiễn Polaris mà Hoa-Kỳ cần phải rủ 14 nước khác trong khi đó một mình

Hoa-Kỳ đã có đến 98% lực lượng nguyên-tử của Tây-Phương ? Hoa-Kỳ chỉ việc bỏ tàu ra, trang bị lấy, dùng thủy thủ của mình, đi tung tăng trên mặt biển và hễ Nga-Sô giờ trò gì thì cứ việc bắn hỏa tiễn vô, chẳng phải bỏ phiếu hay hỏi ý kiến ai cả, thế có phải tiện không ? Tại sao không đơn phương mà lại phải đa phương như vậy ? Lý do là khi muốn lập chung với Âu-Châu một lực lượng nguyên tử Hoa-Kỳ đã có một quyết định chính trị nhiều hơn là quân sự.

Trong quan niệm của Hoa-Kỳ các nước Âu-Châu không thể nào hợp tác với nhau một cách chặt chẽ, và Tổ Chức Bắc-Đại-Tây-Dương khó mà có thể trở nên keo sơn nếu giữa các nước hội viên, nước thì có bom nguyên tử, nước thì không có. Các quốc gia hội viên chưa chế được bom sẽ không bao giờ chấp nhận tình trạng chênh lệch đó một cách lâu dài và sẽ cố gắng đi tới chỗ có vũ khí nguyên tử và nước đầu tiên có ý nghĩ đó chắc chắn là Tây-Đức. Muốn tránh cho các nước Âu-Châu thì đua võ trang, muốn tránh cho vũ khí nguyên tử phân tán ra nhiều chỗ, thì phải kiếm một phương thức gì cho các nước đó cùng quản trị lực lượng nguyên tử chung của Âu-Châu và không phải lo gây cho mình một lực lượng riêng biệt vừa tốn kém vừa không hiệu quả.

Lý luận như trên, nên Hoa-Kỳ nghĩ rằng đã tìm ra một giải pháp thỏa đáng khi đưa ra ý kiến

thành lập lực lượng nguyên tử đa-phương M. L. F. Nhưng có một điều mà các bộ óc thông thái cha đẻ của dự án không ngờ tới, là mình lo lắng cho Âu-Châu như vậy mà lại càng làm Âu-Châu hoang mang hơn.

Vô hiệu, vô lý, nguy hiểm

Nước Pháp đã xúc động nhiều nhất. Lúc đầu Pháp còn cho M. L. F. là một sáng kiến không tưởng của mấy anh trí-thức Hoa-Kỳ ăn nói lắm nhảm, và tướng Gallois đã chế nhạo gọi trịch Force Multilatérale (lực lượng đa-phương) ra là Farce Multilatérale (Trò hề đa phương). Nhưng sau thấy Hoa-Kỳ quyết tâm đi tới, Pháp biết rằng không thể điều cợt mà đủ, nên lớn tiếng công kích M. L. F. Tướng De Gaulle, ở cương vị của ông phải cân nhắc lời ăn tiếng nói hơn, nên dành cho các nhân vật khác phê bình không úp mở dự án của Hoa-Kỳ.

Jacque Baumel gọi M. L. F. là một dự án « vô hiệu về quân sự, vô lý về kỹ thuật, và nguy hiểm về chính trị ».

Thủ tướng Pompidou còn đi xa hơn và tuyên bố với báo chí rằng dự án M. L. F. « phá vỡ sự thống nhất của Âu-Châu, khiêu khích một số quốc gia và ít hay nhiều nhằm chống lại nước Pháp ». Khi người ta biết rằng Pompidou đã được De Gaulle chấm làm

người kế vị, thì người ta thấy ngay là Pompidou thực ra chỉ diễn tả ý nghĩ của chính De Gaulle. Tổng-Thống Pháp đã gạt bỏ M.L.F. vì dự án này đi ngược lại hai quan niệm căn bản của De Gaulle.

Trước hết là quan niệm về Âu-Châu. Trong khi Hoa-Kỳ quan niệm một Âu-Châu với các nước Tây Âu càng ngày càng liên kết chặt chẽ với Bắc Mỹ thành một cộng đồng thống nhất thì De Gaulle nhắm xây dựng một quan niệm xa xăm hơn trong đó Âu-Châu gồm cả những nước trước đây là chư hầu Cộng-Sản và đứng ra làm một khối riêng biệt, — lẽ tất nhiên với sự lãnh đạo tinh thần của Pháp, — một khối Âu-Châu độc lập với các khối Anh, Mỹ, Nga và Trung-Cộng.

Thứ hai là quan niệm về lực lượng phòng thủ, Hoa-Kỳ cho rằng hệ thống phòng thủ của thế giới tự do là một thực thể bất khả phân và chỉ có thể phòng thủ có hiệu quả khi nào có sự nhất trí toàn bộ De Gaulle trái lại cho rằng một lực lượng phòng thủ muốn xứng đáng với danh hiệu của nó phải độc lập, không lệ thuộc vào nước nào.

Theo Hoa-Kỳ cả hai quan niệm của De Gaulle đều thiếu thực tế : Quan niệm về Âu-Châu thì còn xa lắc vì biết đến bao giờ các nước chư hầu Cộng-Sản mới đứng hẳn vào hàng ngũ Âu-Châu tự do. Quan niệm về lực lượng phòng thủ thì lạc hậu vì làm gì có nước

nào ở Âu-Châu đủ sức tự mình bảo vệ được cho mình trong một cuộc chiến tranh nguyên tử ? Những quan niệm vừa « tiến bộ » vừa « thoái hóa » đó đã khiến cho một nhà ngoại giao Hoa-Kỳ nhận xét về tướng De Gaulle như sau : « Khó lòng mà nói chuyện với ông ta. Một nửa người ông ta sống ở thế kỷ thứ 19 còn một nửa sống ở thế kỷ 21. »

Một quốc gia sốt sắng

Nhưng điều làm cho De Gaulle bức tức nhất với dự án M.L.F. là thái độ của Tây-Đức. Bộ trưởng quốc phòng Tây Đức Von Hassel « hân hoan » ghi nhận rằng : « Từ ngày thành lập tổ chức Bắc Đại-Tây-Dương, đến nay là lần đầu tiên có một chiến lược mới mẻ như M.L.F. Và Tây-Đức đề nghị xin góp ngay 32 phần trăm kinh phí của dự án. Nếu Tây-Đức không xin đóng tiền nhiều hơn là còn muốn « giữ lễ » với các nước Âu-Châu khác mà thôi.

Các chuyên viên quân sự của Tây-Đức cho rằng những tác giả của dự án M.L.F. đã nắm vững các yếu tố căn bản của cuộc chiến tranh nguyên tử. Như Josef Strauss cựu bộ trưởng quốc phòng Tây-Đức đã giải thích : một mặt thì có những nước ở trong tổ chức Bắc Đại-Tây-Dương không có vũ khí nguyên tử để trả đũa những khi bị tấn công, một mặt khác thì không có lợi gì cho nền hòa bình thế giới nếu các nước đó cố gắng vũ trang

nguyên tử, như vậy thì phải kiếm ra một phương thức gì vừa bảo đảm không có thi đua vũ trang vừa giúp cho các nước đó dự phần tích cực vào việc phòng thủ chung ».

Phương thức đó là lực lượng nguyên tử đa phương.

Các nhà chính trị Tây-Đức thì lại có thêm một lý do khác để ủng hộ dự án M. L. F. Dự án được Hoa-Kỳ đưa ra khi Krouchtchev còn tại chức và đã nhận lời sang thăm Tây-Đức vào tháng giêng năm 1965. Tây-Đức muốn vào làm hội viên của « Công Ty Nguyên-Tử » trước khi Krouchtchev sang thăm như vậy « cô gái tơ » Erhard sẽ có thể giơ ngón tay đã mang nhẫn đính ước để mà chặn đường tấn công ve vãn của chàng trai Nga-Sô.

Nay Krouchtchev đã bị hạ bệ, thì việc gia nhập M. L. F. tuy không đặt ra gấp bách như trước nhưng vẫn được Tây-Đức nhiệt tình ủng hộ.

Còn các nước khác ?

Có thể nói là các nước khác của Tổ chức Bắc Đại-Tây-Dương thì từ thái độ thờ ơ của Na-Uy, đến thái độ ngập ngừng nửa muốn nửa không của Ý, Bỉ, Hòa-Lan, tất cả đều còn chờ đợi Anh-Quốc.

Thủ Tướng Wilson ngay sau khi đắc cử đã đọc một bài diễn văn trong đó ông ta đã bày tỏ rất rõ ràng quan điểm của mình : trong một cuộc chiến tranh nguyên tử, lực lượng phòng thủ muốn hữu

hiệu phải được đặt trong khuôn khổ Bắc Đại-Tây-Dương.

Như vậy là Anh đã không đồng ý với Pháp về quan niệm phòng thủ. Nhưng cũng không phải vì thế mà Anh hoàn toàn tán thành dự án M.L.F của Hoa-Kỳ. Những chi tiết cuộc hội đàm ngày 7 và 8 tháng chạp 1964 giữa Thủ Tướng Wilson và Tổng Thống Johnson, chưa được công bố nhưng qua chương trình tranh cử của ông Wilson, qua một số tin tức, người ta thấy rằng Anh đang theo đuổi hai mục tiêu :

— hàn gắn và tăng cường sự đoàn kết trong khối Bắc Đại-Tây-Dương;

— xoa dịu những sự căng thẳng giữa Tây-Phương và Nga-Sô.

Nhằm mục tiêu thứ nhất, Anh đề nghị với Hoa-Kỳ một số thay đổi về M.L.F để cho dự án này có thể được tất cả các nước chấp nhận dễ dàng hơn.

Có ba sự thay đổi mà Anh cho là cần thiết để đi tới thỏa thuận chung.

1) giảm bớt số tàu buôn chở Polaris và sự đóng góp của các nước. Mọi người sẽ đỡ băn khoăn về phần hùn quan trọng của Tây-Đức và riêng Nga-Sô sẽ thấy là M.L.F. không phải là một dự án gây hấn mà chỉ cốt đề phòng vệ.

2) Lực lượng đa phương phòng thủ không những chỉ có hỏa tiễn Polaris của Hoa-Kỳ mà thôi, trái lại sẽ gồm cả những phương tiện nguyên tử khác mà Tổ chức Bắc

Đại-Tây-Dương hiện có. Vai trò cường quốc nguyên tử của Anh và cả của Pháp nữa sẽ không bị lu mờ trước ưu thế của Hoa-Kỳ.

3) Không riêng Hoa-Kỳ có quyền phủ quyết về quyết định xử dụng lực lượng nguyên tử, mà tất cả các nước Âu-Châu trong Tổ chức Bắc Đại-Tây-Dương cũng sẽ có quyền phủ quyết nữa.

Quyền phủ quyết « kép » này sẽ như là một cái khóa hai vòng để bảo đảm an toàn, tránh mọi sơ xuất.

Với 3 đề nghị thay đổi đó, Anh bắt đầu hoạt động để thực hiện mục tiêu thứ hai là xoa dịu các sự căng thẳng giữa Tây-Phương với Tây-Phương và giữa Tây-Phương với Nga-Sô. Trước hết Thủ tướng Anh Wilson đi gặp Tổng thống Johnson để thuyết phục Hoa-Kỳ chấp nhận thể thức phủ quyết hai vòng.

Ở Hoa-Thịnh-Đốn về, thủ tướng Anh gặp ngoại trưởng Tây - Đức để yêu cầu Tây-Đức giảm bớt phần hùn của mình vào M.L.F.

Sau đây, Thủ Tướng Anh sẽ sang Nga rồi lại từ Nga trở lại Hoa-Kỳ, ở mỗi nơi ông Wilson sẽ gắng bấu đi một số góc cạnh cho dự án dễ được chấp nhận.

Cuộc vận động ngoại giao chạy vòng quanh đó cũng cốt để cho Nga và Pháp yên lòng hơn về sự hăm dọa quá lộ liễu của Tây-Đức muốn ngồi ngay vào bàn của các cường quốc nguyên tử. Vì mặc dầu

thế chiến thứ hai đã chấm dứt 20 năm rồi, mặc dầu những nhà cầm quyền Tây-Đức hiện nay thuộc một thế hệ không còn dính líu gì tới lớp người đã gây ra thế chiến, cả Nga và Pháp vẫn e ngại Tây-Đức và trong thâm tâm lúc nào cũng chỉ muốn đối đãi với Đức như là với một kẻ thất trận.

Phản ứng của Pháp

Dù thấy Thủ tướng Anh không chia sẻ quan niệm phòng thủ của mình và còn hoạt động cho M.L.F. chóng thành hình, Tổng Thống De Gaulle cũng không thể nghĩ tới công kích Anh được. Làm như vậy «muối mặt» quá vì trước đây chính De Gaulle đã phản đối không cho Anh gia nhập thị trường chung Âu-Châu, nay lại phản đối không cho Anh gia nhập M.L.F. nữa thì coi sao tiện. De Gaulle bèn chia hết sức tấn công vào Tây-Đức, một mặt thì gây khó dễ cho thủ tướng Erhard, một mặt thì tìm sự ủng hộ của cựu Thủ Tướng Adenauer.

Đối với Erhard, De Gaulle tìm ra được một điều khoản cũ trong hiệp ước La-Mã (thành lập Thị trường chung Âu-Châu), theo đó thì Tây-Đức kỳ kết sẽ áp dụng một giá đồng đều về lúa mì vào cuối năm 1964. Nhưng giá lúa mì của Pháp hạ hơn của Tây-Đức nhiều, thì hành điều khoản này thì các nông dân Tây-Đức sẽ thiệt vào khoảng 300 triệu Mỹ-Kim, và chắc chắn là sẽ không bỏ phiếu cho

đảng Dân-Chủ Tự-Do của Erhard, vào kỳ bầu cử năm tới nữa. Việc này có thể làm cho Erhard mất khoảng 80 ghế tại Quốc-Hội. Muốn khỏi thất cử thì Erhard cứ việc chọn lựa giữa lực lượng nguyên tử đa phương M. L. F. và giá lúa mì đồng đều. Lối suy luận đó tưởng đã thật rõ ràng.

Muốn cho lập trường của mình vững vàng hơn, De Gaulle đã tìm cách lôi kéo sự ủng hộ của cựu Thủ tướng Tây-Đức Adenauer nữa. Một sự tiếp đón hết sức nồng nhiệt đã được dành cho Adenauer khi ông ta sang Pháp để nhận ghế danh dự trong «Hàn-Lâm-Viện các khoa học chính-trị và sử-triết». Trong các bài diễn văn chào mừng, giữa các buổi tiệc, các chính khách Pháp hết lời ca tụng Adenauer như là tay thợ số 1 đã xây dựng tình hữu-nghị Pháp Đức (đâu có vọng Mỹ như Erhard!) Và lẽ tất nhiên Adenauer trả lễ bằng «cách cảm ơn Thượng Đế đã cho chúng ta tướng De Gaulle», đề rồi kết luận trong một cuộc phỏng vấn là «dự án M.L.F phải được xét lại trong một tinh thần Âu-Châu hơn».

Nhưng De Gaulle vẫn chưa cho thế là đủ. Hoa-Kỳ đã muốn giữ Tây-Đức mà bỏ Pháp, thì Pháp quay sang với Nga cho cả Huê-Kỳ lẫn Tây-Đức lộn ruột. Pháp vừa ký với Nga một hiệp ước thương mại trị giá 860 triệu Mỹ-Kim và biết đâu đấy (!) lại không có thể công nhận Đông-Đức như gần đây đã công nhận Trung-Cộng.

Hoa-Kỳ với Tây-Đức mà còn ngoan cố thì Pháp không ở cả trong thị trường chung Âu-Châu nữa cho mà xem. Pompidou đã tuyên bố nửa úp nửa mở: «Nếu xét thị trường chung Âu-Châu không thể sống được thì tương cũng nên đề cho nó chết».

Và ngay cả việc Pháp có còn ở Tờ chức Bắc Đại-Tây-Dương nữa không, cũng cần phải xét lại vì nếu đòi với nhau mà cứ như thế thì tiếc thương nhau nữa làm gì!

Một cột hay hai cột ?

Hoa-Kỳ cho là Pháp chỉ làm mình làm mẩy đó thôi chứ chưa thể nghĩ chuyện rút ra khỏi Tờ chức Bắc Đại-Tây-Dương được. Mà dù Pháp có đi tới thật, rút về hai sư đoàn bộ binh và 27 phi đội, không cho Tờ chức Bắc Đại-Tây-Dương đặt trụ sở Tổng hành dinh tại Paris chẳng nữa, việc đó chỉ làm khó khăn thêm một chút sự điều hành của Tờ chức chứ cũng chưa làm cho Tờ chức này sụp đổ được. Cho nên cho rằng cnộc khủng hoảng này đã tới chỗ không thể chuyển ngược lại hay cho rằng Pháp đã trở thành nước Lỗ-Mã-Ni của thế giới tự do đều chỉ là những lời nói hời dỗi mà thôi.

Trở về hiện tại, người ta thấy Hoa-Kỳ và Tây-Đức đã nhất định cho dự án M.L.F. thành hình, Anh đã đi xa trong việc ủng hộ dự án và sẽ lôi kéo nốt mấy nước còn chấp chừng. Chỉ còn lại Pháp. Đã đành là một lực lượng nguyên

tử riêng của Pháp sẽ làm thỏa mãn tự ái của một De Gaulle luôn luôn nuôi cái mộng lãnh đạo Âu-Châu nhưng một sự thực phũ phàng sẽ nhắc De Gaulle trở về với thực tế. Đó là cái hóa đơn rất cao mà người ta phải trả cho việc thành lập lực lượng nguyên tử. Nếu Pháp chọn đi theo con đường « hào hùng », nhất quyết thực hiện cái mộng vĩ đại của De Gaulle, Pháp sẽ phải cắt xén nhiều món chi tiêu khác cho trường học, nhà thương, phát triển kinh tế v.v. Pháp không thể nào quên được là ngay đến Hoa-Kỳ giàu mạnh như vậy mà gần đây còn phải lo mỗi tuần đóng cửa bớt đi một căn cứ quân sự. Và lại dù có một lực lượng nguyên tử riêng, chiến tranh nếu xảy ra trong giai đoạn hiện tại sẽ chứng tỏ sự bất lực của một hệ thống phòng thủ đơn độc. Các cố gắng riêng rẽ của từng quốc gia đều đã thuộc hân về quá khứ và chỉ có phòng thủ chung hay là không có phòng thủ.

Một con nhà tướng như De Gaulle không thể không biết chuyện đó. Nhưng các tin tức gần đây cho biết De Gaulle vẫn muốn trả cho bằng được cái hóa đơn nguyên tử, và đang yêu cầu Quốc-Hội Pháp chấp thuận chương trình vũ trang 6 năm trị giá 11 tỷ Mỹ-Kim. Một mặt khác De Gaulle đang chuẩn bị đưa ra một phản đề nghị về M.L.F. Sẽ có một lực lượng nguyên tử chung cho Bắc Đại-Tây-Dương, nhưng lực lượng này sẽ không trông vào một Hoa-

Kỳ mà sẽ dựa vào hai cột trụ : một cột trụ bên kia bờ Đại-Tây-Dương và một cột trụ ở bên này.

Ở bên kia bờ Đại-Tây-Dương Tổng Thống Johnson đã tỏ vẻ sốt ruột khi ông tuyên bố : « Lẽ tất nhiên Hoa-Kỳ cần có sự đồng ý

của các nước trong Minh Ước, nhưng Hoa-Kỳ không nhất thiết đòi tất cả các nước đều đồng ý».

Như vậy phải chăng là dù có Pháp hay không, lực lượng « một cột» của M.L.F. cũng vẫn đi tới.

VŨ-BẢO

NHÀ XUẤT BẢN SÁNG - TẠO

*Đã cho phát hành
tại khắp các hiệu sách :*

Lớp Giỏ

Tập truyện của DUY-THANH

Bản Thường 52 đ.

Bản Quý 100 đ.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique
Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane.
Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de garothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de a
clientèle pour toutes études et installations.

Lý hóa : Giáo sư Charles Townes (Mỹ) — Giáo sư Alexander Prokhorov (Nga) — Giáo sư Nicolai Basov (Nga).

Hóa học : Bà Giáo sư Dorothy Crowfoot-Hodgkin (Anh).

Y học : Giáo sư Konrad Bloch (Mỹ) — Giáo sư Feodor Lynen (Đức).



DOROTHY CROWFOOT-HODGKINS · CHARLES TOWNES



NICOLAI BASOV · ALEXANDER PROKHOROV

Nobel khoa học 1964

VÕ - QUANG - YẾN

CÁC nhà bác học được giải Nobel khoa học năm nay tuy ít được công chúng biết đến, đã từng khảo cứu trong những lãnh vực thường được báo chí nhắc nhở : maser, laser (giải lý học), penicilin, vitamin B₁₂ (giải hóa học), các chứng bệnh tuần hoàn (giải y học).

Giải lý học thưởng luôn một lần ba nhà vật lý học Mỹ và Nga. Giáo sư Charles Hard TOWNES, sinh ngày 28-7-1915 ở Greenville (tiểu bang

Nam Caroline), đã từng học tại viện kỹ thuật Californie và đỗ tiến sĩ khoa học ở đây. Ông bắt đầu khảo cứu cho hãng Bell Telephone. Sau trận thế chiến vừa qua, ông đổi qua làm giáo sư luôn 12 năm ở viện đại học Columbia. Năm 1959, ông được bổ nhậm làm Giám đốc Viện phân giải ở Washington và 2 năm sau thuộc hẳn về Viện kỹ thuật Massachusetts.

Giáo sư Alexander Mikhaylovitch PROKHOROV, năm nay 48 tuổi, là

Giám đốc Viện lý học Lebedev ở Watscova mà giáo sư Nicolai Gennadievitch BASOV (sinh năm 1922) là phó giám đốc. Giáo sư PROKHHROV còn là nhân viên thông tin của Viện Hàn Lâm khoa học Nga từ năm 1960, sau khi được giải Lenin năm 1959. Cả ba giáo sư này đã có công trạng trong « những công tác khảo cứu căn bản về môn điện tử học lượng tử, giúp người ta chế ra được những máy dao động và khuếch đại theo nguyên tắc maser-laser ».

Bà Dorothy CROWFOOT-HODGKIN là con của nhà khảo cổ học John CROWFOOT và vợ nhà sử học Thomas HODGKIN (Năm ngoái một người bà con gần của bà ta là Allan HODGKIN đã được giải Nobel y học). Sinh năm 1910, bà ta đã học hóa học ở Oxford và bắt đầu từ năm 1932 chuyên khảo cứu về tinh học ở Cambribge với giáo sư J.D. BERAL. Năm 1935, bà được bổ nhậm làm tutor môn hóa học ở Sommerville College tại Oxford và đúng 20 năm sau trở thành reader môn tinh học bằng quang tuyến X ở Oxford. Năm 1947, bà là một trong những người đàn bà đầu tiên được hân hạnh tiếp đón ở Royal Society Anh. Và năm 1960, bà lên chức giáo sư ở Viện đại học Oxford. Bà là người đàn bà thứ ba lãnh giải Nobel khoa học sau hai bà Marie CURIE (1911) và Irène JOLIOT-CURIE (1935) đã cùng chia giải với ông chồng.

Bà CROWFOOT - HODGKIN năm nay được giải hóa học « nhờ đã biết điều hòa ba đức tính : học thức, tưởng tượng và ngoan cố » trong

công cuộc thiết lập cấu tạo những hóa chất quan trọng như pênicilin, vitamin B₁₂...

Giải y học chia cho hai giáo sư Mỹ và Đức, thật ra cả hai đều là người Đức. Giáo sư Konrad BLOCH hiện dạy môn sinh vật học tại Viện đại học Harward, chỉ đổi qua quốc tịch Mỹ từ năm 1944. Sinh năm 1912 ở bên Đức, ông bắt đầu học ở München rồi sau qua Viện đại học Columbia. Giáo sư Foedor LYNEN là giám đốc Viện sinh vật học và Viện Max Planck ở München. Năm nay 53 tuổi, ông còn là nhân viên viện Hàn lâm khoa học Washington và nhân viên danh dự hội Marvey Society Mỹ.

Cả hai nhà bác học này « có công học hỏi về những chứng bệnh tuần hoàn » và khoa trị liệu các chứng bệnh ấy đã lấy công tác khảo cứu của các ông làm nền tảng. Người ta biết hiện nay chứng bệnh tuần hoàn rất nguy hiểm và trong nhiều vùng trên thế giới bệnh nhân đã chết rất dễ dàng.

Maser và Laser (1)

Năm 1951, giáo sư TOWNES lúc bấy giờ đang dạy tại Viện đại học Columbia, lần đầu tiên nghĩ ra một chiếc máy hoàn toàn mới, rất « cách mạng » gọi là MÄSER (Microwave Amplifier by Stimulated Emission of Radiations) nghĩa là khuếch đại những luồng sóng cực nhỏ bằng cách phát ra những bức xạ kích thích. Ông kể chuyện máy được ông nghĩ ra một buổi sáng ở Washington,

(1) Xin xem thêm ở Bách-Khoa số 181, bài LASER...

trong lúc đợi giờ mở cửa một quán cà phê trước giờ dạy vật lý.

Nguyên tắc cho phát bức xạ kích thích ra đã được nhà đặc bác học EINSTEIN đề nghị từ năm 1917 trong lãnh vực cơ học lượng tử. Lấy ví dụ các ống đèn trước các cửa hiệu: khí nêon (néon) trong ống bị luồng điện kích thích và nhận vào mình một số năng lượng gọi là lượng tử. Những nguyên tử này không giữ luôn được năng lượng ấy và không bao lâu phải thả ra lại: năng lượng thả ra lại là ánh sáng và ống đèn thấp đỏ lên. Cho đến EINSTEIN, người ta cho sự thả năng lượng ra tức là sự phát ánh sáng chỉ là một chuyện may rủi, bấp bênh. Nhà học đại tài chứng minh sự thả năng lượng ấy càng dễ dàng nếu những nguyên tử bị kích thích càng nhận thêm ánh sáng từ các nguyên tử khác phóng ra. Nói một cách khác, một phương cách khuếch đại đã thành hình vì chỉ với một số ít năng lượng ánh sáng lúc ban đầu, một số lớn năng lượng ánh sáng đã được phát ra.

Công trạng TOWNES là đem ứng dụng cơ chế tài tình mà EINSTEIN đã nghĩ ra. Một đàng nhờ tiến triển trong lãnh vực điện tử học và quang phổ nghiệm hertzien, một đàng khác nhờ tài khéo léo tinh vi, TOWNES đã biết cho tác dụng những luồng sóng điện tử học lên những mức năng lượng các electron trong nguyên tử cũng như biết cho hòa hợp các luồng sóng vô tuyến điện ngắn với các luồng sóng điện quang học dài. Năm 1955, chiếc máy MASER thứ nhất ra đời, đặt viên đá đầu tiên cho một cuộc cách mạng mới trong ngành điện tử học. Giờ đây dựa trên chiếc

MASER đầu tiên, người ta đã chế ra được một máy khuếch đại phát bức xạ trên một tần số nhất định. Máy này là một chiếc đồng hồ phân tử đúng nhất. Máy rất nhạy, có thể khuếch đại cả những dấu hiệu vô tuyến cực kỳ nhỏ như những dấu hiệu từ các vệ tinh nhân tạo hay từ các ngôi sao xa xăm gởi về.

Chính trong công cuộc làm hoàn hảo máy MASER mà hai nhà bác học BASOV và PROKHOROV cùng nhà vật lý học Mỹ BLOEMBERGEN đã tỏ ra rất xuất sắc. Các ông đã thành công gây ra được hiện tượng phát xuất bức xạ kích thích không còn phải trong khí nữa mà là trong một chất rắn: hồng ngọc. Người ta biết hồng ngọc chứa độ 0,05% crômi mà các nguyên tử khi mất năng lượng thì phát ra ánh sáng màu đỏ chói. Muốn kích thích các nguyên tử crômi, người ta chỉ việc cho bọc quanh hồng ngọc một ống phóng điện. Các hồng ngọc nhân tạo còn được sơn bạc ở hai đầu thanh để cho ánh sáng phản xạ qua lại được nhiều lần.

Còn LASER thì chẳng qua là một ứng dụng của MASER: lấy chữ LIGHT (ánh sáng) thay thế chữ MICROWAVE (luồng sóng điện nhỏ) trong định nghĩa danh từ trên kia. Như vậy nghĩa là sự phát xuất bức xạ kích thích nằm trong địa phận các luồng sóng điện ngắn, các luồng sóng điện của ánh sáng thấy được hay trong khoảng hồng ngoại gần. Có thể nói LASER là một MASER quang học. Năm 1959, hai nhà vật lý học Mỹ A. JAVAN và T.H. MAIMAN đã thực hiện được chiếc LASER đầu

tiên. Nhờ những tính chất đặc biệt về ánh sáng phát ra, LASER đã phát triển rất mau lẹ. Một dạng ánh sáng LASER mang một năng lượng vô cùng to lớn, một dạng ánh sáng này hướng theo một chiều nhất định. Một ánh sáng loại này chiếu lên cung trăng đã thành công vang dội lại. Trong kỹ nghệ cũng như trong y khoa, LASER đã được đem ứng dụng trong đủ loại máy: từ các máy cắt, hàn kim loại đến những máy chữa sưng phù sau mắt hay khâu các cương mô.

Riêng giáo sư BASOV còn có một ý kiến khác về ứng dụng LASER: ông muốn biến hóa ánh sáng LASER ra thành điện lực. Theo lý thuyết hiệu suất sẽ là 100%. Rồi đây ngành thông tin, điện thoại sẽ nhờ đến LASER. Còn quân đội làm sao dừng được trước một tia sáng vô cùng mãnh liệt kia?

Pênicilin và Vitamin B12

Trong khi có những khảo cứu viên học hỏi về những phương pháp tiêu diệt dịch thù thì may thay cũng có những nhà bác học chịu khó tìm tòi phương sách cứu khổ cho loài người. Trong ngành y khoa không phải tình cờ mà các loại thuốc kháng sinh ra đời, các vitamin đủ thứ lần lượt được khám phá ra. Công tác tìm kiếm, khảo sát của các nhà bác học thật là những công trình vĩ đại mà chúng ta cần phải biết rõ để ghi ơn.

Từ lâu người ta đã biết tác dụng kháng sinh của nhiều loại mốc meo nhỏ nhưng đến năm 1928, giáo sư Alexan-

der FLEMING người Anh mới tìm ra được chất pênicilin trong giống mốc penicillium. Vừa là bác sĩ y khoa, vừa là một nhà vi trùng học, lúc bấy giờ ông làm giám đốc Viện chủng đậu. Ông quan sát thấy giống mốc penicillium tiết ra một hóa chất rất dễ phi tán và lại làm hại trùng streptococ. Năm 1929, ông khảo cứu tường tận xong về mặt vi trùng học, mà không có đủ tiền của để học hỏi phương pháp trích pênicilin từ mốc ra. Và nhân loại sẽ phải đợi 10 năm mới thấy 2 nhà bác học Howard FLOREY và Ernest Boris CHAIN lưu ý đến công tác của FLEMING và kiểm cách trích thuốc pênicilin ra. Sau đây nhóm khảo cứu viên ở Oxford lo chuyện ứng dụng, còn FLOREY thì tổ chức ở Mỹ một kỹ nghệ chế pênicilin. Từ năm 1946, người ta đã tổng hợp được pênicilin ở phòng thí nghiệm. FLEMING năm 1945 chia giải Nobel y học với FLOREY và CHAIN.

Ngày nay, một loạt pênicilin đã ra đời mang tên là A đến P, hoặc được tổng hợp, hoặc tiết ra từ các giống mốc penicillium chrysogenum, penicillium glaucum, penicillium notatum, aspergillus niger, aspergillus flavus, aspergillus gigantus,... Trong kỹ nghệ thì giống mốc penicillium chrysogenum được dùng. Hoạt động kháng sinh của pênicilin thì hiện nay ai cũng biết, diệt trừ từ staphylococ, streptococ đến pneumococ, meningococ, gonococ...

Nếu các chất kháng sinh giúp ta chống được các loại vi trùng, cơ thể con người lắm khi cũng cần những hóa chất để khỏi bị bệnh. Đây là những sinh tố mà người Âu Mỹ gọi là vita-

min nghĩa là chất amin cần cho đời sống (amin là hóa chất gồm có nitri-đạm khí - trong phân tử). Danh từ này được đặt ra dựa theo sinh tố đầu tiên mà FUNK (1911) đã tìm ra được trong cám : vitamin B₁. Sau này những sinh tố khác ra đời, không còn có công thức một amin nữa, cũng vẫn tiếp tục được gọi là vitamin.

Trong số các sinh tố mạnh nhất về hoạt động sinh lý học có vitamin B₁₂. Sinh tố này được dùng để bài trừ chứng thiếu máu, có khi cho con trẻ để sự sinh trưởng được điều hòa. Học hỏi cấu tạo vitamin B₁₂ thật là một công tác khó khăn vì sinh tố gồm có 63 nguyên tử carbi (C), 90 nguyên tử hytri - khinh khí - (H), 14 nguyên tử oxi - dưỡng khí - (O), 1 nguyên tử phôtphi - lân - (P) và 1 nguyên tử côbi (Co).

Nhờ những khám phá của nhà bác học VON LAUE, một phương pháp phân giải găng quang tuyến X đã được đặt ra. Nhờ phương pháp này người ta đã hình dung được trong không gian ba chiều những phân tử các hóa chất kết tinh. Nhưng khi đụng đến những phân tử phức tạp gồm có một số lớn nguyên tử sắp đặt theo nhiều cấu tạo khác nhau, người ta không sao nhìn được rõ ràng. Nhà khảo cứu phải chụp hàng trăm tấm hình rồi đem so sánh với nhau, cân nhắc hàng ngàn yếu tố về lượng giác mới vẽ lại được từng điểm một của phân tử và sau đây xây dựng lại trong không gian mẫu phân tử đang học hỏi.

Một công cuộc khó khăn cỡ này cần phải một người không những hiểu biết nhiều mà còn phải kiên nhẫn, bền chí. Bà CROWFOOT-HODGKIN đã mất 8 năm mới tìm ra được cấu tạo vitamin

B₁₂, không kể nhiều năm khác để khảo cứu về phân tử pênicilin hay về cực trùng hình khảm trong thuốc lá. Viện Hàn Lâm Thụy-Điển thưởng bà giải Nobel hóa học vì thấy bà đã biết giải quyết những vấn đề khó khăn mà người ta chịu bó tay với những phương pháp khác.

Tin giờ chót

Bài này vừa viết xong thì có tin giáo sư PROKHOROV vừa mới tuyên bố trong một cuộc họp báo ứng dụng sau cùng của LASER. Theo ông, các nhà bác học Nga đã thành công dùng tia sáng này đưa một plasma hytri (khinh khí) (2) lên khoảng 40 triệu độ là nhiệt độ cần thiết để thiết lập phản ứng hợp nhân tử.

Người ta biết muốn gây ra một plasma khinh khí cần phải đốt thật nóng đến nỗi nguyên tử hytri mất electron chạy quanh nhân. Nhưng không một bình nào chứa được plasma này: người ta giữ nó lại trong một từ trường thật mạnh. Đây là chuyện khó thứ nhất. Chuyện khó thứ nhì là giữ plasma lâu ở nhiệt độ ấy để có thể đem ra dùng. Trong một quả bom hợp tức là bom H, hiện tượng chỉ xảy ra trong khoảng một phần triệu giây đồng hồ. Bây giờ đây người ta đã thành công giữ lâu được vài phần trăm giây.

Các nhà bác học Nga dùng LASER đã đạt được mau chóng plasma nhưng vấn đề giữ lâu chưa được giải quyết xong. Đây là một vấn đề mà những nhà bác học các nước khác như Mỹ, Anh, Pháp cũng chăm lo học hỏi.

VÕ QUANG YẾN

(2) Xin xem thêm ở Bách-Khoa số 160, bài Plasma...

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

Hồi-Giáo ở nước ngoài và ở Việt-Nam

142 ● DOHAMIDE

(xin xem B.K. từ 181)

Dưới quyền bảo trợ của Đại Hội Hồi-Giáo Thế Giới (Motamar al-Alamal- Islami), lần đầu tiên trong lịch sử, một Hội nghị, mệnh danh là Hội nghị Hồi-Giáo Địa Phương Đông Nam Á và Viễn Đông, đã khai diễn tại Kuala Lumpur từ 31-1-1964 đến 6-2-1964, quy tụ Đại Biểu Hồi-Giáo các nước Thái-Lan, Miến-Điện, Trung-Hoa Dân Quốc, Hồi-Quốc, Phi-Luật-Tân, Mã-Lai, Brunei, Fiji, Ceylon, Tân Tây-Lan v.v...

Lễ khai mạc đã được cử hành trọng thể, dưới quyền chủ tọa của Tunku Abdul Rahman, Thủ-Tướng Mã-Lai-Á, có sự chứng minh của Ngài Seyed Mohamed Amin El Husseini, Đại Mufti Jerusalem và

đồng thời là chủ Tịch Đại hội Hồi-Giáo Thế Giới.

Phái Đoàn Hồi-Giáo Việt Nam gồm có quý Ông :

Z. A. Latif

Peer Mohamed

và chúng tôi.

Hội nghị được tổ chức nhằm vào tháng chạp Ra-ma-dan tức tháng mà mọi người Hồi-Giáo đều nhịn ăn, uống ban ngày.

Như ban tổ chức đã xác nhận nhiều lần, Hội nghị có tánh cách hành chánh, nên không thể đi sâu vào các vấn-đề giáo-lý (vấn đề này chỉ có các U-La-Ma mới có đủ tư cách bàn đến) và nhất quyết không

Bức ảnh kỷ niệm của Phái Đoàn Hồi-Giáo Việt-Nam chụp tại Dinh Thủ Tướng Mã-Lai-Á.

Từ phải sang trái ; Z.A. Lati, Tungkn Abul Rahman (Thủ tướng Mã - Lai - Á) Sayed Mohammad Amin Al Hussein Al Haj (Chủ tịch Đại hội Hồi-Giáo thế giới), Peer Mohammad và Dohamide



liên hệ đến chánh trị cùng mọi đảng phái

Sau phiên họp khoáng đại, Hội nghị đã tổ chức thành 3 Ủy ban thu hẹp : Ủy Ban sự vụ tổng quát, Ủy Ban Giáo Dục Tôn-Giáo, Ủy Ban Xã Hội và Kinh tế.

Sau 6 ngày thảo luận, nhiều quyết nghị đã được đem ra biểu quyết chung tại phiên họp khoáng đại, bao gồm nhiều chi tiết phức tạp ; chúng tôi chỉ xin kể vài điểm chánh yếu sau đây :

1) sẽ thiết lập tại Kuala Lumpur một cơ quan địa phương thuộc hệ thống Đại-Hội Hồi-Giáo Thế-Giới, sanh hoạt như một Trung-Tâm trao đổi tin tức tôn giáo giữa các tập thể xã hội Hồi-Giáo vùng Đông Nam Á và Viễn-Đông.

2) khuyến cáo các Quốc-Gia Hồi Giáo như Mã-Lai-Á, In-Đô-Nê-Xia, Brunei... thiết lập những trường Trung-Học, Đại-Học Hồi-Giáo để huấn luyện giáo sư, nhà truyền giáo (Muballigh) và tiếp

nhận các thanh thiếu niên thuộc thiểu số Hồi-Giáo-đồ ở các nước-khác.

3) vì lợi ích của công cuộc truyền bá Hồi-Giáo, cần in các bản *khut-bah* đọc tại các Thánh-Đường ngày thứ sáu, để cho tín đồ Hồi-Giáo có thể về nhà nghiên ngẫm lại và đọc cho toàn thể gia đình nghe. Việc này cũng cần thiết đối với *Fardhu Ain* gồm *Ru-Kun-Iman* và *Rukun Islam*, cùng *Fardhu Kifayah*, tức những điều hiểu biết tối yếu của người Hồi-Giáo để hành đạo.

4) Xét vì cuộc hành hương Mecca là một thể thức hành đạo bắt buộc đối với người Hồi-Giáo và trong bản chất, hoàn toàn khác biệt với mọi cuộc hành hương của các tôn-giáo khác. Hội nghị đã kêu gọi Chánh phủ các nước tại Đông-Nam Á như Miến-Điện, Ceylan, Cam-Bốt, Việt-Nam, Thái-Lan, Phi-Luật-Tân... dành cho Hồi-Giáo-đồ mọi dễ dàng cần thiết đề xuất ngoại

sang Mecca thực hiện nghĩa vụ làm *Hagi* này.

5) sẽ thiết lập một Ủy-Ban chuyên nghiên cứu, xuất bản tài liệu Hồi-Giáo, đặt hệ thống phát thanh cùng diễn đạt Thánh-Kinh *Cur-An* sang các ngôn ngữ khác, đề toàn thể Hồi-Giáo-Đồ đồng thấu triệt những lời truyền phán của Olloh, cùng đấu tranh chống mọi phân chia bè phái do ảnh hưởng ngoại lai, đề cùng xây dựng đoàn kết theo con đường của Thành-Chủ Muhammad.

6) thiết lập tại Kuala Lumpur một cơ sở đào tạo các nhà truyền giáo (*Muballigh*) đề cung ứng cho các nơi cần thiết . . .

7) hình mặt trăng lưỡi liềm và ngôi sao năm nhánh chánh thức là biểu hiệu của Hồi-Giáo v. v...

Tại Hội nghị Hồi-Giáo Địa phương Đông-Nam-Á và Viễn-Đông vừa qua, Đại biểu nhiều nước đã được cơ hội tụ họp gặp nhau và đồng thời hiểu biết được một vài khía cạnh của hiện trạng Hồi-Giáo ở nước khác.

Nhiều vấn đề đã được nêu ra thảo luận, nhưng hoàn cảnh mỗi nước đều khác nhau ; có nước, như Đại-Hồi I-Đô Nê-Xi A, Mã-Lai-Á... người Hồi-Giáo là đa số, nên sanh hoạt nhà nước tổ chức dựa vào lý tưởng Hồi-Giáo, nhưng chính giữa các nước này, đã cũng có khác biệt về chính sách, điển hình là Mã-Lai-Á và I-Đô-Nê-Xi A hiện nay cũng do những người Hồi-Giáo lãnh đạo, nhưng lại không quan hệ

bình thường với nhau được. Ngoài ra, có nhiều nước khác như Thái-Lan, Miến-Điện, Việt-Nam v v... người Hồi-Giáo chỉ là một thiểu số bé nhỏ trong dân số tổng quát, nên tổ chức phù trợ đặt trên căn bản quốc tế, dù muốn dù không, cũng phải gặp nhiều trở ngại.

Hồi mới phát khởi, Hồi-Giáo được tổ chức như một Quốc Gia hợp nhất, lần lần mở rộng biên cương, thu phục những lãnh đạo, chủng tộc ngoài Á-Rập, theo con đường phụng sự Olloh của Hồi-Giáo. Do đó, từ nguyên thủy, Hồi-Giáo đã không phân biệt thân quyền và thế quyền ; quan niệm Tây-Âu về Nhà Thờ và Quốc-Gia hoàn toàn xa lạ với Hồi-Giáo ; Hồi-Giáo chỉ phân biệt những người tin Olloh và những người không tin Olloh, còn những sự biệt phân giữa các Quốc Gia, giai cấp cùng chủng tộc, không có giá trị trong Hồi-Giáo-pháp.

Mỗi người tin Thượng Đế, phụng sự Thượng Đế, đều bình đẳng và có đầy đủ tư cách để làm đúng nghĩa vụ của con người trên đời trước Thượng Đế và trước đồng loại Cộng đồng xã hội. Hồi-Giáo do đó là một cộng đồng tôn giáo vừa là một định chế chánh trị và đó cũng là lý do đưa đến sự thành lập Sar-Y-Yah như đã rõ.

Sau khi Muhammad qua đời. Cộng đồng xã hội Hồi-Giáo được điều khiển bởi những vị *Kho-lip*, chuyên trách tổ chức phát triển và bảo vệ Hồi-Giáo. Chính vị *Kho-lip*

điều khiển người Hồi Giáo trong các cuộc Thánh Chiến (*ji-had*), nhưng *Kho-líp* không quyền sửa đổi cũng như diễn dịch *Sar-Y-Yah*, vì *Kho-líp* không được xem như không thể không lầm lẫn về phương diện tín ngưỡng được.

Trên nguyên tắc quan điểm của Hồi-Giáo về một vấn đề rõ rệt nào đó, là do thỏa hiệp của các *U-la-ma* và vị *Kho-líp* không can dự vào.

Hiện trạng thế giới không thích hợp với sự tồn tại của một Cộng Đồng Hồi Giáo theo nghĩa chánh trị và xã hội như thời Muhammad và một số *Kho-líp* tiếp cận Muhammad nữa.

Sự xâm nhập của người Tây Phương trong lãnh địa Hồi Giáo, kèm theo sự lôi cuốn của các lợi quyền kinh tế nhất là do các kế hoạch khai thác đại quy mô các mỏ dầu ở Trung Đông, đã khiến tổ chức Cộng Đồng Hồi-Giáo ngày nay; dù cùng theo một lý tưởng, nhưng phải tự ràng buộc trong phạm vi của từng Quốc Gia khác ngôn ngữ, khác quá khứ, khác khuynh hướng và quyền lợi.

Qua các giai đoạn lịch sử *Kho-li-phah* Hồi Giáo cuối cùng được đặt tại Thờ Nhĩ Kỳ và đã bị Mustapha Kemal chánh thức hủy bỏ ngày 3 tháng 3 năm 1924, trên đường cải tiến nước Thổ. Sự hủy bỏ này đáng lý chỉ có giá trị riêng đối với xứ Thổ. vì vị *Kho-líp* có thẩm quyền tinh thần đối với Hồi-Giáo-đồ toàn thế giới, nhưng từ ấy đến nay, mặc dù có cố gắng ở Hồi

Quốc ở A-Rập vv... người ta vẫn không thể tái lập *Kho-li-phah* được nữa

Gạt sang một bên các Liên Đoàn cùng mọi hình thức có dụng đích chánh trị tổ chức lãnh đạo Hồi Giáo ngày nay chuyển sang tiêu hướng khác, nặng về phần tinh thần nhiều hơn, đề kết hợp người Hồi Giáo về với Đạo và tự loại hẳn những vấn đề thế quyền» đề thuộc sự tùy tiện của tổ chức mỗi nước.

Chính trên cương lĩnh này, một Hội nghị có sự tham dự của Đại biểu ba mươi hai nước đã được tổ chức tại Bagdad từ 29 tháng 5 đến 4 tháng 6 năm 1962, chấp thuận Bản Hiến Chương Tổ chức Đại Hội Hồi-Giáo Thế-Giới mệnh danh là **Motamar Al - Alam Al-Islami**, hoạt động với khẩu hiệu «Mọi hiệu người Hồi-Giáo đều là anh em» (*In-na-măl mŭk-mi-nu na ikh-wa*) thắt chặt tình đoàn kết cùng thống nhất hành động trên căn bản «*wah-dat Al Um-mah Al-Islami-yah*» cùng kiến tạo, giáo dục đời sống người Hồi-Giáo . . .

Văn phòng Tổng Thư Ký Đại-Hội Hồi-Giáo thế giới hiện đặt tại Karachi Hồi-Quốc, một nước tân lập từ 1947, tập hợp những người Hồi-Giáo trên đất Ấn-Độ và Hiên Pháp đã được thiết lập, theo đuổi lý tưởng Hồi-Giáo.

Các nhân vật Hồi-Giáo đã nhiều lần xác nhận số tín đồ Hồi-Giáo trên thế giới ngày nay vào khoảng

650 triệu, chia ra thành những nhóm chính như sau :

1) Các Quốc-Gia ngoại biên từ Hồi Quốc, A-Phú-Hãn đến Thổ-Nhĩ-Kỳ khoảng 400 triệu.

2.— Các nước A-Rập và ảnh hưởng văn minh A-Rập như Ai-Cập, Xy-Ri, Xu-Đăng... : khoảng 80 triệu.

3) Các nước Bắc-Phi gồm có Maroc, An-Giê-Ri, Tuy-Ni-Di...

4) các nước da đen.. khoảng 50 triệu.

5) Hồi-Giáo-đồ các nước Cộng-Sản như Trung-Hoa (40 triệu), Nam-Tur, Bảo-Gia-Lợi, Liên-Sô... (vào khoảng 30 triệu).

Ngoài ra, người ta còn kể nhiều Hồi-Giáo-đồ ở Âu-Châu, Mỹ-Châu

Ở Ba-Lê có một ngôi Thánh Đường kiến trúc đồ sộ và ở Hoa-Thạnh-Đốn có cả Trung-Tâm Hồi-Giáo, với những phương tiện hoạt động hết mức vĩ đại.

Theo báo chí, (1) người ta được biết Elijah Muhammad gần đây đang tích cực lãnh đạo một nhóm hơn 100.000 người Mỹ da đen đấu tranh cho sự bình đẳng chủng tộc.

Từ ngàn xưa, Hồi-Giáo đã không có một hoạt động truyền giáo thực sự có tổ chức tập trung quyền chỉ huy, như người ta thường nhận thấy ở các tôn giáo.

Sự truyền bá Hồi-Giáo phần lớn là do sáng kiến cá nhân, hoặc hoạt động của những nhóm biệt lập với ý nghĩa mỗi người Hồi-Giáo đều

có quyền và có bổn phận làm sáng chói tín ngưỡng của mình. Hồi-Giáo do đó, đã nương theo con đường của những thương buôn A-Rập những đoàn lữ hành và các tàu buôn.

Từ những cơ sở tạm thời ở Ấn những thương gia A-Rập lần lần tiến về miền duyên hải Trung-Hoa ; hồi thế kỷ VIII nhất là ở Quảng-Đông : người Âu trước đó đã có một hoạt động kinh tế và văn hóa lớn mạnh, cho nên phải đợi hàng 5 thế kỷ sau (tính từ khi người A-Rập đầu tiên đến đất Ấn) Hồi-Giáo mới có cơ sở chắc chắn ở Đông-Nam-Á.

Nhìn Quốc-Vương Mã-Lai tiếp xúc với các đoàn thương buôn A-Rập đã chịu theo Hồi-Giáo, tạo thêm bàn đạp cho Hồi-Giáo lan rộng đến miền đảo Java, Bornéo và Phi-Luật-Tân đến ngày nay.

DOHAMIDE

Tạp chí Lie ngày 9-9-1963

Đã có bán tại

các tiệm sách

những thần

tượng mới

tiểu thuyết phóng sự

của Nguyễn-Đức-Nam

Sắt vàng ganh nếp sống
Tiếng dội vờ ngày mai
Các hương vang lời dạy
Cổ nhìn hoa

nghe ai

Gió mùa lên giọng bức
không chịu nữa bề cao
Tất cả đòi nghiêng đổ
Mây đi

ngại nước trào

Ngày nhìn khát tới đây

dừng bước thăm

Đêm mất bờ sương chưa muốn tỉnh
chứa tội với lắm không kẻ nhận

Đợi mưa

lãng trốn nguồn thương vay

Loạn từ trong đáy

Còn rong bão

Vượt mấy tro tàn hỏi lối ra

Điều trước sai rồi

e nổi sóng

Giờ trang

ngưng đọc bài hôm qua

Sấm động cơ trời mới

Chim bằng rợp cánh bay

mang cơn về trận khác

trả bóng thơ xanh lại chốn này

với DOÃN
QUỐC
SỸ ⁽¹⁾



Doãn-Quốc-Sỹ do Ngọc-Dũng vẽ

Anh dạy học đã mười hai năm, và anh đã có tám cuốn sách giáo khoa : *Khảo luận về Đoàn trường tân thanh*, *Khảo luận về Nguyễn-Công-Trứ*, *Khảo luận về Trần-Tế-Xương*, *Khảo luận về Nguyễn-Khuyến*, *Khảo luận về Cao-Bá-Quát* (2), *Khảo luận về Tự-Lực văn đoàn*, *Khảo luận về Tân-Đà và Lực khảo về ngữ pháp Việt-Nam* (3).

Anh bắt đầu viết văn lúc ở Hà-Nội, đến nay gần mười năm, và anh đã có tám tác phẩm, trong số đó có *Dòng sông định mệnh* và *Gìn vàng giữ ngọc* tái bản sau khi chào đời được bốn năm, có *Khu rừng lau* là một trường thiên tiểu thuyết gồm hai quyển : *Ba sinh hương lửa* và *Người đàn bà bên kia vĩ tuyến*. Anh viết truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài, truyện trường thiên ; anh viết truyện cổ tích ; anh lại viết kịch, kịch thời đại, kịch thần thoại. Và trong truyện của anh, người

ta được đọc khi thì một đoạn, khi thì vài câu thơ do anh làm. Và trong kịch của anh, người ta lại được thấy vài bản nhạc ngắn do anh soạn.

Anh làm nhà xuất bản mới có hai năm, mà nhà Sáng-Tạo đã giới thiệu mười bảy sáng tác phẩm.

Nhớ lại lần đầu gặp anh, mười năm về trước, dưới một chiếc lều bố căng trên cái nền khảm lớn Sài-Gòn — mà các anh em sinh viên di cư ở tạm đây cho một cái tên thơ mộng là : làng Thăng-Long — thật tôi không ngờ người sinh viên Văn-khoa cao cao, gầy gầy, có cặp mắt u hoài ấy

(1) Sinh ngày 17-2-1923 tại xã Hạ-Yên-Quyet (ngoại thành Hà-Nội) . Tác phẩm đầu tiên là tập truyện ngắn, *Sợ lửa*, do nhà Người Việt xuất bản năm 1956.

(2) Những cuốn này soạn chung với Việt-Từ

(3) Soạn chung với Đoàn-Viết-Bừu.

sau này lại có đủ sức kiêm luôn ba nghề nặng nhọc và bạc bẽo nói trên, mà nghề nào cũng lại đánh dấu được một cái gì. Thế mà từ chiếc lều con lạc lỏng tại trung tâm thủ - đô, sang căn buồng chật chội co mình trong khu đại học xá Minh-Mạng, đến gian nhà khiêm tốn anh tạo được trong cái hẻm đường Thành-Thái, mười năm đã trôi qua, nặng nề, bức bối, anh vẫn giữ được cái niềm tin ấm áp trong đôi mắt hiền hòa, đôi mắt mà nhìn sâu vào, tôi có cảm tưởng rằng chúng không sợ lửa, mà cũng chẳng sợ giá băng. Và lần này, cũng như mấy lần khác lại thăm anh, tôi không quên ngắm lại bức tranh sơn dầu của Duy-Thanh vẽ nửa người anh : hai tay khoanh lại như để giữ đưng cho mắt chút gì riêng tư, gương mặt nửa khắc khổ suy tư, nửa mơ màng mong đợi và hình như sẵn sàng nhận lấy bao cái đắng cay, tàn nhẫn của cuộc đời mà không trả lại mảy may.

Mắt tôi rời anh trong tranh : có tiếng chị mời xơi nước.

Anh đi vắng, chưa biết lúc nào về, Tôi xin phép ngồi đợi cầu may trong mười phút, và trong khi chờ tôi hỏi thăm chị về việc xuất bản. Bởi chị cũng « vốn mạch thư hương » (nhà thơ Tú-Mỡ là thân phụ chị), thì hoạt động giấy mực này của anh, hẳn chị hiểu ngọn ngành, chị vui vẻ trả lời thay anh, giọng nhỏ nhẹ :

— Vì cái « duyên » với các anh em ở tờ Sáng-Tạo, mà nhà-tôi tự tạo cho mình cái « nợ » xuất bản Sáng-Tạo này. Anh cũng biết đấy : một duyên, hai nợ, ba tình. Nhà-tôi muốn cái tình

giữa anh em từng quay quẩn chung quanh tờ Sáng-Tạo dạo nào được thắt chặt thêm với nhà xuất bản cùng tên, để cho tiếng nói của nhóm mình được liên tục. Vâng, nhà tôi đã đồn, thì phải vác. Anh em góp phần tác phẩm, nhà-tôi « bao thầu » mọi việc để cho tác phẩm thành hình và đến tay người đọc. Giám đốc là nhà-tôi, thầy cò cũng nhà-tôi, mà tùy phái cũng nhà-tôi. Ngày nghỉ, nhà tôi thường để một buổi thăm các nơi gửi sách, để có nơi nào cần, là về lấy sách, giao.

Chị ngừng. Tôi không chờ một lời trách nhẹ, mà tôi đợi một tiếng thở dài. Nhưng tôi lại thấy một nụ cười. Rồi chị tiếp, bàn tay xoa lấy đầu một cháu nhỏ vừa sa vào lòng chị.

— Một nhọc dành là nhiều, bức dọc cũng không ít, nhưng nhà-tôi lại vui vì công khó và thì giờ của mình đã giúp bạn bè có tác phẩm góp mặt với đời. Nhà-tôi được thỏa mãn trong tình bằng hữu và tình yêu văn nghệ. Nhà-tôi cho thế là đủ lắm rồi.

— Chị nói anh góp công khó và thì giờ, nhưng dường như còn cả tiền bạc nữa ?

— Còn tiền giấy, công in nữa đấy, song chẳng thành vấn đề. Vì thường thì sách ra ít tháng, là chúng tôi thu lại vốn đã ứng, rồi được thêm bao nhiêu chúng tôi đưa cho tác giả. Mà trong việc này, nhà-tôi được ông chủ nhà in Tương-Lai dành mọi điều kiện dễ dàng. Nhà in của ông là một nhà in nho nhỏ ở đô-thành, nhưng lòng tốt của ông đối với nhà

suất bản Sáng-Tạo có thể nói là không bờ bến. Ông quan niệm rằng nhà suất bản mà thành công, tức thì nhà in thành công. Nhà-tôi thường nói nếu không có mối cảm thông đặc biệt này của ông chủ nhà in Tương-Lai thì nhà suất bản Sáng-Tạo khó mà được như ngày nay.

Hơn mười phút đã qua. Tôi kiêu chi và hẹn ngày trở lại.

..

Gặp anh, anh xác nhận những điều chị nói. Anh nhấn mạnh lòng tốt hiếm có của vị Mạnh-Thường-Quân của nhà suất bản Sáng-Tạo.

— Anh xem, bộ *Khu rìeng lau* của tôi, vốn đến cả trăm ngàn. Gia đình nhà giáo thanh bạch như chúng tôi làm gì mà có đủ số. Quyển tiểu thuyết trường thiên này mà thiếu bàn tay ân cần và tru ái của «cô» đỡ Tương-Lai thì đến nay vẫn chưa thấy ánh mặt trời.

Anh lại tú sách, lấy ra một quyển *Người đàn bà bên kia vĩ tuyến*, bản đẹp, dở ra, mời tôi nhìn.

— Anh xem, chữ nhà in Tương-Lai nhỏ nhỏ này trong rõ và sắc, tưởng như sách được in ở nhà in siêu đẳng Kim-Lai !

Tôi gật đầu, nhận lời so sánh chẳng ngoa. Và đưa ra một nhận xét.

— Về mặt in đẹp, tôi thấy sách của Sáng-Tạo chỉ có thua nhà Cảo-Thơ.

Đến phiên anh gật đầu.

Anh vừa mơn man bìa cuốn sách dày, vừa ôn tồn nói :

— Tôi thích nhất cái bầu không khí gia đình giữa tôi và ông giám đốc

nhà in Tương-Lai. Có thể nói là tôi in sách ở nhà in nhà. Chờ còn hoàn thành xong tác phẩm, dành dụm tiền, rồi chạy Đông chạy Tây tìm nhà in, rồi lại còn phải đối phó vân vân nữa, thì chắc là tôi đã bỏ cuộc sau vài cuốn !

Tôi cho anh hay tôi không ở chơi với anh trọn buổi như đã định, mà chỉ ở một giờ, và xin sẽ đến quấy rầy anh vào một buổi chiều giữa tháng. Anh tỏ vẻ gất gao một cách dễ chịu.

— Vậy trong một giờ này, anh cố hỏi hết những gì dính dấp đến văn chương, nghệ thuật đi, để kì tới, hễ anh còn nhắc đến là tôi ngậm khẩu như bình !

Anh nói dứt, nâng bình nước trà, rót gần đầy hai tách vừa vừa, rồi cho vài muống đường cát trắng vào, Chủ khách cùng nâng tách.

— Sách của Sáng-Tạo, cuốn nào chạy nhất và cuốn nào ít chạy ?

— Đều là của tôi cả ! Chạy nhất, là *Dòng sông định mệnh*, sách tái bản. Ít chạy... nhất là *Gìn vàng giữ ngọc*, tái bản, và *Trái cây đau khổ*.

Tôi cười :

Quả « trái cây » mà « đau khổ » thì có khác ! Anh như ngẫm nghĩ :

— Một cái tên tiền định, anh à.

— Điều đó tác giả biết hơn ai. Song khách quan mà xét, thì cũng có thể cắt nghĩa được. Kịch in, nói chung, khó tìm khách hàng. Mà kịch anh lại là kịch tượng trưng, có phần khó hiểu đối với độc giả trung bình.

— Muốn cho đúng hơn, phải gọi kịch tôi là loại kịch tượng trưng trữ tình (symbolique lyrique). Có lẽ hơi khó hiểu một tí, nhưng không khô khan.

— Điều sau này, chẳng độc giả nào trách anh đâu. Bản chất anh vốn tươi mát — có người còn cho là ướt át — thì dầu anh có đi vào sa mạc cũng có bướm có hoa, có thơ có nhạc. À, tôi nhớ lúc một kịch trong tập *Trái cây đau khổ* đăng ở *Chỉ-Đạo*, khi anh Nguyễn-Mạnh-Côn làm chủ bút, cấp trên đã rầy anh Côn sao lại cho đăng một vở kịch có ý chống chánh quyền như thế. Chắc còn nhiều cái « đau khổ » khác do cái « trái cây » này gây nên. Anh cho biết « lịch trình đau khổ » ấy.

— Ba năm trước, tôi tâm sự với anh nhiều về truyện (4), thì nay có dài dòng với anh về kịch cũng là một việc phải-chăng. Kịch *Trái cây đau khổ* được đăng làm hai kì trên tờ *Dân-Chủ* chủ nhật của anh Vũ-Ngọc-Các, vào khoảng 1956. Anh để ý thì thấy trong tác phẩm đầu tiên của tôi, quyển *Sợ lửa*, có rao sẽ xuất bản *Trái cây đau khổ*. Thế mà mãi đến cuối năm rồi, bảy năm sau — nó mới ra đời được ! Đây, tôi xin kể bao nỗi đoạn trường nó phải chịu. Tôi gom bốn kịch và lấy tên một kịch làm tên chung cho cả tập, bốn kịch này sắp theo thứ tự thời gian soạn và đánh dấu bốn trạng thái tâm hồn tôi. Kịch đầu là *Mùa Xuân tin tưởng* đăng trên tờ báo của sinh viên, *Lửa-Việt*, số mùa Xuân 1955, lúc cùng anh em sống ở làng Thăng-Long. Thời ở chẳng yên, mà lại là thời cảm động nhất, tin tưởng ở cách mạng ; lúc bấy giờ, gặp các ông bộ trưởng, đồng lí

văn phòng là anh anh tôi tôi thân mật với nhau, không chút ngưng ngừng. *Trái cây đau khổ*, tôi viết xong năm 1955, bản thảo để trong đại học xá Minh-Mạng, gặp lúc Bình - Xuyên và chánh-phủ Ngô-Đình-Diệm xung đột, tôi phải chạy tìm nơi ẩn núp xa đại học xá một tí, đạn súng lớn rơi trong khu đại học xá, rơi xuống trước nhà thờ gần đây, làm tôi càng lo cho số phận xấp bản thảo này. Chạy về, thấy nó còn y nguyên, tôi rất đổi mừng. Kịch thứ ba là *Trăng sao* đăng ở *Sáng-tạo*, số 12 tháng 9 năm 1957, có cái duyên được một bạn đọc dịch ra Hoa văn, gửi một bản dịch ở toà soạn cho tôi, cùng một bức thư, xin phép tôi để đăng nó vào một tờ báo ở Hồng-Kông. Tiếc rằng người bạn này không để lại địa chỉ và sau đó chẳng tin tức gì, nên tôi không biết *Trăng sao* chữ Tàu có xuất hiện ở Cảng Thơm không. Sau cùng là kịch *Tiếng hú tâm linh*, viết năm 1960 và đăng ở nguyệt san *Chỉ-Đạo* như anh nhắc. Tôi nhớ ông giám-đốc nhà Chiến tranh Tâm lí có hỏi anh Nguyễn-Mạnh-Côn tại sao lại chọn đăng một vở kịch có ngụ ý chống nhà cầm quyền. Kịch này vốn đã được kiểm duyệt để rồi in. Chính anh Hoàng-Nguyên, chủ tịch Hội đồng kiểm duyệt lúc ấy, cũng thích nó, không nỡ bỏ, mời tôi đến văn phòng để cùng thảo luận, rồi sửa chỗ này một ít, chỗ kia một ít, chớ còn để y như tôi đã viết, thì rồi anh phải chịu một phần trách nhiệm nếu có người kẻ vạch. Tôi thấy

(4) Xin xem «Cuộc phỏng vấn về quan niệm sáng tác», *Bách-Khoa*, số 114, ngày 1-10-1964.

đã sửa đi sửa lại, đã được phép xuất bản, mà đang ở Chi-Đạo lại còn rắc rối thế, tốt hơn để nó nằm im trong ngăn kéo. Chừng chế độ Diệm-Nhu đổ, tôi mới cho tập kịch ngắn lặn dạn này ra đời...

— ... để nếm mùi « đau khổ » !

Anh cười.

— Ra đời gian nan, như vậy mà cũng còn gây... « đau khổ ». Chờ sách phát hành rồi về, ô-tô người bạn tôi thắng không kịp húc vào sau một chiếc tắc-xi...

Tôi bỗng nhớ đến bài Đỗ-Tấn điểm «Trái cây đau khổ» trong Tin-Sách, số 23, nên hỏi anh :

— Anh Đỗ-Tấn cho rằng anh viết kịch không phải để diễn. Nhưng sự thật có đúng hẳn thế không ?

— Sự thật thì tác giả nào cũng mong kịch mình soạn — dù soạn để cho người ta đọc đi nữa — được diễn để xem sao ! Kịch của tôi khó diễn, nhưng không phải là không diễn được. Nhất là đối với kỹ thuật tân tiến ngày nay. Áp dụng sân khấu quay thì việc thay màn đổi cảnh trở nên dễ dàng và mau chóng. À, anh có xem kịch «Con hổ chớ ?

— Của Nhật, do nhân viên phái đoàn Chấn hưng Đạo đức trình diễn năm xưa ?

— Phải. Với kỹ thuật ánh sáng như thế, thì đem các kịch tượng trưng của tôi lên sân khấu đâu còn là việc khó.

— Nhưng tới nay, anh có được cái vui thấy kịch mình được trình diễn «để xem sao» ?

— Kịch «Mùa xuân tin tưởng», anh chị em Đại học Sư Phạm có xin phép tôi được đem diễn trong buổi họp tất niên năm rồi, nhưng chẳng biết rồi sau, các bạn ấy có thực hiện điều ấy chẳng, Còn các kịch thần thoại, thì tới giờ, chưa được thấy ánh đèn sân khấu.

Chuyện kịch đã xong, tôi hỏi anh về sách giáo khoa.

— Loại sách khảo luận về một tác giả hay một tác phẩm trong chương trình, tôi soạn lúc phụ trách môn Việt-văn ở các lớp Trung-học ; quyển ngữ pháp, tôi soạn lúc dạy môn này ở trường Quốc gia Sư phạm. Đó là những «cuốn» tôi soạn dạy cho học sinh, rồi sửa chữa lại trước khi cho xuất bản. Tôi quan niệm rằng khi mình đảm nhận một môn gì, mình có bốn phận đào sâu môn ấy, tìm thêm tài liệu, suy nghĩ để có một cái «cuốn» riêng về môn ấy cho mình. Như thế, dạy có kết quả hơn là dùng sách người khác làm sẵn.

Bốn phận nhà giáo anh nhắc khiến tôi nhớ đến việc anh sắp đi Mĩ nay mai để tu nghiệp một năm.

— Anh đi Mĩ chuyến này, về, thế nào cũng có cái gì, cái gì đó nó thuộc về văn nghệ.

Anh mỉm cười :

— Tôi chưa biết sẽ có cái gì đó không, hay là rồi đi không lại trở về không.

— Tôi không tin thế. Anh đã từng xuất ngoại một lần, đi dự hội nghị sinh viên quốc tế ở Tích-Lan trong vòng ba tuần lễ, về, anh có thiên hồi kí đăng ở báo Dân-Chủ, thì nay sắp ở Mĩ suốt năm, anh về tay không sao

được. Huống hồ chi Tích-Lan thuộc Á-Châu, có lắm điểm gần ta, còn Hiệp-Chúng-Quốc thì hoàn toàn khác hẳn. Phong cảnh, tập tục, nếp sống, văn minh, mà một người dễ cởi mở, giàu tình cảm như anh trong một năm học hỏi, chung đụng với dân tộc cảm đầu thế giới tự do này, thế nào «cây đàn người anh» chẳng rung động?

Anh không đáp lại tràng «hùng biện trữ tình» của tôi, mà chỉ vỗ vỗ đầu con đại.

— À, anh đi, rồi ai thay anh lo cho nhà xuất bản Sáng-Tạo? Chẳng lẽ nó đành ngưng hoạt động trong mười hai tháng, sau khi đã chứng tỏ sự hiện diện của mình bằng cách in đều đặn mười bảy tác phẩm: nào thơ, nào kịch, nào truyện ngắn, truyện dài trong suốt hai năm.

— Điều anh thắc mắc cũng là mối bận tâm cho tôi hiện giờ. Tôi mong nó đừng đứt quãng, nên đang bàn luận với anh em để tìm người thay thế. Tôi hi vọng rằng sự tôi phải đi xa một năm không ảnh hưởng gì mấy.

Tôi cạy tách trà-đường, đứng dậy bắt bàn tay xương xương của anh mà hẹn hò:

— Chiều mốt, sáu giờ, tôi sẽ đến đây. Văn chương, nghệ thuật xin để lại ngoài đường cái, và mang theo chút gì ngọt ngào theo để đi đôi với nước trà ngon của anh.

..

Chút ngọt ngào tôi báo trước với tác giả «*Khu rừng lau*» là chút quà của quê hương ở miền Trung vừa qua nạn lụt. Nào ngờ ngoài bình nước trà



Doãn-Quốc Sỹ cùng Thế-Viên dạo phố Tự-Do, năm 1961

đứng đợi, còn có rất nhiều bận mà nằm chờ... Đó là...

— Anh dùng với chúng tôi một bữa cà-ri do chính tay nhà tôi «sáng tạo».

Anh nói với giọng trầm trầm, với cái bắt tay vừa phải, với cặp mắt tươi cười, không ra mời mọc, không ra ép buộc, nhưng mà không ai có thể chối từ, dù đã lỡ hứa hẹn cùng ai đi nữa. Đành phụ ai đó ở đâu xa chớ chẳng thể làm phiền lòng người bạn tốt trước mặt mình đây. «liên minh với nữ chủ nhân đang bận rộn ở nhà sau. Vừa ngồi xuống đối diện với anh thì chị đã bưng lên hai tô cà ri còn bốc khói, nhẹ đặt trên hai cái khay hình thuẫn một trắng, một vàng. Tiếp đến một đĩa lớn bánh mì cắt thành khoanh và người nội trợ ấy vừa cười vừa cáo lỗi:

« Tôi phải trông chừng các cháu ở sau. »

Anh phân trần :

— Thời buổi khan người làm. Nhà tôi đành một mình « bao » tất cả. Đi chợ, làm bếp, giặt giũ, săn sóc lũ cháu. Thành việc ăn cũng được « nghiên cứu » kĩ. Chúng tôi và các cháu, mỗi người một đĩa lớn thế này, ăn xong thì đĩa ai nấy rửa.

— Thế những buổi không ăn cà-ri bánh mì như vậy, mà ăn cơm, thì sao anh.

— Cơm, và đồ ăn « sống chung hòa bình », trong một đĩa cả.

— Thế là anh hợp lí hoá cả cái sự thường nhất là ăn uống. Nhưng các cháu nhỏ qua rửa bát e làm bể, thì anh chị giải quyết cách nào ?

— Có gì khó, đâu anh. Các anh chị chúng rửa giùm. Làm lớn thì phải mệt thêm. Luật bù trừ ở đâu mà chẳng thấy, anh. Nhưng này, anh uống bia được không ? Con, chạy mua một chai bia lớn. Có thịt, có rượu, rồi mình vững bụng để mà gặp đâu nói đó mà anh đừng quên rủi có gặp nghề thuật văn chương, thì chờ có bắt bớ.

Khánh-Hòa, Ninh-Thuận, Bình-Thuận lại bị lụt khá to. Miền Trung nghèo nàn và xấu số được chúng tôi cùng nhắc đến. Vô tình, anh vào vùng « cấm địa ».

— Độc giả của tôi ba phần tư là ở Miền Trung. Lụt này rồi ảnh hưởng nhiều đến công cuộc xuất bản sách, trong đó có Sáng-Tạo chúng tôi.

— Anh Võ-Phiến cũng vừa nói với tôi : để đến Tết xem tình hình sinh

hoạt miền Trung ra sao anh mới có thể quyết định được sự sống còn nhà Thời-Mới của anh.

Tình hình quá khó khăn của đất nước do người đào sâu cuộc chia rẽ, do tai trời do, Cộng-Sản là đề tài câu chuyện chúng tôi sau đó.

Thấy tôi có vẻ bi quan về thời cuộc, anh nói :

— Tôi, tôi cho rằng bao nhiêu đồng bào đã chết trên đất nước này trong hai mươi năm nay không phải là chết vô ích. Tôi tin rằng tình trạng bi đát hiện thời, ở bên này cũng như ở bên kia vĩ tuyến — rồi sẽ chấm dứt, Cộng-Sản tàn ác ở miền Bắc rồi phải đổi thay, Quốc gia thúi nát ở miền Nam rồi phải thay đổi, để hai miền của Tổ quốc Việt ta thống nhất trong một niềm chan hòa thông cảm. Đây chỉ là một giai đoạn của lịch sử dân tộc, lớp người như chúng ta hiện ở giữa hai lằn đạn dūr, cái bi kịch của chúng mình là ở đó. Không thể chọn lựa bên nào. Có thể nói dân ta hiện đang đau khổ vô cùng, đang sờ soạng tìm đường qua bao lăm lăm. Tôi có buồn, nhưng không mất lạc quan. Vì tôi nghĩ : tất cả những lăm lăm, đau khổ chúng ta tự gây ra hay chúng ta va chạm phải đều có tác dụng xây dựng của nó.

— Thế thì, theo anh, cái họa Cộng sản, suy cho cùng, cũng có cái hay cho dân tộc mình, cho cả nhân loại ?

Anh cười, hớp một hớp bia.

— Anh còn nhớ chuyện « Tái-ông thất mã ? » Trong cái họa có cái phúc, trong cái phúc có cái họa. Cho nên

— vẫn theo tôi — tại ách Cộng Sản vò nát tự do, tàn phá nhân phẩm, chính là mũi thép nhọn, sắc mà nhân loại dùng để tự điều khắc khuôn mặt mình theo một khuôn mặt lí tưởng mà mọi người hằng mơ ước.

— Ý nghĩ của anh, chỉ có thời gian là trả lời : đúng hay sai, thực hay mộng. Nhưng Cộng Sản mà chúng ta mới biết vị « đầu tổ » khi cuộc kháng chiến gần kết liễu, với Cộng Sản mới ném mùi bom đạn của Mĩ, trên mười năm qua, anh có thấy có gì có thể gọi là thay đổi chăng ?

« Anh lắc đầu.

— Họ vẫn thế. Cũng « cứu cánh biện minh cho phương tiện » Anh thấy đó. Xe hỏa chở thường dân, mà cũng giết mìn, cũng bắn giết. Chết chóc, tạt nguyên cho đàn bà, con nít, người già. Để chi, anh biết không ?

Tôi còn đang nghĩ ngợi thì anh đã trả lời :

— Để những người này không dám đi xe lửa nữa, mà phải đi xe hơi. Đi xe hơi thì dễ đón đường, dễ thu thuế, vv...

Tôi nhớ lại một đứa cháu mới về thăm nhà ở Phan-Thiết, xe đồ chạy khỏi mấy vườn cao su Xuân-Lộc không bao xa thì bị chặn đường... Và việc đã xảy ra y như lời anh nói.

Anh bỗng hỏi :

— Anh hồi cư năm mấy ?

— 1952. Từ liên khu 5, tức vùng Nam-Ngãi-Bình-Phú. Còn anh ?

— 1951. Từ chỗ kháng chiến ác liệt nhất. Liên khu Việt-Bắc. Kháng chiến,

tôi kháng chiến hết mình. Tôi từng là một « anh hùng lao động » của cơ quan tôi. Nhưng đến khi già từ « thiên đường Đỏ », thì cũng già từ quyết liệt, dứt khoát.

— Nhưng về với quốc gia...

— Rồi cái thế giới mà cầm thù ngự trị, về với quốc gia, thì lại đụng đầu với thời nát thời tha. Nhưng ở thế giới này, dầu nó có thúi tha đến đâu, mà mình muốn giữ vững lòng mình thì cũng còn đất đứng. Chớ ở thế giới Cộng-Sản thì đừng hòng...

— Nghĩa là phải nhập bầy ?

— Phải nhập bầy mới hòng được để tạm yên. Nhưng rồi còn dọ xét, còn phản tỉnh, còn tẩy não, để mình chỉ còn là một con số. Tình người đã không còn, thì cuộc sống trở thành vô vị, vô nghĩa. Tôi nghĩ đến những con người như Thế-Lữ, như Nguyễn-Tuân, họ bị ép buộc nói, làm, cảm, nghĩ trái với con người thật của họ. Rồi lâu thành thói quen, mà thói quen là thiên tính thứ hai, tôi chắc họ rất đau khổ mà phải như thế.

Anh nhắc đến Thế-Lữ, làm tôi nhớ cuộc gặp gỡ mới đây giữa con trai anh ấy và tôi. Tôi nói lại với anh hai điều mà chàng trai này thổ lộ với tôi :

— Em ấy nói : ai nói gì thì nói, tôi không tin rằng cha tôi là Cộng-Sản. Người ông không thể chấp nhận được cái tinh thần bầy lũ và sự áp bức con người đến thế. Rồi em kể chuyện một người bạn vượt tuyến đã giải bày với em : « Tao liều chết vượt tuyến là để được tự do đi ăn mày ».

Anh cười thích thú :

— Tôi thông cảm với em đã chọn tự do ấy lắm. Bất cứ ai đã qua cơn ác mộng với Cộng Sản, đã hiểu rõ bộ mặt thật của chúng đều có thái độ dứt khoát, vừa đơn giản vừa cương quyết như vậy. Đôi khi tôi gặp vài bạn đàm thoại chưa hiểu rõ Cộng Sản, tôi cũng không tìm cách cổ biện minh và thường bình tĩnh, lòng nhủ lòng, «*Đoạn trường ai có qua cầu mới hay.*»

Đoạn sau này, anh nói với giọng trầm trầm, đều đều, hơi chậm rãi,

nhưng người nghe sao như cảm thấy nó chứa tất cả những gì chua xót của một người đã qua cái cầu đoạn trường ấy. Giữa thời hoa niên chan chứa tin yêu . . .

14-XII-64

NGUYỄN-NGU-Í

Đính chính

Trong B.K. số 191, trang 86, cột 2, dòng 11 : Nguyễn-Tấn-Phát, mong bạn đọc sửa lại là : Nguyễn-Thu-Minh.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LÃNG
C^{ie} d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explocions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

≠

TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIÀN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LÃNG
C^{ie} d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

≠

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 8.750.000.000 PHẬT LÃNG

Assurance Franco Asiatique

Assurance Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

khi lửa đau khổ cháy lên

Khi lửa đau khổ cháy lên
Tan ngày vui quá khứ
Khi lửa đau khổ cháy lên
Tan niềm tin ấp ủ
Khi lửa đau khổ cháy lên
Tan ước vọng tim người
Khi lửa đau khổ cháy lên
Xôn xao lịch sử
Khi lửa đau khổ cháy lên
Người ta quay lưng vào cuộc đời
Và từ bỏ
Còn chi em ?
Ngoài tình yêu
Khi lửa đau khổ cháy lên
Tình yêu thành bất tử.

cung thu giữa mùa xuân

khi tìm tìm xuống cung sâu
nhớ em khói thuốc lên đầu ngón tay
phố tươi cười ngó hàng cây
mình tôi lạc giữa heo may trái mùa
xuân đầy trời đó, sao thu
về hồn tôi đậu khẽ như cánh chuồn ?

Vòng tay

học trò



Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG.

(xin xem BK từ 169)

PHẦN THỨ BA

6 | HAI người đẩy cửa kính vào phòng giải khát của phi trường. Khang bích tay Minh chỉ người con gái mặc jupe serré và áo cộc tay ngồi một mình nhìn xuống sân bay chói nắng. Đôi mắt sắc của người con gái liếc xéo lên :

— A, anh Minh, về Sài Gòn từ bao giờ thế. Cứ tưởng mắt tích.

Minh chỉ Khang nói bặt và thản nhiên kéo ghế ngồi xuống :

— Phương ngồi với ai đấy ?

Minh nhìn cốc 33 với quá nửa và chiếc valise nhỏ dưới chân ghế.

— Sắp đi đâu ?

— Dalat. Đi hụi với một tên bự. Phút chót vợ hấn cắn mũi.

Phượng vòng tay ra sau gáy với một dáng điệu mệt mỏi cổ ý. Bộ ngực đầy căng tròn dưới làn áo nylfranc mỏng dính :

— Buồn ngủ quá. Vũ suốt cả đêm qua.

— Sao không về mà ngủ.

— Về nhà sống sao nổi. Các anh uống gì.

Không đợi trả lời Bích Phượng cầm cái chai không gõ lanh canh vào ly gọi bồi và nói luôn hai cái băm ba nữa. Phượng dốc ngược bia vào ly cho hai người :

— Anh đi đâu đấy.

- Đón một thằng bạn ở Đalat về, không thấy tới.
- Nóng quá, định mát ít hôm mà mắc cạn ở đây.
- Gì mà thăm thế. Mắc cạn thì về « bơi » với anh.

Phượng nhìn mông lung khoảng trống chiếc máy bay bỏ lại trên sân, vuốt hơi lạnh đọng trên thành ly bia sủi bọt :

- Địa điểm ?
- Tầng chót khách sạn H.Y.
- Phòng bao nhiêu ?
- Trăm rưỡi.
- Tã thế. Nóng thấy mờ.

Minh nhỏ giọng bên tai Phượng :

- Thì đừng . . . mặc áo.

Bích-Phượng phá lên cười những ngón tay dài móng hồng nhọn vắt xoè rộng úp lên khuôn mặt nhoè nhoẹt những nét điểm trang. Nàng cụng hai cái ly vào nhau gọi bồi và xoè một tờ năm trăm mới tinh chận xuống vô chai.

— Về đâu cũng được. Ngủ một giấc cho quên mệt. Anh có vương ai đấy không.

Minh nhả khói thuốc vào má Phượng và yên lặng lắc đầu.

Về đến khách sạn, Phượng khoan thay đi thẳng lên lầu như vào nhà riêng. Minh vừa mở cửa, Khang chưa kịp vào, Phượng đã nằm duỗi trên giường. Thân hình Minh cũng rơi xuống nệm. Khang đứng xây lưng về phía họ soi gương chải tóc. Tấm gương cất xéo một phiến nệm giường trắng toát trên đó bộ đùi thon dài của Bích-Phượng bỗng co lên. Tiếng cười khúc khích cửa nát khoảng trống dày đặc trong hồn Khang. Khang bảo Minh không quay lại :

- Tao đi có việc.
- Chốc nữa mày lại đây, khoảng tám giờ.
- Thôi, tao có hẹn.
- Hẹn quái nào, đến cùng đi chơi.

Phượng chen vào :

— Anh không đến tôi lại mang tiếng phá hỏng chương trình. Vậy các ngài thuê phòng để ngủ với nhau thôi sao ?

- Có thể trở lại.

— Khang này, mày gọi giầy nói cho thằng Lộc bảo tao kẹt không đi ăn cơm với ông bà via nó được, nghen. Ở dặn nó có thư hay điện tín từ Nha-Trang hay Đà-Lạt đưa đến tao ngay.

Trong tấm gương, chân Bích-Phượng đã đuổi dài xuống. Khang đi ra đóng cửa lại. Đến giữa cầu thang, Khang nghe tiếng chìa khoá tra vào ổ lách tách vội vàng sau lưng.

Ánh sáng bị đuổi hết ra ngoài trời chiều tối lại trong căn phòng bùng bít, Minh nằm ngửa hai tay vòng sau gáy, mắt mở lớn lên trần nhà màu trắng đục nhò. Chiếc quạt cũ sè sè quay tít. Hai con thần lằn bắt kịp nhau trên vách, đuôi nhỏ xíu ngo nguậy một lúc rồi bất động. Tiếng nước chảy rả rích một phòng bên cạnh. Chân Minh bỗng chạm vào mớ áo quần bẻ bộn cuối giường. Con lút nào dưng lên đầy ứ một phần cơ thể, mệt mỏi và choáng váng. Minh nghiêng dần vào cánh tay trần như rắn lột da của người con gái nằm cạnh.

Bao nhiêu thời khắc trôi qua trong cơn khoan khoái mệt như đó, Minh không biết. Tiếng Fermeture kéo nhẹ và Phượng nói gì đứt quãng như hụt hơi. Chân nàng đi nhẹ nhẹ về phía có robinet cuối phòng. Tiếng nước xối xả vung vãi xuống sàn nhà. Chóng mặt, nhức đầu, Minh đưa năm ngón tay nhón lên vuốt mặt, châm vội vàng một liều thuốc. Nỗi ngán ngao bất ngờ vùn vụt dưng lên. Minh cảm giác những trận sóng bùn đen trườn lên tới tấp đè trĩu xuống từng miền trên khắp cơ thể bại hoại. Nệm gối bỗng xông lên mùi tanh tươi buồn nôn và cơn hồi hận vô cơ bỗng trườn lên lác nhẹ chốt tim mỗi nhịp. Minh hít một hơi thuốc dài, thở ra và nhìn sâu vào vầng khói xám cuộn cuộn tự hỏi vì sao mình sống thế. Vì sao mình sống thế từ một tháng nay về Sài-Gòn mắt hút tin Trâm, từ khi cơn ám ảnh về Trâm trở nên một đam mê tuyệt vọng không thể nào khuấy lãng, lẫn trốn và tìm quên chỉ thêm rõ nét ảnh hình xa cách. Khắp những miền phung phá ban đêm, phòng trà quán rượu vũ trường tổ quỷ, đến đâu rồi Minh cũng nhìn thấy lảng đảng yêu ma khuôn mặt đó. Vầng tóc đó. Ngôi nhà hoang lạnh đó, Và những đêm ngọc ngày vàng Dalat. Với Trâm. Hai con mắt nhìn lên dưng đầy khát vọng. Ngấn cổ trắng vươn lên khắc giầy chờ đợi điên cuồng. Mái tóc lả xuống bờ vai tròn ngẩn ngơ cho khuôn mặt bỗng bành mở lên như một đài hoa nổi trên mặt hồ mộng lung cảm giác. Hình ảnh đó Minh băng khuâng giả tưởng trên hình ảnh những những người con gái khác. Trúc hết dòng lửa nóng ăm ỉ điên cuồng trong thể xác tâm tư mình vào những lần bất ngờ gặp gỡ, mà vực lửa trong lòng không thể dần vơi. Để cứ mỗi lần tìm quên, mỗi lần thả trôi vào hiện tại cho khuất lấp ngày tháng cũ, Trâm như hiện hình lên chen lẫn giữa hai miền da thịt tìm nhau. Của Minh và bất cứ một người con gái nào. Của Minh và người con gái hôm nay. Cái gì tan rã và rơi nhanh trong hồn cho vòng tay buông lỏng trên thân hình điên mê quần quai...

Bích Phượng sửa áo xong, uốn éo trở lại, ngửa xuống giường gối đầu lên bụng Minh và rướn người kẹp điều thuốc trên môi Minh búng vào xó tối :

— Em tổn lắm sao mà tẩy bằng thuốc vôi thế.

Hai con mắt Phượng mở xuống vực sâu đêm đen nhầy nhụa và Minh bỗng nhìn thấy lại vòm trời trắng sương Dalat khuya xưa Minh bỏ đi theo Phượng không về. Bỗng dưng Minh chán ghét cùng tột tất cả mọi người mọi thứ, mọi chuyện, khinh bỉ cả Phượng và chính mình. Minh gỡ cánh tay Phượng, vớ một điều thuốc khác cười nhạt trong hơi khói trắng :

— Cắm trắng miệng sao ?

— Chó.

Rồi Minh vùng dậy mở cửa. Bóng tối sụp xuống bên ngoài. Minh phả nước lạnh vào mặt tỉnh hẳn người. Phượng đang đánh phấn bên chiếc bàn con trơ trọi. Mái tóc người con gái rối bồng hỗn loạn đổ xuống hai vai tròn lăn bĩnh yên. Những ngón tay mềm dịu dàng đưa nhẹ lên gò má. Con gái đàn bà lúc trang điểm trông giống nhau, hiền lành dịu dàng và tội nghiệp lạ. Minh nghĩ và lòng chùng xuống trong một xót xa hoài niệm. Buổi sáng buổi chiều bao nhiêu lần Minh đứng nhìn Trâm trang điểm như thế. Cũng mái tóc cũng bờ vai cũng những ngón tay vờn lên gò má căng đầy óng ả như thế. Nhưng người con gái Minh vừa mê mải trong tay không phải là người đàn bà đó. Phượng không là Trâm. Sài Gòn không là Đà-Lạt. Bây giờ không phải bao giờ. Và tôi. Và tôi hôm nay cũng không còn là tôi ngày ấy nữa, Trâm ơi.

Minh đặt hai tay lên đôi vai trần của Phượng :

— Em chải tóc xuống đi, đừng rối bồng như thế.

Phượng nhần mặt trong gương :

— Rối quá không chải được đâu.

— Em tắm nước cho ướt tóc lại anh gỡ cho.

Phượng làm theo và ngồi xuống chỗ cũ. Nỗi gì dịu dàng buồn tủi từ tay Minh cầm lược chuyển vào tóc lan nhẹ vào lòng Phượng. Giọng nàng nhỏ hẳn đi :

— Nhè nhẹ nghe anh. Đau em.

Phượng bỗng lặng người nghe lại hết giọng nói của mình với những người khác trong khoảng thời khắc đắm chìm của bóng tối và lặng yên chỉ có nhục cảm của mình rền rĩ quần quai. Những người đó đi qua. Những phút đó đi qua. Đi qua. Trở lại. Và lướt trôi không một người một phút giây nào dừng lại. Như vùng không gian đầm ảm

quanh thân hình Minh sau lưng nàng đang bao bọc lấy một khoảnh khắc êm đềm tạm bợ. Phương lim dim hai mắt cọ nhẹ đầu vào bụng Minh :

— Cám ơn anh.

— Đẹp rồi đấy. Đứng lên anh xem nào. Bích-Phương xoay người lại. Dưới vòm ánh sáng màu hồng của ngọn đèn đầu giường hắt qua, Minh thoáng thấy trong dáng dấp người con gái hôm nay, mái tóc Trâm chiều nào lả tả bay dưới vòm trời tím lạnh. Tự nhiên thấy Minh nhìn mình chăm chú dịu dàng và âu yếm lạ lùng, Phương cúi đầu vào bụng Minh, luồn tay vào lưng áo người con trai nhắm mắt thì thào :

— Cho em . . . đêm nay nhé.

Minh ôm đầu Phương, cán nhẹ lên bờ vai cảm thạch căng tròn và bồng nhớt xốt xa miềm thung lũng tuyết trắng trên khuôn ngực Trâm một mùa gió mưa nào xa tắp.

Tiếng gõ cửa bên ngoài đập vỡ những ảo tưởng mơ hồ vừa vang vọng trong tâm tưởng Minh. Bích-Phương khoác áo lên người nhìn lại vùng nệm gối xô lệch trên giường. Đèn bật sáng, nàng trở lại ngôn ngữ nhà nghề :

— Thu dọn chiến trường lại đi anh.

— Việc gì, thằng Khang chứ ai, quen quá rồi.

Mặt phấn của người con gái bồng trắng bệch dưới ánh đèn nhợt nhạt và Minh tiếc đã diễn cái trò mơ màng vừa rồi với Phương. Minh cúi xuống giường kéo cái gối chần lên chỗ nệm bẩn rồi mở cửa cho Khang vào. Mười giờ, cả bọn kéo đến vũ trường Tự-Do.

Nhảy mấy bản twist, mồ hôi ra khắp người, chân tay lạnh giá, Minh trở về chỗ ngồi trong ghế tối nhìn ra sàn nhảy. Phương quay cuồng với Khang ở đó. Rồi với người khác. Với những người khác. Cơn chán ngán nghẹn ngào dâng lên, Minh chầm thuốc thở khói vào âm u của nỗi buồn đêm, và nhớ lại thế giới rộn ràng nhỏ bé của Sài-Gòn thu hút rất mau những ai mới bỏ ngõ tìm đời và làm chán ngán rã rời những tâm hồn đã tìm thấy một tình yêu, một thiên đường, đã được và mất ở một nơi nào khác. Cho nên Sài-Gòn ăn chơi là Sài-Gòn hai mặt : điên cuồng háo hức bên ngoài và chán chường tức tưởi bên trong. Đến đó để tìm sự sống. Đến đó để quên mình phải sống. Những người con gái bỏ nhà đi. Những kẻ cần có công ăn việc làm. Những người còn chút tin tưởng vào mình mong cơ hội gầy dựng tương lai. Những người chán ngấy thứ dư luận hẹp hòi nọc độc ở các tỉnh nhỏ. Những kẻ trốn vợ, trốn chồng đi tìm tình yêu khác. Những kẻ sợ hãi cô đơn lấp trống tâm hồn và cuộc đời sau một thất bại tuyệt vọng của đam mê cùng cực hoan lạc bay nào nùng. Tất cả đều đổ xô về bám víu lấy những vĩ hệ Sài-Gòn.

Tiếng ồn của Sài-Gòn vui lấp cơn la hét bên trong. Nhạc điệu Sài-Gòn xoá mờ nỗi cô đơn khoảnh khắc. Cho nên Minh bỏ Đà-Lạt về đó. Về đó đợi chờ vô vọng con chim quý đã vỗ cánh về một chân trời biển biệt. Tuần sau tôi trở về, tôi trở về với em. Trâm đã nói thế buổi cuối cùng đưa tiễn. Nhưng ngày thứ ba tuần đó, ra Air Việt-Nam chờ chuyến bay Nha-Trang lên Đà-Lạt, cho đến mười một giờ chuyến xe đưa hành khách về hãng. Đứng ở cửa hàng cà phê ngày trước, Minh nghẹn ngào hồi hộp nhìn lên. Trâm dịu dàng và sáng láng trong một màu áo quen nào đó, bước vội vàng ra khỏi xe, chạy ra đến và niềm vui phơi phới của Minh sẽ nở thắm trên miệng Trâm cười. Đôi mắt đen buồn chớp nhẹ, Trâm sẽ hỏi dịu dàng : Minh cũng đi đến tôi ư, như những lần xa cách trước. Nhưng những người khách trên xe dần dần xuống hết. Người cuối cùng không phải là Trâm. Nắng quặn quai chuyển mình trên vòm trời Đà-Lạt chợt âm u thấp xuống. Gió lạnh từ lưng sâu cuộn cuộn dâng lên. Và mưa bay hờn tủi giữa lưng chiều thành phố. Minh lang thang từ con đường này sang con đường khác. Con phố nhấp nhô heo hút quay cuồng đảo lộn lùi dần về phía sau mặt hồ im thơ thóp nhớ mặt trời. Con đường ẩm ướt dưới chân như chạy dài vô tận. Điều thuốc cháy đỏ đầu môi phảng phất hơi ấm của một ngày đầu hộp mặt. Cái tàn dài là tả rung trong mưa bay. Búng mẩu thuốc ra xa, Minh nghĩ thế là hết, là hết rồi. Nhưng còn phảng phất mơ hồ an ủi và hy vọng. Có thể vì một lý do nào đó, Trâm về muộn. Thôi chờ đến thứ sáu. Ngày đêm đi qua dài và chậm như một dòng sông lạnh lẽo. Có hôm Minh về nhà cũ, đứng trước lầu cao kín cửa nhìn lên. Tiếng hát Trâm buồn ngày xưa vọng xuống. Chante chante mon coeur la chanson du matin dans la joie de la vie qui revient. Lời ca vui sao giọng buồn đến thế. Âm hưởng lẻ thê khóa lấp những miền lưng vắng tâm hồn. Con đường trước nhà chạy dài heo hút, ngã này vào rừng vắng, ngo kia về tha ma. Cô đâu, cô đâu rồi. Trâm ơi, Trâm đâu rồi. Gió từ đỉnh trời thủy ngân rào rào đổ xuống. Hàng thông lão đảo nghiêng mình. Như bão tố sắp sửa bùng lên khắp mặt địa cầu đổ vỡ. Thiên đường bật tiếng, không ai đáp lời và Minh lầm lũi trở về thành phố. Cô giận hờn em đến thế sao. Em xin lỗi cô. Xin lỗi cô một ngàn lần. Thôi cô trở về, trở về với em đi. Như người ta đang nghe, người ta sắp trở lại. Sáng thứ sáu tuần đó, Minh ra chỗ cũ, lại nghẹn ngào hồi hộp nhìn lên. Những người khách trên xe dần dần xuống hết. Người cuối cùng không phải là Trâm.

Thôi hết. Thôi xong. Thôi chẳng còn gì cho đời tôi nữa. Nằm im, nằm chết nằm mê thiếp một tuần, hai tuần nhà thằng bạn, Minh chờ khoắc khoải một dòng thư, một tiếng vọng đáp lời. Thiên đường im tiếng. Không ai đáp lời và Minh lầm lũi bỏ đi, đón đau mỗi một ngã vào vòng tay niềm nở của Sài-gòn.

Nằm với Lệ hai đứa ôm nhau thức trắng đêm, Minh kể hết cho bạn không dành một chi tiết nhỏ. Chuyện nhà. Chuyện Trâm, chuyện mình

Và ngộ cụt hôm nay. Bài toán đời không bao giờ tìm ra đáp số. Lần đầu tiên trong đời, Lộc thấy nước mắt của một thằng bạn trai. Minh cúi đầu trong cánh tay giọng ảm ức : nhà cấm tao gặp Trâm. Giữa Trâm và gia đình tao, tao phải chọn một. Tao đã chọn và đã mất gia đình. Nhưng mày thấy, tao làm gì được cho tao cho Trâm, cho những ngày tháng tới. Như con chim chưa đủ lông cánh, tao bay sao nổi một mình. Tao sợ. Nhưng nghĩ đến Trâm tao có can đảm. Bây giờ Trâm cũng bỏ tao. Trâm bỏ tao và sự hy sinh của tao vô ích. Vô ích mày thấy không. Lộc đồ bạn nói liều : mày cứ về Dalat rồi tìm cách gọi Trâm lên. Thế nào cô ấy cũng lên với mày. Tin như thế đi. Lòng Minh nung nấu, mà nó, nó cứ lải nhải tin như thế đi. Tin cái gì, tin vào ai khi chính mình không làm cho ai tin nữa. Em nói dối một lần, cô giết em một đời, cô biết không ? Trong khuya, thế giới bên ngoài lấp chìm vào mù tối, nỗi buồn âm ỉ cháy mãi trong lòng. Tâm trí Minh đột nhiên trong suốt sau một khắc bàng hoàng thức tỉnh. [Như có một tấm màn mỏng nhẹ lung linh ngăn cách ngày ấy và hôm nay đang từ từ cuốn lên. Minh thấy lại vòm ánh sáng trắng lơ mờ buổi mai hôm đó, như một bình minh lạnh lẽo cuối đời lay động vết thương, và Minh cảm thấy hao hụt chơ vơ giữa một vùng cao rộng không còn nơi bám víu. Như trời cao đã đổ xuống trong đêm đó. Và thật hết. Tất cả thật đã hết trong một yên lặng rợn người. Khoảng cách giữa Minh với Trâm phút đó là con đường thăm thẳm giữa hai hành tinh trong cao vút không gian. Mà như không có gì thay đổi trong gian phòng quen thuộc đó. Vẫn cái bàn tròn phủ khăn trắng. Những tranh ảnh im lìm trên bức tường hồng tro tro. Khung cửa sổ cắt vuông một mảnh trời bàng bạc. Và mùi thơm phảng phất của nhiều đồ vật không tên : trong nhà Trâm ngồi nướng bánh mì phết bơ bên lò sưởi. Tiếng niă chạm vào dao lạnh canh. Đồng hồ tích tắc như giọt vào yên lặng. Trâm đã mặc áo dài và trang điểm xong, vẻ im lìm lạnh lẽo và tái tê lên khuôn mặt đủ biến thành tượng đá mùa đông tuyết giá bốn bề. Minh ngẩng đầu lên và gục mặt xuống gối. Chưa một phút giây yên lặng nào như thế trong nhà này. Chưa một lần nào Trâm có thể thản nhiên lạnh lùng đến thế. Vẻ lạnh lùng rợn rợn của một con dao bén lò ánh thép. Minh muốn nói, muốn xin, muốn lay đổ bầu không khí nặng nề phút đó. Nhưng Minh sợ, như một hơi thở một với tay một thoáng lay động nào cũng làm sụp đổ hết cả vòm trời đã rạn vỡ. Rồi thoát nhiên, tiếng Trâm thoảng ra như âm vang của một lời ma quái xa vời từ sau chiếc khăn đỏ của con đồng lắc lư điên đảo.

— Minh dậy ăn mà đi. Muộn rồi.

Minh nhìn sang góc phòng. Cái manteau vắt bừa bãi cạnh những tàn thuốc rã rời cháy xém mặt sàn gỗ, Minh nhớ lại dáng người rũ rượi của Trâm trong đêm và khuôn mặt nào nùng sau làn khói thuốc hư ai. Suốt đêm Trâm đã ngồi đó, nhìn sang đôi mắt lạnh buồn câm nín.

Minh dè dặt đến sau lưng Trâm ngồi xuống. Điều muốn nói không bao giờ nói được. Điều muốn nói bây giờ không thể nói. Muộn rồi. Minh thầm mong mỗi Trâm đột ngột quay lại, đập phá một cái gì cho tan tành rồi xỉ vả Minh, hoặc gay gắt mĩa mai hay la thét ồn ào. Gì cũng được, trừ im lặng. Em van cô, đừng im lặng. Nhưng Trâm từ từ đứng lên, không nhìn lại Minh, như người con trai đã là một phiến đá một khúc gỗ một sinh vật dị kỳ thừa thãi. Rồi nàng chăm rãi, chừng mực và dịu nhẹ, nhúng khăn mặt vào nước nóng vắt khô và đưa tận tay Minh. Không một lời. Nhưng nhắc nhở bao nhiêu trong săn sóc đó, dịu dàng âu yếm như người chị đối với em : Thôi hết, vai trò chủ nhà, cô giáo người đàn bà hôm nay đã giữ lại rồi. Cơn đam mê thoáng qua khác giây trong một đời cô quạnh của người đàn bà trẻ như làn gió ấm của đêm dài lạnh lẽo. Từ đó là hết. Hình ảnh cuối cùng Minh mang theo suốt những tháng ngày trống không dằng dặc về sau là nét môi Trâm cười lạnh nhạt và xa vời qua làn cửa kính khi xe ca chuyển bánh. Và giọng nàng làm tiếng gió hư vô : mình không nên tìm gặp nhau thêm lần nào nữa. Không một lần nào nữa...

Nhạc dứt trong tiếng chân rào rào dồn dập đưa nhau về ghế cũ. Phương nhập bọn với đám lỏi con bàn khác. Khang cặp một đào cũ về trước. Minh ngồi lại chín muồi ngao ngán trong cơn trống lốc tan hoang của lòng mình. Bóng Trâm xa mờ chìm khuất. Dân nhạc bắt đầu chuyển một điệu blue nào nuốt. Đèn hồng. Đèn xanh mà bóng tối phủ trùm trên thân xác, trên tuổi đời trên tháng năm tôi. Minh rời năm ngón tay khỏi đầu tóc rối, bầu ly 33 lạnh ngắt, cốc cạn một hơi, ném tiền xuống bàn và lão đào đứng lên ra ngoài...

— Cậu uống gì ?

— Pernod.

Lam nhìn mái tóc rũ rượi của cô em gái phung phá trở về :

— Lại say sưa nữa rồi.

— Uống nhưng không say được đâu cậu.

— Bao giờ cậu về Đà-Lạt

— Không về

— Gắn trụ trường rồi.

— Cốc thêm dạy học trò nữa.

— Sao vậy ?

Trâm xoay tròn cốc rượu trong tay nhìn ra cửa kính nhà hàng. Nhiều cặp diu nhau thoáng qua mắt hút vào bóng tối. Nhạc kèn đồng thổi một điệu blue nào nuốt. Khuôn mặt Trâm lơ mờ dưới mái tóc rong rêu lênh bênh trôi vào dòng nhạc xanh cuộn cuộn. Rượu với

dẫn trong cốc. Tâm trí nhẹ nhàng quay những vòng tròn hình ảnh mờ hồ kỷ niệm. Nụ hôn cuối cùng chết đuối dưới đáy cốc rượu ngọt. Tiếng cười nào vỡ nát trên cao lênh đènh ảo giác. Trâm bắt một que diêm nhìn lửa cháy. Trên xác diêm tàn, đời nàng bỗng gây đôi.

— Chuyện những thằng học trò trong nhà cậu đến đâu rồi.

Trâm cười bằng đôi mắt u uẩn long lanh :

— Nhưng ! Một thôi cũng đủ vỡ nợ rồi. Sao cậu biết ?

— Thằng Tuấn hận cậu, tìm cách điều tra.

Cũng có một người tên Tuấn, Trâm nghĩ và không còn nhớ được khuôn mặt đó. Không còn nhớ một khuôn mặt nào, đàn ông và con trai... Màu đen bỗng phủ xuống bề mặt tâm hồn. Tiếng bánh xe lăn rì rào đều đặn trong khoảng trống âm u đó. Gió bão bắt đầu cuộn lên từ đáy vực sâu. Cho nàng nghe tiếng nói mình trong đó ngùi ngùi tự thú .. Tôi đã bỏ đi, đã xa khuất mất mất hẳn rồi. Một năm giữa vòm trời đầy sương Đà-Lạt. Cuộc đời đó như một quê hương thoáng thấy sau bước lưu đày, không còn cơ hội trở về sống lại nữa. Tôi đã đi qua một thiên đường ảo vọng. Tôi phủ nhận, chống đối xa lạ hoàn toàn với đời sống bỗng hiện hình trong khuôn mặt thực ấy. Trước đó, sau này tôi đắm chìm trong những bản khoả ích kỷ riêng tư. Cuộc đời đích thực không ở những chân trời xa xôi nào hết. Ở trong vòng biên cương eo hẹp đó, trong bùng bít lưu đài đó, trong tương giao lẫn lộn tầm thường đó. Tôi trở về nhưng tôi đã bỏ đi không ăn năn luyến tiếc. Buổi sơ giao, ngày gần gũi và hôm nay cách ngăn bao giờ tôi cũng chỉ là tôi, ốc đảo hoang vu trong biển đời huyền ảo. Tôi trở về nguồn gốc bản thể mình, không lẫn trốn khước từ giả dối nữa. Bản thể mỗi người như một loài rễ cây ẩn kín dưới bóng bình, không thay đổi theo lá cành tươi úa trên cao. Những mùa mưa gió ấy, những điều tàn phung phá ấy, những tan hoang trống lốc ấy, khuôn mặt đời tôi úa bao nhiêu nước mắt, thấm bao nhiêu nụ cười, hẳn bao nhiêu vết thương mà vực thăm lòng tôi vẫn trào đầy lửa cháy. Tôi trở về với tôi. Tôi trở về thấp lửa lên đuốc mờ cho hội vui cuộc đời tiếp diễn. Tôi trở về sống bằng hoài niệm quăng đời gặp gỡ trên chuyến phiêu du, quăng đời như quán trọ tôi đã chối bỏ lìa xa cùng với hành trang. Chứng tích nửa đời. Ngôi nhà trắng và buổi sáng mù sương. Thang lầu gỗ đen và những bước tình yêu quần quít. Con đường rừng một buổi hoàng hôn nào đó. Rặng hoa đào và bóng dáng mùa xuân. Mười ngón tay em và những chiếc áo len màu. Miệng em cười và lời yêu thương muôn màng không nói. Tôi chọn em làm đối tượng một đoạn đời ngắn ngủi, Từ đêm em đi là hết. Là hết. Những đoạn đời kế tiếp của em không thuộc về tôi nữa. Tôi không chấp nhận sự biến hình phản bội đó. Em đã hủy hoại ảo tưởng trong hồn tôi nâng niu để trở thành kẻ khác. Em trở lại là em những ngày tháng cũ trước ngày em đến đời tôi. Em như cuộc đời đích thực tôi vừa thoáng thấy, hiện rõ dưới vầng ánh sáng trần trụi của khác giây khám phá và bỗng nhiên xa lạ mất rồi. Nên tôi vẫn nhìn mà không

thấy. Vẫn tìm mà không gặp nữa. Cuộc đời đó lạ tới khuôn mặt em từ đêm ấy là tôi. Mình đã quen thuộc trong đời sống nhau những ngày xanh thắm đó. Từ đêm em đi là hết, là hết. Cuộc phân ly vĩnh viễn giữa em với tôi, giữa tôi với đời, giữa tôi và bản ngã đam mê của thú rừng thức giấc nữa.

Vòm không gian quán rượu cắt xén một góc trời trống lổc. Nhạc trầm như tiếng ru đêm. Những bóng người im lìm không thức không ngủ. Bây giờ, mình đã về rồi và bình yên. Bình yên. Trâm nghĩ và mỉm cười.

Tiếng Lam từ nơi nào xa lắm.

— Cậu sao vậy ?

— Không, không sao cả.

Không sao cả. Trâm đã buông xuôi theo tiếng gọi tâm hồn như đám thủy thủ ngày xưa theo tiếng hát mê hồn của người cá. Chỉ còn vết thương cuối cùng là trí nhớ. Đau nhức mỗi lần thấy bóng mình xưa lang thang giữa điêu tàn kỷ niệm. Đau nhức như nàng về thăm Đà-Lạt một chiều tháng năm. Khung cửa đen quán cà phê. Vòm trời xám cúi xuống hàng cây phôi cánh xương trắng. Trâm nhìn ngu ngơ kiểm tìm bốn phía. Mình với những lần tiễn nàng đi đón nàng về. Những bông hoa, nụ cười và nước mắt. Lần cuối nhìn nhau trong khung ửa nắng, giữa hương hoa rau trái vết tích xanh tươi của một Đà-Lạt hoang đường thần thoại. Chuông nhà thờ gióng giả lễ chiều. Gió lạnh trườn vào xương da. Trâm kéo cao cổ áo khoác cúi đầu đi xuống con đường dốc cũ. Mặt hồ buồn thiu nhớ nắng. Hàng thông soi mình đầy nước rũ tóc chề tang. Khúc hát xưa từ Hòa-Bình vang vọng gọi nhớ những chiều nào. T'en souviens-tu des pieds nus... c'était écrit pour la vie si belle gondolier pour lui et moi. Em và tôi. Thôi nhắc nhở làm gì. Điều đẹp nhất chỉ mình tôi biết. Không có gì thay đổi. Đèn sáng hai bên bờ phố cũ con gái và con trai. Xe và tiếng ồn. Âm thanh và bóng tối gió lạnh và tình yêu. Về đường T. bao nhiêu cô cho mười lăm đồng. Thôi đi. Trâm gọi xe mặc cả như những ngày cổ tích đó. Ngồi nhà buồn thở khói xám. Khung cửa sổ mở xuống vườn hoang. Cây hoa vàng từ ngày Minh đi gục chết. Trâm về làm người khách đi qua. Đi qua và thoáng thấy trên bức tường hoen ố nước mưa và rêu mốc, những chữ T ngoằn nghèo chẳng chịt nét than đen. Ai viết. Ai viết như em khắc tên tôi trong lò sưởi cho khói bụi phủ mờ ngày xưa đó. C'était écrit pour la vie la vie si belle lui et moi... Tất cả là âm vang là di tích là nhân chứng cho một thiên hoang đường cổ tích. Mỗi vì sao mỗi giọt sương mỗi lá cỏ mỗi bông hoa dưới vòm trời Đà-Lạt đều long lanh nhắc nhở mỗi khi về. Em đã yêu tôi. Lời chưa nói đêm nào em đã nói. Tôi nhắc một lần rồi thôi. Rồi im, rồi câm, rồi quên cho những tháng năm thừa từ đây chỉ còn là một giấc ngủ dài lạnh lẽo..

Nhạc tắt và tiếng Lam rõ hẳn :

— Đi, cậu.

Hai anh em vừa ra đến xe, Trâm quay lại :

— Một phút cậu, mua Salem.

Nàng đi ngược lại Brodard, qua phía Tự-Do tìm người mù bán thuốc. Cửa vũ trường bỗng mở nhẹ nhàng. Trâm nhìn lên. Trái đất quay một vòng trong chớp mắt im lặng. Dưới ánh đèn màu khuya muộn hắt hiu, Trâm nhận ra mái tóc bông bênh, hai con mắt thờ ơ đôi môi tròn đầy của mùa tình Đà Lạt. Trong bóng dáng tình khuya đó, Trâm thoáng thấy hình ảnh xa lạ của chính mình đập choạng lung linh. Tia nhìn bỗng lạc mất nhau. Nàng đi qua, đi qua đi qua không một bước chân dừng lại. Con đường bỗng lún xuống phía sau, Trâm nghe tiếng rơi vỡ của một tượng đen vào quá khứ, Trâm trở về xe, Lam hỏi :

— Đi đâu ?

— Xa thành phố.

Kim đồng hồ nhà bưu điện tìm nhau trên số hai. Chiếc Sport lao vút về xa lộ. Tựa đầu vào thành xe, hàng mi khép kín. Trâm thì thăm trong khoảng không đêm ời đêm ời.

HẾT

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(Nguyễn-Thị-Hoàng)



PHI-CƠ PHẤN-LỰC

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG



SAIGON-HONGKONG
SAIGON-PHNOHPENH-BANGKOK

}

3 chuyến mỗi tuần

bằng *Caravelle*

PHI-CƠ PHẤN-LỰC TRĂNG-SÉ NHẤT NHÉ-GIỎN

★ NHANH-CHỎNG
★ ÊM-ÁI
★ TIỆN-NGHI

VIỆT-NAM  HÀNG-KHÔNG

về quê nội

chuyến xe đò buổi sáng
mang tôi qua cánh đồng
lúa trao lời hy vọng
gió hiền bay tóc xanh

lối mòn xuôi xóm nhỏ
vai chèo đầy cơn vui
nội ơi trong hồn cháu
tuổi thơ chợt ngự về

buổi trưa chim cu hót
như ngày xưa trường làng
tôi đi từng bước nhẹ
lắng nghe từng dư vang

dịu dàng tay đưa nội
sốt cho nhiều mến thương
trong muối mè khoai sắn
cháu hiểu với quê hương !

buổi chiều thăm hàng xóm
sống trọn lời ca dao
mùa dăng dăng cốm mới
chảy qua lòng thơm tho

xe đò qua chuyến cuối
mang tôi xa cánh đồng
vẫy tay chào quê nội
súng phượng nào vọng âm ?

vời xa

anh trưởng thành rất sớm
nên hoài hoài khổ đau
sống chưa tròn tuổi đại
đã nghe lòng xanh xao

đôi tay hiền của mẹ
cầm thêm nỗi tải hờn
từ quê mình bới đất
từ ấy thấy người đem chôn

của cha vàng trán rộng
đã dần vết ân lo
nên chân anh bé bỏng
ra đi rất tình cò

bằng lời em dịu ngọt
anh vỗ về dòng sông
tuổi đời như bọt nước
chợt tan rã âm thầm

bằng mắt em đại khờ
đôi cánh mây chiều xa
trời xanh rồi khép lại
thôi vô vàng ngáy thơ

anh trưởng thành quá vội
mỗi ngậm ngùi dưng lên
xin một lần thơ ấu
cho một lần nguôi quên

Chân cầu thanh xuân

lớn lên hồn nhớ tiếc hoài
hàng tre đầy gió trưa ngoài bờ ao
ngõ hun-hút bóng mưa rào
chuyền thu vàng đỏ xôn-xao lá buồn
giọt cười nường-náu lòng mường
sông trôi ngày chở về buông màn sầu
tuổi-mùa-chim nhẹ bay mau
tôi không rời nổi chân cầu xuân xanh
quì dâng em chút lòng thành
nỗi yêu thương nguyện để dành nuôi
nhau

cành thơ-n gầy- dẫu thay màu
cội tôi xin được phép sầu vì em

Di cư trên sông

mẹ ngồi rầu giữa khoang ghe
cầu trời khấn Phật về che-chờ cùng
hơi đều giọt lặn không trung
bờ xa đứng vậy ngại-ngùng lệ trông
đăm chia nước xẻ đôi dòng
tay ca vốc ngọn sóng trong mạn thuyền
em lòng chị đỡ giấc yên
gió theo người chở tìm miền an vui
bèo trôi sông lặn bụi-ngùi
ôi gia-đình đó ngậm cười nuôi nhau

gốc cây núp đạn

cây chia cành bốn chân trời
nắng không ấm gốc thôi ngồi đây con
thân kia hãy nép vào hồn
còn hơi mẹ nguyện mãi còn van xin
tóc tơ uon nót tuổi thìn
đạn vui lòng trúng riêng mình tôi thôi
máy bay cánh lệch ôi rồi
lừa vẫy chợ mới lưng đồi Tiên-châu
con trong tay lạc giọng cầu
phút nguy-biến đó chắc sầu ngủ quên?

LUÂN-HOÀN

(trích Trôi sông)

Quê hương mình đó

tôi ngồi trên bờ cỏ
nhìn cánh đồng tháng ba
ôi, quê hương mình đó :
mồ-hôi của người cha !

tôi ngồi trên bờ cỏ
nhìn cánh đồng bao-la
ôi, quê hương mình đó :
nước mắt của mẹ già !

tôi ngồi trên bờ cỏ
nhìn cánh đồng lúa xanh
ôi, quê hương mình đó :
giọt máu của người anh !

tôi ngồi trên bờ cỏ
nhìn cánh đồng tháng giêng
ôi, quê hương mình đó :
bàn tay của chị hiền !

ôi, quê hương mình đó :
những nước mắt, mồ-hôi,
những bàn tay, giọt máu,
đã đổ từ bao đời !

●

tôi ngồi trên bờ cỏ
nghe súng rền xa xa
ôi, quê hương mình đó :
chinh-chiến vẫn chưa qua !

● ●

bỗng nghe chua-xót lạ
ôi nước mắt mẹ cha,
ôi máu xương bè bạn,
còn đổ đến bao giờ ?

● ● ●

ôi, quê hương quê hương !...

ĐÌNH-TRẦN-CA

vết
buồn
thời
đại

tôi băng khuáng bước xa vùng tuổi nhỏ
nghe sau lưng bão dậy ý hoang đường
loài cây cổ lạng yên chờ đợi gió
tôi nghe buồn giữa muôn ngả tình thương
khi nhìn lại thấy nửa vành trăng khuyết
trên trời cao đọng lại những mây mờ
tôi hoang mang với tình yêu khôn lớn
nghĩ lại mình — vốn liếng : những bài thơ !
con chim nhỏ bỗng về đây ca hát
lời nghe hay nhưng ý chẳng ngọt ngào
giữa muôn trùng âm vang đầy chua xót
tôi nhìn đời với tâm trí xôn-xao...
giữa thời-đại mùa xuân lên tiếng khóc
trong cuồng say vũ trụ mất linh hồn
tôi mê-hoảng với mọi người mệt nhọc
gọi tình thương qua hơi thở dập-dồn
và hôm nay lại đến ngày sinh nhật
chẳng biết nên vui hay nên buồn ?
đôi mắt nhỏ nhìn không ra sự thật
trên hình hài đầy chứng tích phong sương.
còn gì nữa hay chỉ lời thương tiếc
hồn rưng rưng trong tâm tưởng đại khờ
rừng xanh đó một chiều trơ trụi hết
tôi ngại ngừng cất tiếng hát vu-vơ...
người yêu ơi vàng son hay sỏi đá ?
quê hương ơi tủi nhục hay vinh quang ?
tôi ôm buồn cho đến ngày nhắm mắt
xin mang theo làm kỷ niệm ở Thiên-đàng !

NGUYỄN-NHO-NHƯỢNG

(Những khúc ca hoang)

GIẤC NGỦ CỦA NÀNG

(.....)

« Em muốn được sống trong một ngôi nhà có nóc, anh hiểu là em muốn gì không? Em biết là anh chẳng cần gì, anh phóng thả đời sống mình, sẵn sàng đùa giỡn với mọi thứ, và lần lượt tan nát hết... » Có phải em đã nói như vậy không? Anh còn có thể thay em nói nhiều nữa, chẳng hạn như là sự vô trách nhiệm của anh bây giờ đây, những ngày đã qua, cả những ngày đang tới nữa. Thứ phung phá mà anh dẫn thân vào như một căn bệnh kéo níu anh, dằng xé, thôi thúc, như là vẻ dịu dàng của đêm tối, sức quyến rũ của một chiều sâu thăm thẳm mịt mù, mà trong đó anh không gượng nổi. « Tan nát hết » có phải em đang hình dung cái hố phân cách giữa anh và em đào bởi bằng hai mươi mấy năm lâu lờng, cái bờ vực ngăn chia anh bên ngoài đời sống, đời sống định nghĩa như là êm ấm, nằm trong một mỹ từ pháp gọi là hạnh phúc. Hạnh phúc. Một đôi khi tôi cũng nghĩ đến nó trong đêm như những chiếc bóng.

Tôi bật một que diêm, đốt một điếu thuốc. Tiếng nói len lỏi đâu đó, trên vách, gầm bàn, góc tủ, đâu đó trong bóng tối khắp nơi, đâu đó trong đầu tôi, mồn mõi như giọt tranh nhỏ xuống tích tách. Tôi mặc vội quần áo, quơ chân tìm đôi giày. Một chiếc tất còn lại trong đó, chiếc kia đã lâu tôi mang lau bút, bây giờ còn nằm chết trong sơn cứng và bụi. Tôi mang giày trần lâu cũng quen vài chỗ da chân rần lại khô khốc. Tôi mở toang hai cánh cửa, trời nhờ sáng trên cao, những bóng cây trước mặt còn đen đặc. Tôi đứng ở ngưỡng cửa nhìn thấy những thứ còn lại trong đó nhờ nhoẹt như trong vùng sương mù. Tôi soát lại một lần; mình còn quên gì không? Tôi

móc túi : Một thẻ trưng binh, một thẻ căn cước, bọc nhựa, một bức thư nhàu nát của Miêng, hai điều thuốc lẻ, năm đồng bạc còn lại trong sổ của Miêng cho hôm trước. Tôi nhớ còn hộp diêm và ba đồng bạc kền phía sau chiếc giá vẽ. Tôi lấy hết những thứ đó, đóng cửa rồi bỏ lại căn nhà phía sau, tôi ra phố. Tôi đi theo con đường nhỏ xôn xao những đá cuội, hai bên là những căn nhà mái thấp cửa đóng yên tĩnh.

Dạo trước tôi vẫn có thói quen vẽ qua đêm, và mờ sáng lại mò ra một quán tàu trong khu bến xe nhấm nháp chút cà phê vào cái lúc trời còn giữ một chút ẩm ướt lạnh mát thật dễ chịu. Khoảng đó chúng tôi bốn đứa chung một căn gác gỗ nhỏ trong khu xóm trước nhà thương thuốc chó. Mỗi đứa mỗi tháng góp một trăm tiền nhà để được lăn lộn trên chiếc sàn ván mốc xỉn. Mỗi đứa đã nhìn thấy nhau mặt mũi há hốc, và dải rớt hoen dài bên má. Mỗi đứa đã nghe thấy tiếng sục sạo và tiếng thở của mấy con lợn ngay dưới chân mình ở căn trệt chỗ gần bếp. Mỗi đứa đã ngủi thấy, hằng bữa, mùi phân lợn chua lè, và mỗi sáng ẩm ướt hết quần áo. Chung ơi bây giờ mày đang làm gì bên đó ? Những đứa còn lại — thằng Khắc, thằng Lâm — họa hoằn lắm tao mới gặp ; xa cách, nhạt nhẽo. Rất lâu sau này tao quên mất thói quen ngồi quán tàu như ngày xưa; một mình tao thì ngủ cho qua đêm, cho qua đêm và nếu cần cho qua ngày nữa ! gày thằng Chung bỏ đi mỗi đứa chia nhau một chút gia tài của nó, tôi vác chiếc giá vẽ về nhà bỏ chết một xó ; tôi bây giờ ngại cầm đến sơn cọ. Về những ngày trước nhìn lại cho tôi thấy tôi xứng xinh trong nhiều vai trò thật lố bịch. Tôi đứng lại và nhìn ngó mình. Chung, mày cũng đã dừng lại và nhìn thấy mày phải không ? Thằng Khắc thằng Lâm chắc cũng đã nhìn thấy nó. Chúng ta nhìn thấy mình, chúng ta nhìn thấy nhau, và đều đã bỏ đi, đều đã bỏ đi hết !

Con đường trước mặt đã xôn xao tiếng người, xa một chút, ánh đèn khu bến xe làm ấm một khoảng phố. Một chiếc xích lô dừng lại chờ đợi, tôi chỉ tay về phía trước mặt cười và đi thẳng. Tiếng bánh xe lăn trên đường xa đi, nhỏ nhoi đằng sau tôi. Trên vỉa hè dưới mái hiên, những người nằm ngủ chân thò ra khỏi chiếc khăn dạ, mặt trốn trong hai tay, như những vết bóng tối hoen ố. Vài người đã thức dậy ngồi xồm hút thuốc. Lửa thuốc cháy trên những khuôn mặt yên tĩnh xa thẳm. Một người đàn bà ôm con trong lòng đầu quẩn trong chiếc khăn vuông trắng. Đứa bé im thiếp, lặng ngắt như một giẻ rách. Một chiếc xe rác lăn chậm rãi. Người tài xế ngoái cổ nhìn hai người phu đang ném cho nhau từng chiếc thùng sắt tây. Người phu đứng trên xe, chân ngập trong rác, hần ném những thùng rỗng xuống đường, động tác vừa vặn, chừng mực, nghe được tiếng thùng sắt tây vang trên đường và đi xa.

Một chút đắng ở cổ và trong miệng nhạt nhẽo, tôi vắt màu thuốc xuống đường. Tàn lửa lăn vài vòng rồi nằm im như một con mắt nhỏ. Hãy nằm đó hóa thân thành tro, và bay đi với gió ! Đời sống cũng giống như màu thuốc ; bao nhiêu nung nấu để rạng rỡ một khuôn mặt rồi tàn lụi đi. Vậy mà một màu thuốc không lửa thì cũng lại chẳng ra nghĩa lý gì. Có trời mà biết !

Tôi kéo cao cổ áo bước nhanh vào khu bến xe, Tôi muốn có ánh đèn, thật nhiều ánh đèn, tiếng xe cộ rộn ràng, tiếng kêu gọi, chen lấn, tiếng rao hàng. Tôi muốn sống một chút cái không khí hối hả, gấp rút, và những đời mới sau đó ; một chút trời trắng sương phủ đầy của một miền đất lạ, mà trong đó bỗng được nhắc nhở tới, bỗng được đánh thức dậy, và mới tươi.

Tôi bước vào quán, tìm một chỗ khuất ngồi xuống. Vẫn là người Tàu già đứng bên quầy hàng, màu gỗ cũ và bóng tối trong mắt chú thật buồn bã. Chú đi về phía tôi giọng đẹp vài thứ. Chiếc khăn vắt trên vai lau một khoảng trên mặt bàn, rồi chú đứng chờ. Tôi nói :

— Một cốc cà phê đen có bơ.

Chú lập lại to hơn rồi bỏ đi.

Bên ngoài người đông xôn xao dưới ánh đèn. Những chiếc xe hàng đậu một dọc, đèn thấp sáng trong khoang, và những người ngồi trong đó, bán thân, như một thứ đồ chơi của trẻ con — Mỗi người sống là nhìn ngó mặt mày mình và làm đẹp cho nó, có phải không ? Tôi cũng làm đẹp cho tôi, nhưng đám đông thường khi đã làm nhòe nhạt hết, y như là đêm tối ! — Một chú bé bán báo đi từng bàn mời mọc : « Báo đây : Qui-Nhơn ba người chết. Dân sự chiến đấu chiếm đài phát thanh Ban-Mê-Thuật ! Báo đây ! » Tôi đưa tay nhận cốc cà phê người Tàu già mang lại, quấy đều đặn. Đâu đó có tiếng, churôi rủa, văng tục. Người đàn bà ngồi trước mặt tôi nhò một búng nước bọt xuống gặm bàn, mụ quẹt mép, đưa một chân lên mặt ghế, ngồi xía răng.

Bơ tan trong màu cà phê óng ánh. Tôi uống từng ngụm nhỏ, thật nhỏ, và lắng nghe một chút ấm len lõi, lan man trong cơ thể. Tôi nghĩ nếu có thằng Lâm ở đây chắc nó sẽ ngồi trên chiếc ghế trước mặt tôi đây này, tóc nó dày như đàn bà chắc sẽ chảy xuống trán, nó uống cà phê đen với nhạt nhiều bơ và hút thuốc khói um thật dày. Tôi nhớ khuôn mặt nó trong một quyển sách nói về mỹ thuật có tóc giống con gái, làm nó nổi điên churôi rủa đủ thứ. Nó yêu một đứa con gái người Pháp, ngày triển lãm đầu của nó, hai đứa cầm tay nhau rong phố thật hạnh phúc. Nó nghĩ nó đi Pháp, học thêm, cả năng nữa, rồi hai đứa lấy nhau bên đó. Đứa con gái cũng học trường Mỹ

Thuật, nó nói, nó sẽ vẽ thật nhiều đề triển lãm ở bên đó với nàng. Và một ngày nào đó, biết đâu, người ta sẽ mang tranh nó treo trong bảo tàng viện Rouen, nơi ở đó nàng sinh ra và lớn lên, nơi có lộng lẫy bất tử là những nhà thờ trong tranh Monet, với sương mù và nắng. Đứa con gái có mắt xanh tóc vàng đã trở về Miền Rouen? Có lẽ thế. Những tháng Lâm thì chẳng đi đâu hết. Lâu lâu có thư đứa con gái viết : « Nhớ anh vô cùng » Thắng Lâm đọc và mua thuốc lè về nhà hút. Tình yêu cũng cà phê chẳng hạn cũng giống nhau phải không thắng Lâm? Nó làm ấm một chút khi trời lạnh! Còn thắng Khắc? Một vợ, hai con rồi! Chắc nó không còn nổi đèn khuya leo lên xích lô cho chạy đầy thành phố. Hồi ấy nó thường rủ tôi dong chơi kiểu đó. Bây giờ nó bỏ dạy học, về nhà lái xe đi bán than. Hôm gặp nhau nó lôi tôi lên Thủ-Đức, Trời khuya, chúng tôi ngồi trên bãi cỏ xa lộ nhìn những đứa trẻ con bắt cà cuống trên đường như một đoàn rước đèn. Chúng chia nhiều ngả đứng áng ngữ, tay cầm vợt cao có lưới tròn phía trên. Những con cà cuống màu sơn mài có cánh dài chấp chới mê ánh sáng đèn bay tới, và vô lưới, và chết. Thắng Khắc nói : « Mỗi đêm vài trăm mạng. Các chú ba Tàu mua về rút dầu đốt cho các ông trong thành phố nhậu nhẹt. Mấy thấy, người ta tận dụng hết mọi thứ, không có bỏ sót một cục cứt để được cõm vào miệng. Lũ nó thì chuyên rút đốt cà cuống, còn tao thì bán than. Vậy mà sướng ; không có ngày, không có giờ, bõc đồng muốn đi thì đi rồi cũng có tiền lai rai nhậu nhẹt nữa, thế cũng hào hoa »

Còn ai đấy không? Không, không còn ai nữa đâu! Tôi biết chắc dầu có hết cả những bộ mặt ngày xưa trở lại, ngồi xuống chiếc ghế đó quanh bàn này đây, tôi cũng vẫn một mình! Miêng ơi! Anh biết chắc là anh vẫn một mình; lâu lắm những khuôn mặt bè bạn cũng lem luốc cũng nhòa nhạt như đám đông ngoài kia. Có phải mỗi máy mặt là của một giai đoạn sống? Anh thuộc giai đoạn sống nào của đời em hả Miêng? Anh yêu Miêng, anh yêu Miêng, yêu Miêng! Được, anh sẽ nói một trăm lần nếu em muốn, một ngàn lần nếu em muốn. Nhưng tình yêu thật sự là gì?

Ngày ba tôi mất đi, mộ mới trên khu đất đỏ, bàn thờ lập giữa nhà, hoa thật nhiều trong những chiếc bình sứ, đầu đó đôi mắt ba tôi còn nhìn lại. Buổi chiều chúng tôi đi thăm mộ; Thanh, Long, Miêng, và tôi. Hôm đó Miêng mặc áo tím, thắt khăn voan trắng trên tóc. Người gác nghĩa trang đã khóa cổng trở về, tôi đỡ Miêng băng qua

những hàng kẽm gai vào trong. Miêng bỏ guốc, chân không dẫm trên vùng cỏ xanh. Tôi nhớ một chút nắng sót rớt trên tóc Miêng lúc đó.

Miêng, em đã hỏi anh vì sao yêu em ? Đề anh nói một lần cho em nghe.

Thằng Long nhóm lửa, em và Thanh lo che gió đột hương cắm lên mộ. Buổi chiều gió nổi đầy trên nghĩa trang. Em đứng trước mộ ba, phía sau anh nhìn thấy màu khăn trắng trên tóc em, trên trời đỏ rất xa về phía phi trường. «Miêng xin ba cho chúng mình lấy nhau» Về sau này em đã nói với anh, em còn nhớ không ?

Miêng, em mãi hỏi anh vì sao yêu em ? Đề anh nói một lần cho em nghe ;

Hai mươi mấy năm ba đã hiện diện trong đời sống anh. Anh còn gặp lại ba, bây giờ, mai sau nữa, trên mọi nẻo đường anh đi qua trong không khí anh thở, một góc nhà, trên chiếc ghế, anh gặp lại ba ngay trên thân thể anh. Ở khắp mọi nơi đôi mắt ba còn nhìn lại ; anh chắc là ba đã nhìn thấy em !

Ba tôi sinh ra và lớn lên trong sung túc ; nhà giàu với vườn ruộng nhà cửa to lớn. Mười tám tuổi ba tôi cưới vợ ; bà cố tôi so tuổi cho người cháu duy nhất của bà, dạm hỏi, cưới xin và hạnh phúc. Tôi sinh ra, lớn lên với năng nịu chịu chuộng đủ thứ. Và như vậy cho đến khi tôi lên sáu.

Thành phố này thì nhỏ, trên một vùng đồng bèo, nơi buôn hàng năm của những người Tàu. Một con sông đào phía sau cho ghe thuyền đến cát hàng. Có một nhà đèn nhỏ về mãi phía trên thành phố, trên con lộ về tỉnh. Mẹ tôi bỏ thành phố đi chữa bệnh mãi ngoài Huế. Hai năm sau tôi cũng bỏ đi cùng cả nhà ; mẹ tôi cần gia đình ở gần để săn sóc. Đó là sau những ngày sôi nổi quật khởi và đẫm máu. Đó là những ngày mà đứa trẻ con là tôi tay khư khư chiếc gậy tre giả súng, tập một hai ngoài đường phố. Đó là lần đầu tiên đứa trẻ con đã nhìn thấy người ta giết người ngoài sân vận động. Những ngày sau còn lại một vũng máu thâm tím trên cát, còn lại một chiếc cọc tre trơ vơ giữa sân, còn lại một đôi guốc gỗ.

Chúng tôi dùng xe lửa, đêm đi ngang đèo trời lạnh và gió rào rạt. Mây thật trắng dưới thung lũng màu sữa. Tất cả những đổi mới theo cuộc hành trình đều dịu dàng sau đó. Ba tôi thuê nhà trong một khu gia cư người Pháp để lại, ở cuối con đường Nguyễn-Văn-Nhung bên kia nhà Canh Nông Ngân Hàng lúc đó dùng làm doanh trại của quân đội Tàu, phía sau là cánh đồng và những làng xa xanh lơ. Ở đó bây giờ còn lại trong tôi là hình ảnh những con đĩa lớn bằng hai ngón tay, da đen xạm, nằm chết trong từng vũng máu lem luốt hai

bên đường, những người lính chẵn ngựa mặt vàng bủng, buổi chiều lóc cóc trở về từ phía cánh đồng, và những xác chết trần trụi bị lôi ra ngoài bãi hoang.

Yên, yên nào ! đề anh kể cho mà nghe ! Em còn quá nhỏ, anh biết, khi đó em còn chưa sinh ra.

Một năm sau ba tôi mua nhà ở đường Hàng Bè, ngay tòa soạn Tiếng Dân cũ. Nhà một tầng lầu, vừa vặn cho một gia đình đông con, nhia ra một con sông rộng nước đục vàng đầy những bè lơ ô hai bên bờ. Ghe thuyền trong những bến ở đây cất hàng đủ thứ, nhiều nhất là gạo. Ở đây cũng nuôi sống chán vạn những đứa ăn cắp, mà tôi thấy hằng bữa từ cửa sổ trên gác. Chúng đều là trẻ con ; mười ; mười lăm tuổi. Chúng có những chiếc túi vải may liền với một ống bằng thiết vạt nhọn. Cách chúng len lén bầu vào một xe gạo lơ dềnh cũng giống y như những con đĩa.

Ngày đó tôi có hai công việc : áp mặt vào song sắt cửa sổ trên gác coi bọn trẻ ăn cắp, và bắt chước những đứa trẻ khác đội ca lô, mặc áo trắng, quần trắng có nhiều tua đỏ ở thắt lưng diễn hành ngoài đường phò. Tôi không có quần, không có áo, không có mũ như thế. Tôi thật ao ước được như những đứa trẻ đó tươi đẹp ngoài phố.

Me tôi không được khỏe, bà cố tôi đã già, ba tôi phải coi sóc mọi chuyện ; và như vậy những ước mơ trẻ nhỏ bị bỏ quên mất tăm ! Mùa hè có những chiếc thuyền mũi cao và thoáng của những người nghỉ mát ; bà cố tôi cũng có một chiếc. Đêm chèo về mạn Bến Ngự neo giữa sông cùng với hàng trăm thuyền đậu san sát, ánh đèn nhỏ trong từng khoang thuyền ấm như một vùng sao bình bông. Không ai nuông tôi bằng bà cố tôi ; sông nước mênh mông bà không muốn cho tôi ở dưới thuyền, nhưng tôi đòi mãi bà cũng chiều tôi, và lại bà cũng muốn có bà có cháu. Tôi thích ở dưới đó để đêm đêm ngồi chờ từng chiếc thuyền lá nhỏ lướt dễ thương, và một vùng xanh biếc hay đỏ ngọc của ánh đèn chiếu xuống nước di động. Người ta bán đủ thức ăn ở đó, và tôi vui bà tôi. Tôi còn theo bà lên điện Hòn-Chén xem người ta lên đồng trên mặt sông, trong những chiếc thủy tạ trang trí như từng chiếc đèn nổi đầy ánh sáng, để nhìn mặt sông trong suốt và tung bưng. Nhưng trên tất cả những điều đó, đầu óc tôi vẫn còn nghĩ về bộ đồng phục trắng và những tua đỏ ở thắt lưng, còn nghĩ về chiếc ca lô đội lệch một bên đầu. Hết cả những mơ ước đó vẫn thôi thúc tha thiết.

Miêng ! Mỗi người sống đều mang một nỗi xấu hổ thầm kín trong lòng mình, không bao giờ quên ! Nó ấm i, nung nấu một ngọn lửa.

Một lần tôi ăn cắp tiền của bà tôi, bỏ thuyền lên chợ Đông Ba may một mũ ca lô về đội. Tôi ngấm mình hoài, và thật bằng

lòng. Tôi đi phố ca hát, mặt ngó thẳng, chân bước đều hùng dũng. Không đủ tiền cho một bộ đồng phục, tôi thế nó bằng một thanh gươm gỗ. Tôi đi cho hết buổi sáng mới trở về. Em đứng cười anh Miêng, ba đánh năm roi, hôm sau còn rát và xót. Rồi cũng qua đi lần roi biến hết, lặn mất. Nhưng bao nhiêu năm sau, mỗi lần nhớ tới, anh thấy đau hơn bao nhiêu vết roi nằm trên thân thể anh ngày xưa ; khi anh một mình trở lại thành phố của miền đồng bèo là quê anh, rồi chiến tranh, đường đứt, anh về ở với gia-đình người cô, với bà nội anh, nhưng không còn ai nuông anh như ngày xưa, và như vậy chiến tranh kéo đi bao nhiêu ngày tháng, kéo đi bao nhiêu năm, em đã biết ! Những ngày tản cư hết nơi này đến nơi khác, những ngày trốn chui trốn nhủi lấm lem trong bùn đất, đạn xéo trên đầu từ những chiếc máy bay lộng lộn, và khói trên những nóc tranh, những ngày Tết nằm một mình giữa bốn bức vách đất cùng với gió sông thật buồn bã, khi tất cả những ngày đó đi qua đề anh lớn lên !

Miêng ! Em phải biết, mỗi người sống chôn dấu bao nhiêu đau đớn trong lòng mình không thể nào quên, không thể nào chuộc lại được !

Khi anh trở lại thì cố không còn nữa. Bà nằm trên triền núi Ngự, đầu hướng về núi, chân về biển, không còn bao giờ biết tôi đã trở về, không còn có thể nghe tôi nói, như ngày xưa !

Khi nghèo đường, ba tôi bán căn nhà cũ làm vốn đi buôn và nuôi con. Ông từ chối nhiều mối lãnh thầu rất lời cho quân đội Pháp. Tôi còn nhớ lời ba tôi : « Mình đã không làm được gì có lợi cho tổ quốc, thì cũng đừng làm điều gì có hại cho tổ quốc ».

Miêng ! Em đã hỏi anh vì sao yêu em ? Cả một quá khứ hai mươi mấy năm từng giờ từng phút, xúc động trong lòng anh với đôi mắt ba còn nhìn lại đâu đó, mà anh cảm thấy thật gần gũi, như là hơi thở. Ba đã nhìn thấy Miêng. Ba nói : « Ba bằng lòng cho các con cưới nhau » Em có nghe không ?

Tôi bỏ quán. Trời bắt đầu sáng bên ngoài, những chiếc xe đang rời bến. Tôi vào hàng thuốc là mua mấy điếu Ruby. Tôi đốt thuốc nuốt khói đầy ngực, rồi đi về một con phố nhỏ, hai bên là những hàng cây yên tĩnh. Có tiếng súng lớn bắn ầm ầm đâu đó. Về phía xa một gác chuông nhà vươn lên cao, nền trời bắt đầu xanh hơn. Dưới đó, dưới bóng những hàng cây, dưới bóng những căn nhà ngói đỏ, có Miêng .

Em có nghe thấy không ? Giờ này em còn đang ngủ, em không nghe thấy đâu !

Tôi thường có những giấc mơ đưa tôi về thành phố cũ trẻ con là tôi ngày xưa. Thành phố loang lổ nhũng với vữa, thành phố của cỏ

hoang và những cơn bão ma đến từ ruộng rau muống gần đó, nằm ngủ trên những tường vôi chông chơ sót lại, sau bom đạn, sau phá hoại. Và con sông đào khô cạn lần lần, đang tự vùi lấp, đang chết. Tôi thường trở về, trong đêm, với miền đồng bằng, khi thì lạnh ngắt và sông nước hàng tháng không nhìn thấy mặt trời, khi thì trắng xóa với nắng thiêu đốt. Có một làng nhỏ, có một ngôi nhà tranh tường đất, có tôi ở trong đó, tôi vác rơm ra đồng chân đạp trên mặt ruộng nứt nẻ. Tiếng hú hét, kêu la, tiếng chiêng mõ của dân làng vang khắp cánh đồng, đi xa hồi hồi với gió nồm. Đó là những năm súng bom đạn lửa, nhà cháy người chết đó là năm hạn hán mùa mất. Hết cả những tiếng kêu la cầu đảo đó thấm tận trong lòng tôi sâu thẳm, hoảng hốt.

Em có nghe thấy không ? Giờ này em đang ngủ, em không nghe thấy đâu ! Có phải giấc mơ gồm những điều không thật ?

Trời bắt đầu sáng, trời đã sáng rồi. Đáng lẽ anh đã có thể nhìn thấy mắt em, nhìn thấy mặt em. Đáng lẽ chúng ta có thể nhìn rõ mặt nhau, nhưng bóng tối vẫn còn đâu đó. Miêng, đêm không hết sao em, không bao giờ hết sao em ? Chúng ta hẹn nhau, gặp nhau, hôn nhau, nghe ở má ở môi nóng từng hơi thở, ấm từng mặt người, không nhìn thấy nhau sao Miêng ? Mỗi người đều mong mình được nhìn thấy, không phải như một đám đông lem luốc nhòe nhoẹt và giống nhau. Mỗi người đều mong mỗi, mong mỗi thiết tha, và chạy đuổi hoảng hốt, và mòn mỏi mệt mỏi, hoàn toàn mệt mỏi. Không ai nhìn thấy nhau sao em ? Trời còn chưa sáng, thật chó !

Tôi bỏ con đường với hàng cây cao, ra lộ lớn tìm xe buýt ; tôi muốn được gặp cụ Nhiên, thêm béo hai má hồng đỏ phúng phích của nó quá ! Thêm nói chuyện với nó quá ! — « Nhà tui bữa trước con mèo đẻ một đứa con bị thiệt bị dậy đá — Thằng Nhiên có đẻ không ? — Tui đâu phải con mèo ? — Chú Ngung có bà cố không ? — Không ? — Chú Ngung có chú không ? — Không ? — Có bác không ? — Không ? — Chú Ngung có cô như cô Liên của Nhiên không ? — Không ? — Có bà con không ? — Không ? — Có chị không ? — Không ? — Dốc ! Nhiên có nè ! Hôm trước chỉ cho tui cây cờ to thiệt là to ! — Chú Ngung có nhà lâu không ? — Không ? — Dốc chú Ngung có nè ! — Nhiên ơi, cháu thật dễ thương, cháu hãy bé như vậy mãi, đừng có lớn lên, đừng có biết chú đang nghĩ gì trong đầu đây. Người lớn thì đầu óc đen tối quay quắt, người lớn thì buồn bã ! Ừ chú có nhà lâu to lắm, đẹp lắm. Mai rồi thằng Nhiên cũng có nữa !

Miêng, có phải làm trẻ con sung sướng không em ? giờ này chúng trẻ con thì đang ngủ.

« Anh ngủ với Miêng, lỡ đề con thì anh nhìn nó, thế là không trốn trách nhiệm, theo anh, có phải không ? Thế những ngày trước anh đã làm gì cho nó ? « Miêng, hãy nghe anh nói đây ; anh đã kêu la cầu đảo, hàng ngàn người đã kêu la cầu đảo, nhưng trời không cho một giọt nước, đồng ruộng xanh xao từng đoàn người chết đói. Tiếng kêu la còn đâu đó trong giấc mơ, đâu đó trong bao nhiêu ngày tháng đi qua, đâu đó trong lòng anh bây giờ. Em có nghe thấy không ?

Không! Em đang ngủ, ẹm không nghe thấy đâu. Có phải giấc mơ gồm những điều không thật ?

(. . .)

NGHIÊU-ĐỀ

Hòa Đồng

tuần báo phát huy văn minh tổng hợp

Chủ nhiệm : Nguyễn-Lương-Hưng — Thư kí tòa soạn : Nguyễn-Ngu-Í

Tòa soạn : 382, Phan-Thanh-Giản — SAIGON

Số ra ngày 2-1-1965

Phi lộ : *Nhóm Hòa-Đồng* — Văn hồi Văn hóa : *Nguyễn-Lương-Hưng*
 Vì sao tôi phải dùng sấm kí trong việc trình bày văn nghệ và sáng tạo
 tư tưởng : *Hồ-Hữu-Tường* — Tên nước : *H.P.* — Thăng Thuộc, con
 nhà nông : *H.H.T.* — Tiểu Phi-Lạc náo Sài-Gòn : *Ý-Thừa.*

đã phát hành :

tầm tay của tuổi

thơ Song-Nguyên-Hoài-Thảo

Ngọc-Thùy-Khanh

Lê-Thị-Bích-Ngọc

và Phạm-Nguyễn-Gyêm

do THOẠI-CA xuất bản

sách dày 60 trang

Sách Mới

CHỨNG NHÂN

của Miền Trung Tranh Đấu

tác giả : *Nguyễn-Đắc-Xuân*



NHÀ XUẤT BẢN

tạp chí **NHẬN-THỨC**

180 trang

Giá 25 đ

Những sai lầm trong

truyện ngắn « Vết thương dậy thì »

Trong truyện ngắn « Vết thương dậy thì » của Túy-Hồng đăng trên Bách-Khoa số 188, ở phần đàm luận của các nhân-vật, trên trang 75, nói đến những cuộc hôn-nhân của các bà công chúa hồi xưa, tác giả có nhắc tới trường hợp bà Mai-Am với phò-mã Thân-Trọng-Di. Đoạn trên đây đã có những sai lầm quan trọng :

— Ông Thân-Trọng-Di không phải lấy bà Mai-Am mà kết duyên cùng bà Lại-Đức công chúa.

— Ông Thân-Trọng-Di không phải ra đi vì chuyện gia-đình mà thoát ly gia đình để theo vua Hàm-Nghi chống Pháp.

Do đó đoạn nói về ông Thân-Trọng-Di đã làm các vị trong tộc phái Thân-Trọng phật ý và gửi một bài trần tình về tòa-soạn. Đồng thời, chính tác giả truyện ngắn nói trên nhận thấy những sai lầm mà mình đã vô tình viết ra, nên cũng có thư về xin đính chính. Bài trần tình và thư đính chính đều nhắc lại thân thế vị phò mã trên đây và trường hợp ra đi của ông mà chúng tôi xin trích đăng sau đây những đoạn chính để công hiến bạn đọc một sử liệu mà nhiều người có thể chưa biết tới :

« Ông là con Ông Hiệp-Trấn Thân-vưu-Duy tự là Như-phù, đường bá của Thân phục-nhơn ta, cưới bà Lại-Đức Công Chúa. Chúa thì có tiếng làm thơ mà ông không ưa từ-chương thực-thà như ông lão nhà quê. Đức Hàm-Nghi chạy được 3 ngày thì ta cùng anh Xuân Giang Hoàng Trung Túc ra Quảng-Trị dò la tin tức... Đến Quảng Trị thì Tôn-Thất-Thuyết đã đem vua lên thượng-du Cam-Lộ. Nghe ngày mai có quân Pháp đi tàn thủy dò sông Vĩnh-Định ra chặn đường. Tình Thành động nên hai anh em đi về. Tới trên đường quan trạm Diên-sinh trời đã đứng bóng thì thấy một lão tay cầm gậy tre, mình mặc áo dài đầu đội nón sơn vai có mang một cái vuốt tượng cùng vài ba người đàn-bà đi đường vừa đi vừa nói chuyện. Ta nhận rõ ra ông Phò liền ra đón hỏi. Thưa Bác, Bác đi đâu mà trưa nắng vậy? Mời Bác vào quán nghỉ một chút Ông bèn cáo-từ mấy người đi đường mà vào. Ngồi xong, Ông hỏi : « Hai anh đi

đâu ?» Ta thưa «Nghe vua đi ra dừng lại Quảng-Trị, chúng tôi ra nghe tin-
tức thì Ông Tướng đã đem Ngài lên Thượng-Du rồi». Ông nói : «Hai anh làm
để tôi nói cho hai anh biết. Hai anh đương còn trẻ tuổi chưa mang ơn nước,
ở nhà lại có mẹ già, người ta lập thân duy trung với hiếu không được hết
đạo làm tôi thì nên hết đạo làm con. Nhà ta mấy đời mang ơn nước, không
phải như các anh. Nay vua ra đi mà không có một ai đi theo thì lấy gì mà đối
với thiên-hạ. Ta là gia trưởng tuổi đã 56 rồi không còn ước mong gì, sở dĩ
trì hội đến nay là vì có hai con đại lo gởi cho bà ngoại nuôi-nấng sau lớn khôn
cho ở tở với người để nấp thân-thể là đủ. Ta không còn mong chi nữa. Vậy nên
ta đi. Ta nói : Vua đã lên Thượng-Du rồi sợ lên không kịp. Ông nói : Thân già
há còn bôn-tẩu được sao ? Sự thế ngày nay há có thể hiệu-triệu trung nghĩa
mưu khôi phục được sao ? Còn lại 13 tỉnh há có thể lấy lại một thành, một
tỉnh mà phụng-sự xã tắc sao ? Há có thể bôn ba lưu li hô hào thương quốc (Tàu)
để mưu cứu-viện sao ? Ta cứ đi, từ từ ta đi, để cho khôi phụ lương-tâm ta tìm được
một cái chết là đủ Hai anh em hãy lui về, chớ có nghĩ sai lầm. Rồi từ
biệt. Ta hỏi : Trong ruột tưởng đứng gì ? Thì Ông ta nói vài ba cái áo cũ.
Trong ống tre đứng gì ? Thì Ông nói muối trắng rang rồi và muối chưa rang.
Ta bèn cùng anh Trung Túc đưa ông lên đường. Đứng trong hồi lâu chừng
khi khuất nón mới lui về. Ôi !

«Khảng khái phò tử đi

«Thung dung tựu nghĩa nan» Lô Giang Tiểu-Sử, trang 45-46).

... « Ông kén bà chúa Lại-Đức được kiếm phò mã đô-úy. Năm Ất-Dậu
vua Hàm-Nghi đi tránh, ông đi theo rồi mất tích. Khi hay tin, bà Lại-Đức
khóc đến mờ mắt. Tuy là một bậc công-chúa (con vua Minh Mạng) nhưng khi về
nhà chồng bà vẫn một mực cung kính đối với gia-đình nhà chồng. Bà rất đoan chính».

(Trích trong gia phả họ Thân)

« Ông theo vua Hàm-Nghi suốt mấy năm kháng chiến chống Pháp tại vùng
Quảng-Bình, Hà-Tĩnh, sau đó bị quân Pháp giết không biết rõ ở chỗ nào. Về
cái chết của Ông có người cho biết rằng Ông mất tại dưới một gốc cây đại-thọ (vào
ngày 6 tháng 6 âm-lịch)

«Đại thọ hữu tâm mai tuấn kiệt

Trung châu vô địa táng anh hùng»

(Trích cuốn Lô-Giang tiểu sử
của Tiểu Cao Nguyễn-Văn-Mại)

Trân trọng cáo lỗi cùng quý vị trong tộc phái Thân-trọng vì sự
vô tình và vô ý của tác giả và tòa soạn nên đã có những sai lầm mà
chúng tôi đã đăng lại các sử liệu trên đây để đính chính lại.

Tòa soạn Bách-Khoa

SINH HOẠT

Chiếu đạo luật ngày 4-2-1961, phiên tòa họp ngày 13-3-1964 tại số 22 Fontanka, ở Léninrad (Nga-Sô), tuyên xử can phạm Yosip Brodski một cái án 5 năm khổ sai và lưu đầy đến một miền xa.

Báo *Le Figaro littéraire* thuật lại vụ án ấy, nhận xét rằng nó có thể sánh với « vụ án » của Kafka, vì... phi lý.

Chỉ có chỗ này là khác nhau : của Kafka là một truyện tưởng tượng kỳ quặc hơn nội thứ truyện tưởng tượng ; còn của Y. Brodski là một vụ án thực, được ghi bằng tốc ký từng câu đối thoại của quan tòa, của trạng sư, của bị can của nhân chứng v.v..., được công bố lần đầu trên tạp chí Kuluora, cơ quan ngôn luận của giới trí thức Ba-Lan, một xứ Cộng-Sản.

Yosip Brodski là một thi sĩ, bị truy tố về tội sản xuất ít.

Vụ án Yosip Brodski nhà thơ làm việc quá ít

Trước tiên hãy nêu lên vấn đề nghề nghiệp thi sĩ.

Chánh án, bà Saveleva, hỏi :

— Nói chung chung, anh chuyên môn về nghề gì ?

Brodski đáp :

— Tôi là thi sĩ, làm thơ và dịch thơ.

— Ai công nhận anh là thi sĩ ?
Ai cho anh vào hàng ngũ thi sĩ ?

— Không có ai hết. Và lại ai cho tôi vào hàng ngũ loài người ?

— Anh có học về nghề ấy không ?

— Nghề gì ?

— Nghề thi sĩ. Anh có học ở trong trường, được chỉ vẽ... được dạy...

— Tôi không tin là người ta có dạy cái đó.

— Thế thì làm sao ?

— Tôi tưởng cái ấy... (bối rối) là do nơi trời cho... »

Sau khi hạch hỏi về nghề nghiệp xong, tòa có hỏi bị can :

« — Anh có thỉnh nguyện gì trình tòa chăng ?

— Tôi mong muốn được biết tại sao bị bắt.

— Đó là một câu hỏi, không phải là một thỉnh nguyện.

— Như vậy thì tôi không có thỉnh nguyện gì.

Chúng ta hãy đi vào nội dung vụ án, cái mà Brodski « mong muốn được biết ».

Thực ra, tòa truy tố Brodski về tội làm việc ít, tội ăn không ngồi rồi. Bằng chứng ? Bằng chứng là ông này kiếm ra không được bao nhiêu tiền lương, là ông ta thường hay thay đổi sở lầu hơn những công nhân khác.

Lương bổng ít ỏi không đủ nuôi sống chứng tỏ là làm việc không ra gì. Đó là một bằng chứng quan trọng. Tòa hỏi :

— Anh có một nghề nghiệp chắc chắn không ?

Trả lời :

— Thiết tưởng đó là một nghề chắc chắn.

— Trả lời cho chính xác

— Tôi làm thơ. Tôi tưởng người ta sẽ in thơ tôi. Tôi thiết nghĩ...

— Tòa không cần biết anh nghĩ gì. Anh hãy trả lời tại sao anh không làm việc.

— Tôi có làm việc. Tôi làm thơ.

— Tòa không cần biết chuyện ấy. Chúng tôi muốn biết là anh giao dịch với sở nào.

— Tôi có giao kèo với một nhà xuất bản.

— Anh có đủ tiền để sống không ? Hãy kể xem, giao kèo về loại gì, ngày nào, giá cả bao nhiêu ?

Bị « xoay » dữ quá, Brodski trả lời với ông biện lý Sorokine rằng mỗi ngày trung bình mình kiếm được 40 kopecks, như thế cũng đủ ăn. Ông Biện lý vặn :

— Nhưng còn mua giày, mua quần áo nữa chứ.

— Tôi có một bộ com-lê, bộ com-lê đã cũ, nhưng vẫn là một bộ com-lê, và tôi không cần gì hơn.

Cho rằng bị can biện bạch như thế chưa đủ vững, nên luật sư bênh vực cho Brodski, bà Toporova, đã xen vào trình bày cho tòa thấy rằng bị can hiện sống chung với cha mẹ già, đã về hưu, và tiền bạc do bị can kiếm được không những chỉ đủ nuôi mình mà còn đủ nuôi cả cha mẹ nữa.

Cũng đề ủng hộ Brodski, nhân chứng Grudnina (một nhà chuyên môn đã từng theo dõi các thí sĩ trẻ trong 11 năm, đã ở trong

một ủy ban chọn lựa tác phẩm các nhà văn trẻ trong 7 năm, đã từng soạn nhiều truyện tập thi ca v.v. ...) quả quyết rằng các tác phẩm của Brodski rất có giá trị và nhất là các dịch phẩm hết sức công phu, đòi hỏi rất nhiều thì giờ tra khảo. Bởi vậy nếu món hàng của Brodski sản xuất ra không đem lại cho ông ta được bao nhiêu tiền, đó không phải lỗi ở ông. Và lại, Grudnina bảo rằng chỉ kể những bài thơ nằm trong bản thảo của Brodski mà Grudnina được trông thấy tận mắt, thì theo giá thấp nhất cũng đáng 350 đồng rúp mới ! Theo nhân chứng biết thì Brodski sống rất tiện tặn, nhịn mặc nhịn chơi, suốt ngày cặm cụi ở bàn viết.

Một nhân chứng khác, ông Yefim Grigorevich Etkind, (hội viên Hiệp hội các nhà văn và giáo sư tại viện Iezzen), cũng nói về Brodski :
 ... «Tôi biết rằng tôi đã có trước mặt một người kỳ tài và — điều không kém quan trọng — một người kiên nhẫn và hăng say công việc.»
 ... «Dịch thơ là một công việc khó khăn nhất ... Dịch giả nào cũng có thể bị thất bại nhiều lần trong địa hạt ấy và phần thưởng vật chất còn phải chờ lâu. Người ta có thể dịch thơ suốt nhiều năm mà không được hưởng lấy được một đồng rúp.»

Về vấn đề lao động và lương bổng này, chúng ta nên biết qua nguyên văn mẫu đối thoại sau đây : Grudnina. Một tác giả trẻ có thể thất bại, và bị bắt buộc phải viết lại tất cả. Có một câu nói đùa bảo rằng giữa một tên ăn bám và

một thi sĩ trẻ khác nhau ở chỗ tên ăn bám thì ăn mà không làm còn thi sĩ trẻ thì làm mà không ăn.

Tòa : Đó là một câu đùa không làm cho chúng tôi cười được. Trong nước ta mỗi người được thụ hưởng tùy theo sức cố gắng. Không thể nào có chuyện làm nhiều mà hưởng ít. Trong nước ta, phần lớn lợi tức là về tay các thi gia trẻ tuổi ông lại bảo rằng họ chết đói, Tại sao ông bảo rằng các nhà thơ trẻ tuổi không có ăn ?

Grudnina : Không phải tôi nói. Tôi đã bảo đó là một câu đùa có chứa một chút xiu sự thực. Các nhà thơ trẻ tuổi được trả tiền khác nhau rất xa.

Tòa : Tốt, nhưng đó là do ở họ đấy chứ. Chúng ta không cần phải giải thích về vấn đề ấy. Được rồi, anh bảo là lời anh nói có tính cách đùa. Chúng tôi vui lòng chấp nhận lời giải thích ấy.

Quan tòa leo lên thật là tài.

Tuy nhiên tất cả những lời đối qua đáp lại ấy, những quả quyết của các chứng nhân ấy vẫn không ăn thua gì, không lay chuyển được quan niệm của tòa. Trong bản ghi tốc ký, ta nhận thấy đến gần cuối phiên tòa vẫn còn vấn đề Brodski... (Thất vọng) Làm thơ, đó là cả một công việc chứ.

Tòa : Nhưng mà lương bổng của anh không đáng kể chút nào cả, anh bảo mỗi năm anh kiếm được 2 trăm rúp rưỡi nhưng theo những tài

liệu của nhà chức trách thu thập thì chỉ có một trăm rúp thôi.

Thế là một tội rành rành, không biện bạch nổi : làm nghề thi sĩ mỗi năm chỉ kiếm ra một trăm rúp : đáng tù.

Bây giờ xin nói đến bằng chứng thứ hai, là bị can thường đổi sở làm. Từ 1956 đến nay, Brodski đã 13 lần đổi sở làm. Tại sao lại thay đổi như thế ? Việc ấy đặt ra hai vấn đề. Thứ nhất là đổi nghề luôn, người ta không học nghề thạo, và dĩ nhiên năng xuất sẽ sút kém. Một anh công nhân tên Denisov được tòa mời ra làm chứng đã nói rằng anh ta chỉ đổi sở có hai lần thôi, và quả quyết rằng đổi nghề nhanh như Brodski thì không thể nào học hỏi được kỹ thuật nghề nghiệp chuyên môn. Còn Brodski thì giải thích lý do của mình : «Tôi đổi chỗ làm bởi vì tôi muốn tìm hiểu về cuộc sống và về con người càng nhiều càng tốt». Trên quan điểm lao động tòa không chấp nhận lý do ấy.

Vấn đề thứ hai là trong khi bỏ việc này đi kiếm việc khác có những khoảng thời gian bị can nghỉ việc, lãng phí thì giờ.

Tòa hỏi :

— Brodski, anh nên nói rõ trước tòa tại sao khoảng thời gian giữa những khi thay đổi sở anh không làm việc ?

— Tôi có làm. Tôi làm thơ.

— Điều ấy không ngăn cản anh làm việc thực sự.

Báo Mới

— Bách-Khoa vừa nhận được **Hồn-Trẻ** số 1, tuần báo tạm xuất bản ngày 10 và 30 mỗi tháng, do Hội Bạn Trẻ Em chủ trương và ông Bùi-Chánh-Thời làm quản nhiệm, ông Thiên-Giang làm thư ký tòa soạn, **Hồn Trẻ** nhằm xây dựng một nền giáo dục lành mạnh, trình bày những vấn đề học đường, gia đình, tìm hướng đi cho thanh thiếu niên.

Báo đặt tại 29 Trần-quang-Khải Tân-Định Mỗi số 34đ.

Bách-Khoa trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc tuần báo Hồn Trẻ và chúc bạn đồng nghiệp đạt được nhiều kết quả.

— Nhưng tôi có làm mà. Tôi làm thơ.

Lý luận của tòa và của Brodski có phần na ná như cái lý luận bí hiểm của Trang Tử ngày xưa : làm thơ không phải là làm (cũng như ngựa trắng không phải là ngựa)

Một nhân chứng đã xen vào vấn đề rắc rối ấy. Đó là ông Admoni (giáo sư ở viện Herzen, một nhà ngữ học, cổ điển học, đồng thời là một tác giả chuyên môn về dịch thuật). Ông nói : «Đạo luật buộc tội Brodski nhằm vào những kẻ làm việc quá ít chứ không phải nhằm vào những kẻ hưởng lương ít. Người ăn

bám là những người ít làm việc. Bởi vậy truy tố Brodski là phi lý, không thể nào buộc tội ăn bám một người làm việc như Brodski; một người làm việc không ngừng, không nghỉ đến kiếm ra tiền nhiều, một người sẵn sàng chỉ cần đến mức sống tối thiểu để có thể trau dồi thêm nghệ thuật và đề sản; tạo ra những tác phẩm nghệ thuật có giá trị».

Tòa vặn :

...Anh có đọc đạo luật ngày 4 tháng 5 chưa? «Chủ nghĩa Cộng Sản chỉ xây dựng do ở sự cố gắng của hàng triệu con người»?

Trả lời : Mọi cố gắng ích lợi cho xã hội đều đáng kính trọng.

Tội nghiệp cho giáo sư Admoni, tòa không quan niệm như ông ta. Tòa chẳng những không kính trọng Brodski mà còn không kính trọng luôn cả những kẻ bệnh vực chàng thi sĩ khốn khổ này. Kết thúc phần

buộc tội của mình, ông biện lý Sorokine tuyên bố : «Bệnh vực Brodski là những quân vô lại, những tên ăn bám những đồ rận chấy, sâu bọ» (Dĩ nhiên Brodski phải tệ hơn thế nhiều).

Tòa lui vào nghị án, rồi trở ra tuyên án như chúng ta đã biết.

Brodski bị đày đi Arkhangelsk. Giới văn nghệ, trí thức Âu Mỹ (và ngay cả ở Nga) xôn xao. Nhiều người can thiệp với chánh quyền Nga-Sô để xin tự do cho Brodski. Có nhiều tin trái ngược nhau xung quanh số phận của thi sĩ.

Nhưng theo tin A.F.P. đăng ở báo Journal d' Extrême Orient số ra ngày 8-12-1964 vừa rồi thì cho đến nay Brodski vẫn còn bị án ở Arkhangelsk. Thái độ của nhà cầm quyền nước Nga chưa có gì thay đổi vì những xôn xao ấy.

TRÀNG-THIÊN

Sửa lại cho đúng

Trong bài « Một quan niệm cách mạng trong giáo giới » của G.S. Nguyễn-Gia-Tường đăng trên Bách-Khoa số 191 (ngày 15-12-64) trang 11, cột 2, hàng thứ 9 có in lầm là :

« Khuông Việt » nghĩa là « cứu chữa » nước Việt ; nay xin sửa lại cho đúng là :

« Khuông Việt » nghĩa là « cứu chữa » nước Việt »

Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và quý vị độc giả Bách-Khoa.

Bách-Khoa đã nhận được :

Lời vọng — Đêm sâu . . .
(Nguyễn-Kim-Đồng) của cô đơn
(Lan-Sơn-Đài) Đà-Nẵng — Hải
Âu... (Đoàn Minh Hải). Niềm
đau — Lời của đất (Trần Du
(Thi Thuyền) Đêm buồn mùa xuân
Phạm-Đặng-Trình) Cõi mộng
(Từ Uyên Vũ) Lời ru . . .
(Hoàng-Văn Triều-Dâng) Hiện
trạng (Nguyễn-Minh) Số (Diệm-
Đình) Phút giao niên (Hoàng-
Điệp) Đón giao thừa (Hoài Cát)
Người trai (Trần Kim Sa) Du
Ca (Vũ Thúy Thụy Ca) Thuyền
mộng (Minh viên) Trẻ thơ và
đời sống (Song Nguyễn Hoài
Thảo) Bữa cơm... (Minh Dương)
Quá khứ trong tình yêu ... (Từ
Uyên Vũ) Thơ tình thứ ba —
Tuyên ngôn thân phận 1 (Hoài
Vọng) Nỗi buồn cổ thụ (Phương-
Hồng) Mùa Xuân quê hương...
(Linh Thùy) Viên — Vùng xanh
của Lũy (Giang Châu) Phiến
khúc sáu tám (Thái-Duy-Thanh)
Mùa xuân bay cao... (Mây Trùng
Dương)



SÁCH BẢO MỚI

— Của nhà xuất bản **Đại Nam Văn Hiến** các cuốn :

● **Đàn Bà Và Tổ Quốc**
tập thơ của Thế Phong, do tác
giả gửi tặng. Sách dày 26 trang
gồm 20 bài thơ.

● **Evtouchenko nhà thơ
và cuộc đời** tự sự kể, bản

dịch của Đường - Bá - Bôn. Sách
dày 82 trang.

● **Chân Giả Luận** của
Thạch-Trung-Giả, truyện kể triết
học. Sách dày 80 trang.

● **Men rượu để** truyện dài
của Triều Đầu, tựa và bạt của
Thạch-Trung-Giả, sách dày 60
trang.

Các sách trên in ronéo, loại bản
thảo của nhà **Đại Nam Văn
Hiến**, không để giá bán,

— **Kinh tế Nhân bản** tập
1, do Trung Tâm Nghiên Cứu Xã
Hội, 86 đường Nguyễn Du ấn
hành và gửi tặng. Sách dày 58
trang, giá bán 10đ.

— **Các trào lưu tư tưởng
hiện đại** tiểu luận của Ăng-Drê-
Mô-Roa do Trạng-Thiên dịch,
Thời Mới xuất bản và gửi tặng.
Sách dày 58 trang, giá bán 20đ.

— **Những thần tượng
mới** tiểu thuyết của Nguyễn-Đức-
Nam do **Màn ảnh** xuất bản và tác
giả gửi tặng. Sách dày 370 trang.
Giá bán 72đ.

— **Lớp gió** tập truyện của Duy
Thanh do Sáng-Tạo xuất bản và tác
giả gửi tặng. Sách gồm 9 truyện
dày 168 trang do tác giả trình bày.
Bản quý không ghi giá bán.

— **Tâm trọng** tập thơ thứ 3
của Ai-PhượngLiên gồm 36 bài thơ
thi phẩm dày 100 trang in trên 2
loại giấy loại Blanc fin giá 38đ.
loại Registre 49đ.

MỤC-LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH-KHOA

(Từ số 181 đến số 192 — Từ tháng 7 đến tháng 12-1964)

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
KHẢO-LUẬN				
CHÍNH TRỊ				
1	Một giai đoạn mới trong cuộc tranh chấp Bắc-Kinh — Mạc-Tư-Khoa	Vũ-Bảo	184	63
2	Trường hợp Lô-Ma-Ni	— id —	185	31
3	Vấn đề đảo Chipre	— id —	186	37
4	Những nhận định mới về tấn công và phòng thủ trong cuộc chiến tranh nguyên tử	— id —	187	5
5	Bầu Tổng Thống Hoa-Kỳ	— id —	188	3
6	Chính biến ở Liên-Xô : vụ Krouchtchev	— id —	189	5
7	Chức thủ chính trị của Togliatti	— id —	190	7
8	Những đòi hỏi cách mạng trong các nước mới độc lập	— id —	191	15
9	Một khủng hoảng mới trong tổ chức Bắc Đại-Thý Dương	— id —	192	7
10	Sách lược xâm nhập của Cộng Sản	Nguyễn-Hữu-Dung	182	43
11	— id —	— id —	183	65
12	Kỹ thuật du kích trong chiến tranh cách mạng của Cộng Sản	— id —	184	58
13	10 năm bang giao Việt Nam — Indo-nésia	Phạm-Lương-Giang	184	3
14	Quan niệm về viện trợ hòa bình của Cộng-Sản	Đào-Quang-Huy	181	36
15	Ngày tưởng niệm và đoàn kết	Nguyễn-Ngu-Í	190	77
16	Chính sách ngoại giao của Thái Lan	Nguyễn-Ngọc-Nê	187	19
17	Vấn đề biên giới Việt Nam/Cambodge và tương lai nền bang giao hai nước	Phạm-Trọng-Nhân	183	3

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	SỐ tập chỉ	Trang
18	Nhân vụ tranh chấp V. N./Cambodge trước Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc	Phạm-Trọng-Nhân	185	3
19	Sông Cửu Long và các quốc gia hà cận	— id —	186	5
20	Nhân vụ tranh chấp Malaysia/Indonésia trước Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc (tháng 9/64)	— id —	187	37
21	Từ Cửu Long Giang tới các thương cảng Saigon — Phnom Penh-Sihanoukville	— id —	188	35
22	Họ Hồ mười năm ở miền Bắc	Như-Phong	181	5
23	Họ Hồ mười năm ở miền Bắc (giai đoạn 58-63)	— id —	182	3
24	— id —	— id —	183	39
25	Độc các tài liệu của lực lượng Quốc Gia Thống Nhất	Đoàn-Thêm	182	13
26	Chung quanh hiến chương 20-19-1964	— id —	190	3
27	Thành lập các Hội-Đồng chuyên môn	— id —	191	3
28	Chương trình hoạt động của chính phủ	— id —	192	3
29	Lại chuyện văn nghệ và chính trị : PEN và COMES	Thu-Thủy	182	91
30	Một quan niệm cách mạng trong giáo giới	Nguyễn-Gia-Tường	191	9
DANH NHÂN				
1	Giải Nobel hòa-bình 1964 : mục-sư Luther King	Nguyễn-Minh-Hoàng	189	73
2	Heleu Keller : một tấm thảm kịch và một cuộc chiến đấu ghê gớm trong cảnh tối tăm mịt mù	Nguyễn-Hiến-Lê	185	39
3	— id —	— id —	186	19
4	Moise Tschombé, lãnh-tụ ba mươi lăm tuổi của xứ Congo 4 tuổi	Thu-Thủy	184	13

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIA	Số tập chỉ	Trang
GIÁO DỤC				
1	Vấn đề dạy sinh ngữ tại cấp Trung-Học	Trương-Văn-Chính	187	31
2	Con đường công chức	Vũ-Hạnh	184	47
3	Đạo đức học đường trong vấn đề phục hưng giáo dục	— id —	185	47
4	Góp ý kiến về chính sách « Cách mạng » của Bộ Quốc Gia Giáo Dục	Nguyễn-Hiến-Lê	183	13
5	Góp ý kiến về chính sách cách mạng của Bộ Quốc Gia Giáo Dục	— id —	184	27
6	Cần nâng cao trí thức của đại chúng	— id —	187	13
7	Địa vị của môn Sử-Địa trong chương trình Trung học hiện nay	Trương-Ngọc-Phú	183	59
8	Đề nghị một chương trình giáo dục chuyên về nông nghiệp	L. M. Parrel	184	35
9	Thử tìm một phương pháp soạn thảo chương trình giáo dục	Bùi-Hữu-Sùng	188	17
10	Vấn đề đào tạo giáo sư và chuyên viên	Đoàn-Thêm	183	51
11	Góp ý kiến về chương trình Trung-học	— id —	184	19
12	Một quan niệm cách mạng trong giáo giới	Nguyễn-Gia-Tường	191	9
KINH TẾ				
1	Ba nền văn minh tương lai của thế giới	Nguyễn-Hiến-Lê	181	45
2	Những sự xáo động trong thời đại quá độ hiện nay	— id —	189	43
3	Kỹ thuật và sự tiến bộ của nhân loại	— id —	190	15
4	Vấn đề số 1 của thời đại	— id —	191	37
5	Thử tìm một giải pháp cho các xứ kém phát triển	— id —	192	9

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chủ	Trang
<u>KHOA HỌC</u>				
1	Vấn đề phát triển ngành thủy sản ngư nghiệp tại Việt Nam	Lê-Dũng-Dân	190	37
2	Trầm tích học và dầu hỏa tại miền Nam	Trần-Kim-Thạch	181	19
3	Trẻ em tập đi, bài học dài trên hai trăm triệu năm của loài có xương sống	— id —	182	38
1	Laser : cuộc cách mạng trong ngành điện tử học	Võ-Quang-Yến	181	59
5	Vũ trụ sinh vật học	— id —	186	69
82	Nobel khoa học 1964	— id —	192	26
<u>NẾP SỐNG NƯỚC NGƯỜI</u>				
1	Đời sống sinh viên đại học Tân-Tây- Lan	Bùi-Hồng-Cầm	181	63
2	Đài-Loan trong hai tuần lễ	Nguyễn-Phước	183	19
<u>NGHỆ THUẬT</u>				
1	Lá thư Hambourg	Mộng-Trung	183	93
2	Nhạc Việt tại Hambourg	— id —	185	61
3	2 giờ với Lê Thương về nhạc của trẻ em	Võ-Đức-Thu	185	89
<u>NGÔN NGỮ HỌC</u>				
1	Một công cuộc nghiên cứu ngoại ngữ	Nguyễn- Thiếu-Nguyên	181	27
<u>SỬ</u>				
1	J. Dupuis một Pháp thương đã làm mưa gió tại Bắc Kỳ	Nguyễn-Phương	190	29

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	SỐ tập chỉ	Trang
2	J. Dupuis một Pháp thương đã làm mưa gió tại Bắc-Kỳ	Nguyễn-Phương	191	31
	THANH NIÊN			
1	Nguyện vọng của thanh niên ngày nay	Bùi-Hữu-Sùng	189	19
	TÔN GIÁO			
1	Kỷ nguyên Hồi Giáo	Dohamide	181	13
2	Hồi giáo trong buổi sơ khai	— id —	182	19
3	Cur-An trong sinh hoạt của người Hồi Giáo	— id —	183	31
4	Nguyên tắc hành đạo của Hồi-Giáo	— id —	184	53
5	— id —	— id —	185	21
6	— id —	— id —	186	29
7	Tập tục của người Hồi-Giáo	— id —	187	47
8	— id —	— id —	188	25
9	Gia đình người Hồi-Giáo	— id —	189	37
10	— id —	— id —	190	23
11	Giá thú theo Hồi-Giáo	— id —	191	25
12	Hồi-Giáo ở nước ngoài và ở Việt-Nam	— id —	192	31
	TRIẾT HỌC			
1	Biện chứng pháp và thực tại nhân linh	Trần-Hương-Tử	182	29
	VĂN HỌC			
1	Cái Hậu trong tác sản phẩm Việt-Nam	Vũ-Hạnh	181	43
2	Cô Mai	— id —	188	53
3	Nguyễn-Văn-Hầu, người làm sống lại các nhà cách mạng miền Nam	Nguyễn-Ngu-Í	187	89

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	SỐ tập chỉ	Trang
4	Sống và viết : với Á-Nam Trần-Tuấn-Khải	Nguyễn-Ngu-Í	189	24
5	Sống, viết với Lê-văn-Siêu	— id —	190	81
6	— id —	— id —	191	43
7	Sống và viết Doãn-Quốc-Sỹ	— id —	192	37
8	Họp mặt văn nghệ ở Leningrad	Tràng-Thiên	186	45
9	Mùa giải thưởng văn chương ở Pháp	— id —	191	79
10	Lại chuyện văn nghệ và chính trị	Thu-Thủy	182	91
11	Giải Nobel văn chương 1964 : J. P. Sartre	— id —	189	81

SINH - HOẠT — VĂN - NGHỆ

SINH HOẠT

1	Một đêm không ngủ	Lê-Tất-Điều	182	94
2	Sinh viên tranh đấu	— id —	184	94
3	Sứ mạng báo chí	Vũ-Hạnh	190	88
4	Lễ tặng giải « Tao Đàn Bạch-Nga » 1964	Hồng-Hữu	191	85
5	Cuộc đời một nhạc sĩ vừa quá cố	Nguyễn-Ngu-Í	185	89
6	Vài nét về dân tộc tính Việt-Nam (thuật buổi nói chuyện của ông Lê-Văn-Hảo tại chùa Xá Lợi ngày 24-9-64)	— id —	186	91
7	Tâm hồn thi sĩ của Nguyễn-Du (thuật buổi nói chuyện của thi sĩ Vũ-Hoàng-Chương)	— id —	187	89
8	Đời sống sinh viên đại học Mỹ	— id —	188	87
9	Cảm nghĩ về vài vấn đề y học tại Việt Nam	— id —	188	87
10	Viện Đại Học Vạn Hạnh, cơ sở giáo dục cao đẳng của Giáo Hội Phật Giáo Việt-Nam Thống Nhất	— id —	190	77
II	Bão lụt miền Trung	Thu-Thủy	190	82
12	Vụ án Yosip Brodski	— id —	192	72

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIA	SỐ tập chí	Trang
<u>DIỄN SÁCH</u>				
1	Độc «Khởi hành» của Lê-Tất-Điều	Thu-Thủy	183	93
2	Độc «Người đàn bà bên kia vĩ tuyến của Doãn-Quốc-Sĩ»	— id —	188	87
<u>TRUYỆN NGẮN</u>				
1	Dấu nước mắt trên gối	Yên-Hi-Ba	183	85
2	Lạnh tuổi vàng	Nhã-Ca	181	89
3	Uất hận lên men	Phan-Du	184	69
4	Giấc ngủ của nàng	Nghiêu-Đề	192	61
5	Về bốn phương trời	Lê-Tất-Điều	182	55
6	Về già	— id —	191	67
7	Tình yêu đất	Võ-Hồng	184	83
8	Cái nhìn người mẹ	— id —	189	63
9	Vết thương dậy thì	Tuý-Hồng	187	71
10	— id —	— id —	188	69
11	Quê nhà	Y-Uyên	185	71
12	Trường hợp của Mạnh	Nguyễn-Thị-Thụy-Vũ	190	54
<u>TRUYỆN DÀI</u>				
1	Vòng tay học trò	Hoàng-Đông-Phương	181	73
2	— id —	— id —	182	77
3	— id —	— id —	183	71
4	— id —	— id —	186	81
5	— id —	— id —	187	61
6	— id —	— id —	188	59
7	— id —	— id —	189	51

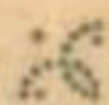
SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BÔ MÔN	TÁC GIẢ	SỐ tập chỉ	Trang
8	Vòng tay học trò	Hoàng-Đông-Phương	190	43
9	— id —	— id —	191	51
10	— id —	— id —	192	51
TRUYỆN DỊCH				
1	Tiếng nói nhân dân	Tahsiu Yücel Tràng-Thiên (dịch)	187	51
THƠ				
1	Quê hương mình còn đó	Đỳnh-Trầm-Ca	192	59
2	Buổi họp mặt — về một loài hoa	Trần-Đại	181	62
3	Khi lửa đau khổ cháy lên — Cung thu giữa mùa xuân	— id —	192	46
4	Ý nghĩ hiền của mẹ	Thái-Tú-Hạp	182	54
5	Nụ đầu mùa — vong nô	Xuân-Hiến	189	60
6	Quê hương một loài chim	Luân-Hoán	185	70
7	Cánh cửa lớn	— id —	190	52
8	Di cư trên sông — Gốc cây núp đạn	— id —	192	59
9	Cát và sông	Hoài-Khanh	186	80
10	Tình yêu quê hương	Huy-Lực	187	68
11	Nỗi buồn đông phương	— id —	190	53
12	Về quê nội — Vời xa	Hoàng-Lộc	192	72
13	Người con quê hương	Ng.-Nho-Nhượng	186	78
14	Vết buồn thời đại	— id —	192	60
15	Trôi xa — Cay đắng	Lê-Đình-Phạm-Phú	186	79
16	Đi xa — Về phía mặt trời	— id —	187	70
17	Đoản ca	Hữu-Phương	181	86
18	— id —	— id —	183	92
19	Đất và biển — „Tiến đưa“	— id —	186	75

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chỉ	Trang
20	Đoản ca	Hữu-Phương	187	69
21	Hoàng hôn trên biển	— id —	189	72
22	Mùa thu	Lữ-Quỳnh	186	80
23	Đôi mắt quê hương	Đình-Hoàng-Sa	183	84
24	Bài ca 30	Thanh-Thuyền	182	53
25	Còn gì không em	— id —	183	83
26	Á phi	— id —	185	67
27	Điệp khúc Á Châu	— id —	187	67
28	Thủy triều XX	Đoàn-Thêm	186	76
29	Thủy triều XXX	— id —	189	70
30	Thủy triều XXI	— id —	192	36
31	Con nước phù sa dựng Hậu Giang	Huỳnh-Thanh-Tòng	185	68
32	Bài ca mùa hè — Con tàu	Tần-Hoài-Dạ-Vũ	181	87
33	Cho tương lai	— id —	190	51

nhà in **VĂN HÓA**

412-414 Trần-Hưng-Đạo, Sài Gòn — Đ.T. 20.161

MỘT NHÀ IN LÂU NĂM ĐƯỢC NHIỀU TÍN NHIỆM



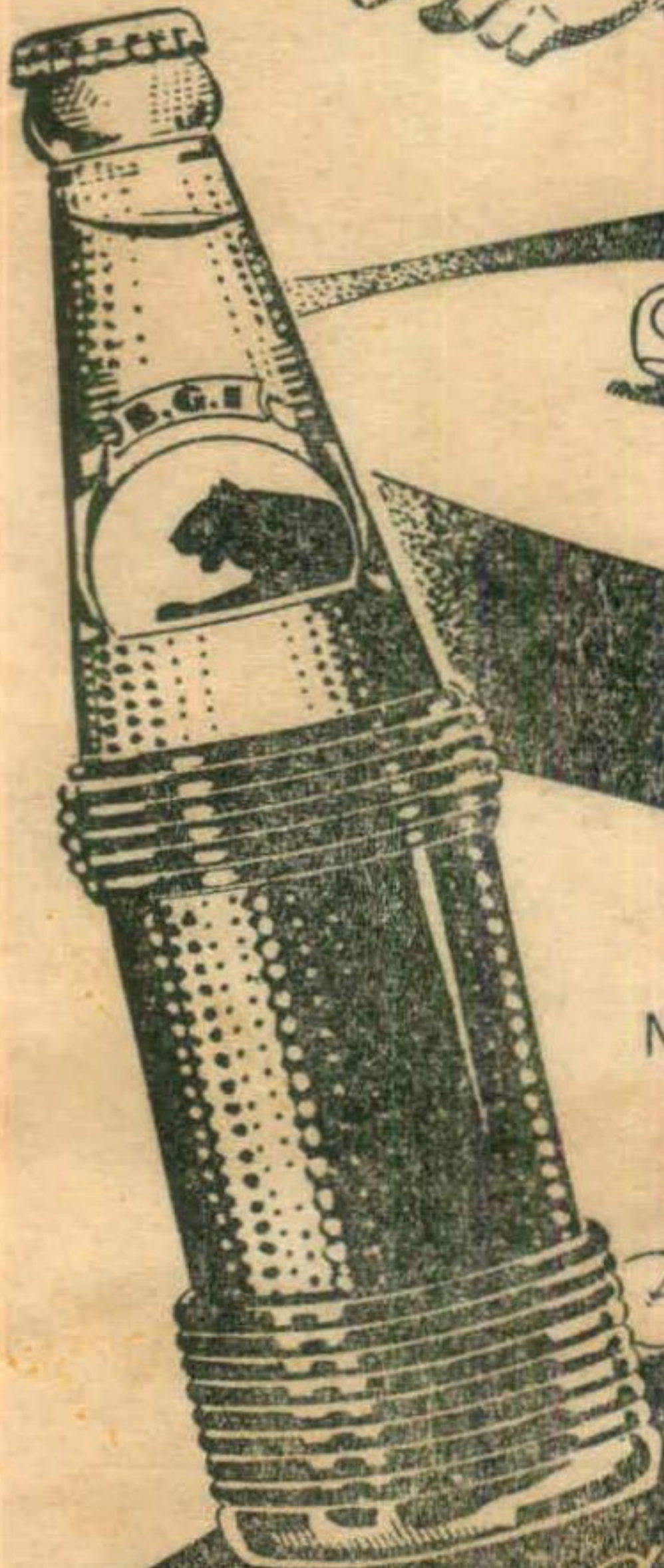
- AN LOÁT MỸ THUẬT
- CÔNG VIỆC NHANH CHÓNG, GIÁ HẠ
- CÁC GIAI PHẨM, SÁCH BÁO, CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT

TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ÀM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

Chỉ có



NƯỚC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai HÒA TIỀN!

CAPSTAN

MEDIUM



W.D.&H.O.WILLS.
BRISTOL & LONDON

Quản nhiệm **HUYNH-VĂN-LANG**
Chủ nhiệm

Tòa soạn

160, Phan-Đinh-Fùng - SAIGON

Điện số : 25.539

In tại **VĂN-HÓA AN-QUÁN**
41B-414, Trần-Hung-Đạo - SAIGON

Giá : 10\$

Công số : 15\$

<http://tieulun.hopto.org>